

LUẬT KHOA

tạp chí

NGƯỜI KINH: TỪ ĐỒNG CHÍ CỘNG SẢN TRỞ THÀNH THỂ LỰC THỰC DÂN NỘI ĐỊA Ở TÂY NGUYÊN

Vấn đề tôn giáo
tại Tây Nguyên:
Chính quyền
càng can thiệp thô bạo
càng không có lối thoát

Vì sao chính quyền
Việt Nam luôn
khắc nghiệt
với tôn giáo?

Vì sao huyện Cư Kuin
trở thành điểm nóng
ở vùng Tây Nguyên?

Cuộc đua
xây tượng Phật
hoành tráng
ở Việt Nam

Khi
Tây Nguyên
không còn
là nhà



Luật Khoa tạp chí là một dự án
của Sáng kiến Pháp lý Việt Nam
(Legal Initiatives for Vietnam),
một tổ chức phi lợi nhuận đăng ký ở
California, Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ: 1520 E. Covell
Suite B5 - 426, Davis, CA 95616.

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan.

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long.
Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi,
Phạm Đoàn Trang.

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về:
bbt@mail.luatkhoa.org.

© Từ 2014

Luật Khoa tạp chí
Số tháng Bảy, 2023
Phát hành ngày 06/07/2023.

Phiên bản PDF và EPUB
của Luật Khoa tạp chí nằm trong
các gói “Member” (\$2/tháng)
và “Supporter” (\$5/tháng)
trên www.luatkhoa.com.

Luật Khoa là tạp chí phi lợi nhuận.
Toàn bộ doanh thu được tái đầu tư
để phát triển tạp chí.

LỜI TÒA SOẠN:

Luật Khoa và sáu tháng triển khai mô hình nội dung thu phí

Bạn đọc thân mến,

Cho tới nay, Luật Khoa tạp chí đã triển khai mô hình nội dung thu phí được tròn sáu tháng. Đây là con đường làm báo điện tử gần như hoàn toàn mới mẻ ở nước ta, khác với cách làm báo điện tử truyền thống với nội dung miễn phí và bán quảng cáo. Luật Khoa hân hoan tham gia trào lưu mới này cùng một số báo khác, và đã thu được những kết quả rất đáng khích lệ sau nửa năm triển khai, cụ thể như sau:

- 265 độc giả trả phí (\$2/tháng hoặc \$5/tháng).
- \$542 doanh thu hàng tháng.
- 9.306 tài khoản thành viên.
- 7.253 tài khoản đăng ký nhận bài qua email (newsletter).
- Tỷ lệ mở thư đọc newsletter: thông thường là 33-35% với mỗi bài gửi đi.

Nếu tính thêm 170 độc giả đang đóng góp hàng tháng cho Luật Khoa qua Donorbox và Paypal, con số tổng cộng sẽ như sau:

- 435 độc giả trả phí và/hoặc đóng góp.
- Khoảng \$1.400 doanh thu hàng tháng.

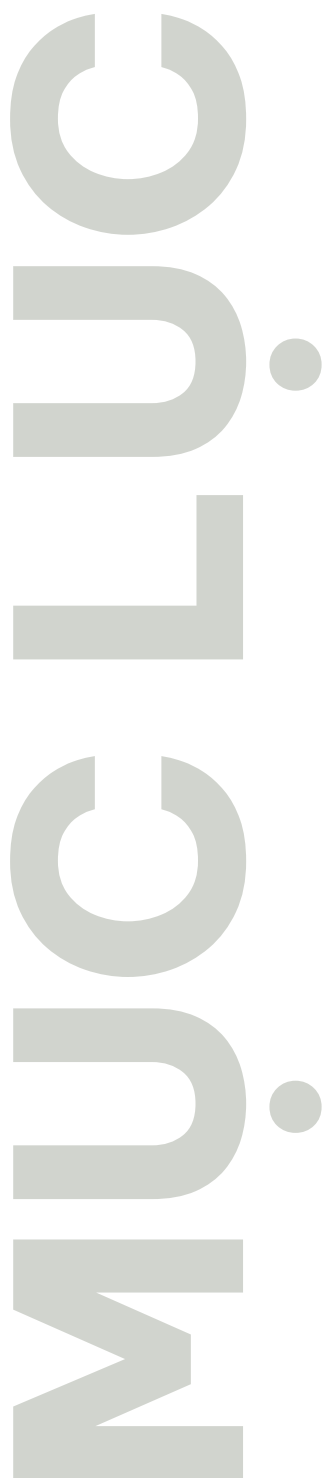
Tòa soạn cũng xin làm rõ một số vấn đề sau đây để quý độc giả tránh hiểu nhầm:

- Luật Khoa đã, đang và sẽ luôn luôn là một tạp chí phi lợi nhuận. Mọi khoản thu đều được tái đầu tư.
- Luật Khoa luôn luôn duy trì một lượng bài miễn phí, ít nhất là 1/3, để phục vụ công chúng. Trong thời gian qua, phần lớn bài vở trên Luật Khoa vẫn miễn phí.

Tháng Tư vừa qua, Luật Khoa tạp chí đã được chọn tham gia chương trình đào tạo kinh doanh báo chí của Quỹ Đầu tư và Phát triển Báo chí (MDIF) của Mỹ. Trong thời gian tới, MDIF sẽ hỗ trợ Luật Khoa phát triển mô hình kinh doanh nội dung phù hợp với sứ mệnh truyền bá kiến thức chính trị và pháp luật.

Chúng tôi vẫn đang thử nghiệm con đường làm báo mới mẻ này và cảm ơn bạn đã đồng hành cùng chúng tôi.

Trịnh Hữu Long
Tổng biên tập
5/7/2023



- 04** *Luật Khoa Tạp Chí*
**Luật Khoa 360: Vụ tấn công
trụ sở công quyền xã tại Đắk Lắk**
- 08** *Võ Văn Quân*
**Đồn đoán chính trị trong
vụ xung đột ở Tây Nguyên
là vũ khí chống lại
độc quyền thông tin**
- 14** *Vincente Nguyen*
**Người Kinh: Từ đồng chí
cộng sản trở thành thế lực
thực dân nội địa ở Tây Nguyên**
- 19** *Văn Tâm*
**Vấn đề tôn giáo tại Tây Nguyên:
Chính quyền càng can thiệp
thô bạo càng không có lối thoát**
- 23** *Thái Thanh*
**Vì sao huyện Cư Kuin
trở thành điểm nóng ở
vùng Tây Nguyên?**
- 26** *Trần Duy*
**Khi Tây Nguyên
không còn là nhà**
- 41** *Võ Văn Quân*
**Vì sao chất lượng học thuật
xuống thấp trong một
nền chính trị toàn trị?**
- 46** *Trịnh Hữu Long*
**Đài Loan lược sử - Kỳ 4:
Chiến tranh Triều Tiên đã
cứu sống Đài Loan như thế nào?**
- 50** *Trịnh Hữu Long*
**Đài Loan lược sử - Kỳ 5:
Cuộc cải cách ruộng đất
không đổ máu và
thành công vang dội**

- 53** *Trịnh Hữu Long*
Đài Loan lược sử - Kỳ 6:
Chính phủ kiến tạo và
nền kinh tế thần kỳ
- 57** *Ái Thư*
Độc sách cùng Đoan Trang
Con đường dân chủ ở
Trung Quốc: Còn rất xa
mới đạt được điểm đột phá
- 61** *Trần Quỳnh Vi*
Độc sách cùng Đoan Trang
Đi tìm mục đích đời mình
cùng với Viktor E. Frankl
- 64** *Vincente Nguyen*
Một hình dung mới về lịch sử
Việt Nam: Câu chuyện Phật giáo
đầu tiên nhưng lại liên quan
đến Ấn Độ giáo
- 70** *Văn Tâm*
Cuộc đua xây tượng Phật
hoành tráng ở Việt Nam
- 77** *Ái Thư*
Độc sách cùng Đoan Trang
Giao tiếp với cõi tâm linh: Từ
mê tín dị đoan trở thành sản
phẩm của chính trị
- 80** *Văn Tâm*
Vì sao chính quyền Việt Nam
luôn khắc nghiệt với tôn giáo?

Luật Khoa 360:

VỤ TẤN CÔNG TRỤ SỞ CÔNG QUYỀN XÃ TẠI ĐẮK LẮK

Diễn ra tại điểm nóng liên quan đến
đất đai, sắc tộc và tôn giáo.

Luật Khoa Tạp Chí

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 11/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Khi nhận được thư tin này, chắc bạn đã nghe nói tới vụ một nhóm người có vũ trang tấn công trụ sở công quyền tại hai xã Ea Tiêu và Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Nếu bạn chưa nghe thì đây là một số thông tin tổng hợp cho đến thời điểm 15:30 ngày 11/6/2023:

- Theo Bộ Công an, vụ việc xảy ra sáng sớm ngày 11/6, với một nhóm người chưa xác định danh tính dùng súng tấn công trụ sở Công an xã Ea Tiêu và Ea Ktur, giết chết và làm bị thương một số cán bộ và thường dân. [1]
- Công an đã bắt được sáu nghi phạm và giải cứu được hai con tin, theo Thông tấn xã Việt Nam. [2]

Đây là vụ việc có tính chấn động quốc gia, nhưng thông tin được báo chí và chính quyền đưa ra rất ít, dựa hoàn toàn vào nguồn tin từ Bộ Công an và Thông tấn xã Việt Nam, chưa kể nhiều thông tin đã bị gờ.

NHỮNG THÔNG TIN ĐÃ BỊ GỖ

Một bài trên VnExpress đã bị xóa hoặc sửa, trong đó có đưa thêm một số thông tin như sau:

- Vụ việc xảy ra lúc 0:35 sáng ngày 11/6.
- Khoảng 10 người đi xe máy đến tấn công trụ sở Ủy ban Nhân dân (UBND) và Công an xã Ea Tiêu, sát hại hai cán bộ công an, sau đó chặn ô-tô bán tải và bắn chết tài xế.
- Cùng lúc, một nhóm khác tấn công trụ sở UBND và Công an xã Ea Ktur, sát hại ba cán bộ, sau đó ra đường bắn chết ba người.

BỐI CẢNH

Những thông tin sau đây không nhất thiết liên quan tới vụ tấn công này, nhưng là bối cảnh chính trị - xã hội trên địa bàn hai xã kể trên, vốn là hai xã liền kề trong huyện Cư Kuin. Huyện này gần đây là điểm nóng liên quan tới đất đai và một vụ dọ giết phóng viên điều tra Nguyễn Văn Tuấn của báo Tiền Phong, bên cạnh vấn đề tôn giáo. Trước hết, hai xã Ea Tiêu và Ea Ktur liên quan trực tiếp tới hai dự án xây dựng lớn trong thời gian vừa qua:

- Dự án đường Hồ Chí Minh, đoạn đường tránh phía Đông TP. Buôn Ma Thuột, với chiều dài hơn 39km, có tổng kinh phí hơn 1.500 tỷ đồng, do Bộ Giao thông - Vận tải phê duyệt chủ trương đầu tư và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk làm chủ đầu tư. Dự án này đi qua các thửa đất nông nghiệp do một số công ty cà phê đang quản lý. Các công ty cà phê này lại đang khoán đất cho các hộ nông dân canh tác. [3]
- Khu đô thị mới Trung Hòa, đã được quy hoạch, nằm gọn trong hai xã này. [4] Để xây dựng khu đô thị mới, chính quyền dự kiến sẽ phải thu hồi đất nông nghiệp từ các công ty cà phê dọc

quốc lộ 27. Theo báo chí nhà nước, từ khi có quy hoạch khu đô thị này, tình trạng sốt đất gia tăng, nhiều hộ dân đang canh tác trên các phần đất nông nghiệp này đã sang tay một số thửa đất cho những người đầu tư, đầu cơ. Hiện có đến 500 trường hợp được cho là lấn chiếm, mua bán, sử dụng đất, xây dựng nhà trái phép trên đất nông nghiệp do các công ty cà phê quản lý, trong đó có nhiều hộ nằm gọn trong khu vực quy hoạch khu đô thị mới. [5]

Liên quan tới hai dự án nói trên, trong thời gian gần đây, hoạt động giải phóng mặt bằng và cưỡng chế thu hồi đất diễn ra liên tục.

- Từ ngày 27-31/5/2022, UBND huyện Cư Kuin cưỡng chế tháo dỡ 64 công trình của 58 hộ được cho là xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cà phê Việt Thắng quản lý tại xã Ea Tiêu. Theo quy hoạch, các công trình này nằm trong khu đô thị mới Trung Hòa. [6]
- Ngày 1/3/2023, có 29 hộ dân được cho là đã tự nguyện bàn giao đất nông nghiệp cho UBND huyện trước thời điểm cưỡng chế đất để giải phóng mặt bằng cho dự án đường tránh phía Đông, dự kiến diễn ra trong hai ngày 2-3/3. Trước đó, các hộ này không bàn giao vì chưa thỏa thuận được tiền đền bù với các công ty cà phê đang quản lý các thửa đất nông nghiệp này. [7]

Điều đáng chú ý là các thông tin liên quan tới hai vụ cưỡng chế trên đều không phỏng vấn các hộ dân bị cưỡng chế mà chỉ có thông tin từ phía chính quyền. Dựa trên các thông tin này, chúng ta không thể biết được lý do vì sao các hộ dân này không chịu bàn giao đất khi có quyết định thu hồi mà phải để chính quyền phải ra quyết định cưỡng chế.

Cũng liên quan tới dự án đường tránh phía Đông nói trên, tháng Năm vừa qua, báo Tiền Phong có đăng một phóng sự điều tra về nạn “đất tặc”, cụ thể như sau: [8]

- Phóng sự được thực hiện ngày 27-28/4/2023, ghi nhận hai chiếc máy xúc hoạt động trong khu vực đất của ông Hương ở thôn 8, xã Ea Ktur. Các máy xúc này liên tục cào đất từ quả đồi nằm trong thửa đất này, chất lên các xe tải lớn.
- Các xe tải này chờ và đổ đất tại khu vực đang thi công công trình đường tránh phía Đông. Ước tính có hàng chục ngàn mét khối đất đã bị xúc mang đi.
- Ông Hương được cho là đã cho ông N.D.T. đào và xúc đất mang đi. Theo Luật Khoáng sản, đây là hành vi vi phạm pháp luật.
- Chính quyền xã Ea Ktur cho biết đã xử phạt ông Hương 4 triệu đồng, đồng thời nói rằng tình trạng đào đất quanh khu vực này để phục vụ cho “dự án khác” cũng đã xảy ra trước đó.
- Ngày 18/5, phóng viên Nguyễn Văn Tuấn - người thực hiện phóng sự điều tra này - nhận được các cuộc điện thoại dọa giết cả nhà nếu tiếp tục điều tra. [9]

Vấn đề tôn giáo ở huyện Cư Kuin cũng được báo chí nhà nước khắc họa như một điểm nóng, liên quan tới các nhóm Tin Lành và Mặt trận Thống nhất Đấu tranh của các Sắc tộc bị Áp bức (FULRO). Tuy nhiên, không có nhiều thông tin trong vài năm gần đây liên quan tới hai xã Ea Ktur và Ea Tiêu - nơi xảy ra vụ tấn công.

- Trích theo báo Đắk Lắk (2017): “Tại buôn K’nia (xã Ea Tiêu) có Ama Chối, tín đồ đạo Tin Lành, trước đây do lầm lạc nghe lời các đối tượng phản động Fulrô làm điều xấu với buôn làng. Sau khi được chính quyền, cán bộ Công an các cấp giáo dục, cải tạo, Ama Chối đã hiểu ra sai trái của mình, hồi tâm, hối cải, vượt khó vươn lên, chăm lo làm ruộng rẫy để cải thiện cuộc sống.” [10]
- Trích theo VOV (2021): “Tại Mỹ, đầu năm 2019, Y Hìn Niê đã tăng cường liên lạc, tiếp tục chỉ đạo số cốt cán trong nước mà đứng đầu là con trai

hắn là Yjôl Bkrông ở buôn Ea Khít, xã Ea Bhôk, huyện Cư Kuin, Đắk Lắk phục hồi, phát triển lực lượng, kiện toàn lại cái gọi là ‘Giáo hội Tin lành đáng Christ Việt Nam - ECCV’.” [11]

- Trang thông tin điện tử của Công an tỉnh Đắk Lắk (2023) có bài nói về các nhân vật Y Pher Hdrue, Y Quynh Bđáp ở huyện Cư Kuin đã tham gia tổ chức FULRO, bị bắt và bị kết án tù giam vì tội “Phá hoại chính sách đoàn kết và hủy hoại tài sản”. Sau khi ra tù, họ đã vượt biên sang Thái Lan từ tháng 8/2018. [12]

Xin lưu ý lại một lần nữa: Thông tin bối cảnh trên đây không nhất thiết liên quan tới vụ tấn công vào các trụ sở công quyền ở Ea Tiêu và Ea Ktur.

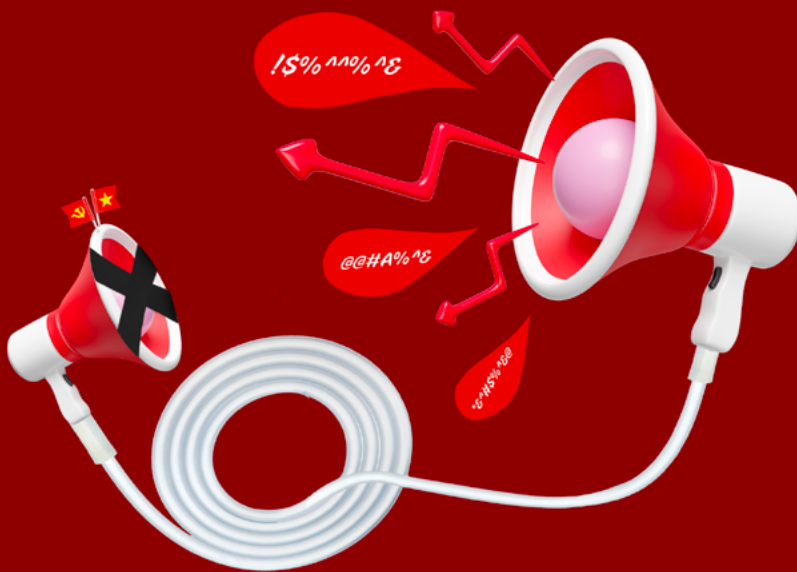
BÌNH LUẬN CỦA LUẬT KHOA

Lưu ý: Đây chỉ là một quan điểm trong vô số quan điểm khác nhau. Nếu bạn có ý kiến phản hồi hoặc phản bác, bạn có thể hồi âm vào email này cho Luật Khoa.

- Trong tình hình khủng hoảng này, việc minh bạch thông tin là tối quan trọng. Tuy nhiên, báo chí chính thống đang đưa tin rất vắn tắt và nhỏ giọt theo Bộ Công an mà không có các nguồn tin độc lập từ các nhân chứng và người dân, khiến dư luận không có bức tranh đầy đủ (dù chỉ là tương đối) về vụ việc. Ngay cả thông tin chi tiết hơn về các nạn nhân của vụ tấn công này cũng chưa được công bố, dù là thông tin đã khừ danh tính đi chẳng nữa. Đây là cách kiểm soát thông tin điển hình của chính quyền trong các tình huống khủng hoảng, mà gần đây là cuộc khủng hoảng Đồng Tâm năm 2020. Và sau cùng, không có gì đảm bảo thông tin trên báo hiện nay là chính xác.
- Các nghi phạm bị bắt trong vụ việc này rất có khả năng sẽ bị tra tấn nặng nề để ép cung nhằm phục vụ mục

tiêu phá án nhanh của cơ quan điều tra. Điều đáng quan ngại là do thông tin trên báo đang định hình họ là một nhóm khủng bố, nên dù họ có bị tra tấn đi chăng nữa cũng sẽ không được mấy ai quan tâm. Việc tra tấn cũng sẽ dễ dàng được biện minh bằng lý do an ninh, trong khi khía cạnh nhân quyền và động cơ gây án của các nghi phạm sẽ bị phớt lờ.

- Một số trang mạng thân chính quyền, chẳng hạn Tifosi, đã đăng bài ám chỉ vụ việc có thể liên quan tới vấn đề tôn giáo và FULRO. [13] Việc này có thể biến các hội nhóm tôn giáo ở huyện Cư Kuin và tỉnh Đắk Lắk nói chung trở thành “dê tế thần”, đặc biệt là các hội nhóm Tin Lành và một số nhóm mà chính quyền gọi là “tà đạo”. Các cáo buộc vô căn cứ nhắm vào các hội nhóm tôn giáo là chuyện thường thấy ở nước ta, mà điển hình là vụ Hội thánh Truyền giáo Phục hưng trong thời kỳ đại dịch COVID-19. [14] □



ĐỒN ĐOÁN CHÍNH TRỊ TRONG VỤ XUNG ĐỘT Ở TÂY NGUYÊN LÀ VŨ KHÍ CHỐNG LẠI ĐỘC QUYỀN THÔNG TIN

*Đây không phải tin giả, mà là kỳ vọng
đối thoại của một cộng đồng.*

Võ Văn Quân

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 14/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.

Vụ tấn công có tổ chức của một nhóm vũ trang tự phát sát hại nhiều cán bộ địa phương tại Đắk Lắk có thể nói là một trong những sự kiện tấn công vũ trang nghiêm trọng nhất ở Việt Nam trong hơn một thập niên trở lại đây.

Và chúng ta tiếp tục được chứng kiến cách ứng xử quá quen thuộc của chính quyền hiện nay: không có bất kỳ sự minh bạch thông tin nào.

Các tờ báo đưa ra những tin tức đầu tiên mà chưa có sự kiểm duyệt của chính quyền ngay lập tức bị gỡ bỏ. Cho đến nay, việc đưa tin về vấn đề này đã được thống nhất chỉ đạo gần như tương tự nhau trên mọi phương tiện.

Điều đó khiến cho công chúng không còn cách nào khác ngoại trừ việc tự đưa ra những quan sát, dự đoán, phỏng đoán, v.v. Người viết có thể tạm gọi đây là tin đồn chính trị (political rumor), để bàn luận về một vấn đề có tầm quan trọng quốc gia này.

Nhiều người cho rằng xung đột có thể liên quan đến đất đai, bởi địa phương xảy ra vụ việc trên đã từng chứng kiến hoạt động cưỡng chế đất đai diễn ra trước đó không lâu.

Một số chưa được thuyết phục với thông tin này. Tranh chấp đất đai chỉ có thể đẩy mạnh đến mức độ vũ trang lớn như vậy khi các chiến dịch cưỡng chế đất đai diễn ra mà không thành. Ngoài ra, người tranh chấp đất ít khi có đủ sự hung hăng đến mức tổ chức thành nhóm vũ trang và xác định mục tiêu tấn công là cơ quan công quyền, chưa nói đến việc giết hại nhiều người tại đó.

Vì lý lẽ này, một số người tin rằng vụ nổ súng là dấu hiệu cho thấy sự trở lại của các nhóm vũ trang đấu tranh đòi độc lập và tự trị cho người Thượng (Montagnard). Cách lý giải này cũng được nhiều người đồng tình.

Hiển nhiên, ngay sau đó, cũng có nhiều luồng dư luận chỉ trích, chê bai các quan sát nói trên là cả nghĩ khi không đủ chứng cứ, và nó bỏ qua một sự thật rằng những quan sát và dự đoán này chỉ xuất phát từ sự cấm cản và kiểm soát thông tin ngay từ ban đầu của chính quyền Việt Nam.

Trong các lý thuyết chính trị hiện nay, tin đồn và tán dóc chính trị là một trong những thực hành phổ biến và được xem là kết quả đương nhiên của các không gian xã hội nơi mà quần chúng bị chính quyền kiểm duyệt và giới hạn thông tin.

Hiểu đơn giản, khi quyền lực chính trị bất đối xứng, người dân không thể cạnh tranh để tìm hiểu các nguồn thông tin, nắm giữ tài nguyên thông tin cũng như gây ảnh hưởng lên quá trình chuyển tiếp thông tin với các thiết chế trực thuộc chính quyền. Trong tình trạng đó, không còn cách nào khác, họ phải dựa vào tin đồn để bàn tán về chủ đề chính trị, xây dựng quan điểm chính trị và thậm chí là tham gia vào việc chỉ trích, giễu cợt các chính trị gia.

Dưới nhiều góc độ, sự tham gia chủ động của người dân vào hệ thống tin đồn chính trị và các hoạt động liên quan buộc chính quyền, dù ở lẽ phải nào, cũng phải nói lòng thông tin và minh bạch hóa hoạt động của mình.

Vì lý do này, tin đồn chính trị từng được nhà nghiên cứu khoa học chính trị gào cọi James C. Scott gọi là vũ khí của những nhóm yếu thế (the weapon of the weak).

[1]

Tuy nhiên, cách tiếp cận trên cũng có phần khiến cho tin đồn và hoạt động lan truyền tin đồn chính trị của quần chúng gần giống với các chiến dịch phản thông tin (disinformation) và giả thông tin (misinformation). Điều gì khiến chúng thật sự khác nhau?

Nếu tham khảo một vài nghiên cứu, như nghiên cứu “*Rumors: Uses, Interpretations and Images*” của Jean-Noel Kapferer, có thể rút ra được một vài điểm khác biệt cơ bản giữa tin đồn chính trị của các nhóm bình dân và sự thao túng thông tin qua các chiến dịch tin giả của các nhóm đầu sỏ chính trị khác. [2] Khác biệt đầu tiên là về chủ thể, kể đến là về mục tiêu.

Chủ thể tham gia và phát tán các sản phẩm tin đồn chính trị thường là các nhóm bình dân, quần chúng. Họ sử dụng một số luồng thông tin xuất hiện ở nhiều hình thức khác nhau. Sau đó, họ quan sát và sử dụng tri thức cá nhân để truyền đạt và diễn giải cho nhau nghe về một sự kiện hay hiện tượng mà các định chế quyền lực chính thức vẫn chưa bác bỏ hoặc ủng hộ.

Điều này hoàn toàn trái ngược với cách tiếp cận của các chiến dịch tin giả, thường được cho là gắn liền với các nhóm quyền lực hiện hữu, vốn đã có sẵn vị thế trong hiện trạng chính trị quốc gia.

Mặc khác, các sản phẩm tin đồn chính trị của giới bình dân thường được dùng để thể hiện sự bức xúc, tức giận, hay khả năng tự diễn giải của mình đối với một nhân vật chính trị, một vấn đề chính trị hay sự giấu giếm thông tin của chính quyền.

Trong khi đó, hệ thống tin giả được thiết lập và lan truyền bởi các nhóm chính trị thường được dùng để gây ảnh hưởng, leo lái, dẫn dắt dư luận nhiều hơn.

Với những quan sát trên, sự hình thành của đồn đoán chính trị, theo cách diễn giải của tác giả Tsai Wen Hsuan, có thể cần hai điều kiện chính:

- (1) Thông tin bị cấm cản, hạn chế khi một sự kiện, khủng hoảng diễn ra;
- (2) Người dân chủ động tham gia vào quá trình đồn đoán (như ghi thêm quan sát cá nhân, bình luận). [3] Bằng cách này, các tin đồn chính trị tự thân nó trở thành một hình thức thảo luận công cộng (collective discussion) thay thế cho sự minh bạch mà người dân đáng lẽ phải có được trước đó. Trong bối cảnh Trung Quốc, khá tương tự với Việt Nam, tác giả Zongli Lu cho rằng tin đồn đã trở thành một sản phẩm chính trị lâu đời của Trung Quốc và thậm chí có thể so sánh với các lời tiên tri. Đối với ông, tin đồn lẫn tiên tri đều là những hành vi tự điều chỉnh của xã hội (corrective social act). [4]

Dựa vào các lý thuyết về kiến tạo xã hội nói chung, nhìn vào những đồn đoán của quần chúng, người ta khẳng định rằng tin đồn - như là một công cụ phản kháng của các nhóm yếu thế - phản ánh phần nào ý thức tập thể của quần chúng và cách mà họ nhận thức một vấn đề, một sự kiện chính trị trong bối cảnh thiếu minh bạch thông tin.

Bằng cách lan truyền tin đồn, bổ sung, chỉnh sửa, thêm thắt các yếu tố khác nhau vào hệ thống tin đồn, người dân thể hiện sự bất mãn và góc nhìn chung của họ đối với một cá nhân, một sự kiện, một hệ thống. Đôi khi, bằng sự thông thái đại chúng, những câu chuyện này được chuyển đổi và biến thành các sản phẩm khác như thơ ca, truyện dân gian, đến cả các lời tiên tri v.v.

Sẽ khó có thể biết chuyện gì tiếp tục xảy ra ở Đắk Lắk, và lý do của những câu chuyện đang xảy ra là gì. Tuy nhiên, có một điều chắc chắn là trong không gian thiếu minh bạch và thiếu các kênh thông tin cụ thể dành cho người dân, tin đồn và những quan sát, dự báo chính trị tiếp tục là nguồn sống cho các thảo luận chính trị của người dân.

Hiển nhiên sẽ có những nhóm tin tưởng tuyệt đối vào nguồn thông tin của chính quyền. Nhưng cho đến thời điểm này, những tin đồn và các phán đoán chính trị quần chúng có vẻ luôn đi trước và luôn có chỗ đứng hơn trong nhiều cộng đồng. Trừ khi chính quyền cởi mở hơn, minh bạch hơn, và quan trọng nhất là thực hành công bình hơn trong các quyết sách thông tin, còn không thì các đồn đoán chính trị vẫn sẽ tiếp tục là vũ khí chống lại sự độc quyền đó. Đây không phải tin giả, mà là kỳ vọng đối thoại của một cộng đồng. □

VIẾT THƯ CHO TRANG

A background illustration in a sketchy, painterly style. It depicts several people engaged in writing. In the foreground, a young woman with long dark hair is writing on a piece of paper. Behind her, a man with glasses and a mustache is also writing. To the right, another man is visible, focused on his work. The background is filled with various papers, some of which are torn or crumpled, creating a sense of a busy, perhaps chaotic, environment. The overall color palette is muted, with earthy tones and soft lighting.

Nhà báo Phạm Đoan Trang, đồng sáng lập viên - biên tập viên của Luật Khoa, bị tuyên án 9 năm tù giam vào ngày 14/12/2021 về tội “tuyên truyền chống nhà nước”.

Đây là bản án bất công và hoàn toàn trái với luật quốc tế về nhân quyền.

Hãy ủng hộ Đoan Trang bằng cách viết thư và gửi cho cô tại địa chỉ:

Phạm nhân Phạm Thị Đoan Trang, Trại giam An Phước, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hoặc bạn có thể tạo bưu thiếp cho Đoan Trang theo công cụ chúng tôi tạo sẵn trên Google Form tại đây: bit.ly/dearTrang

Tranh minh họa: Jin Jin, do Ân xá Quốc tế hỗ trợ.

An illustration of two hands, one from the top right and one from the bottom left, holding a yellow rectangular sign. The sign has the text 'ĐÓNG GÓP CHO' in a smaller font at the top and 'LUẬT KHOA' in a larger, bold font below it. The background is a light green with a subtle geometric pattern.

ĐÓNG GÓP CHO

LUẬT KHOA

Chúng tôi làm báo độc lập.
Không sợ ai.
Không nịnh ai.

Hãy đóng góp cho Luật Khoa để
xây dựng báo chí độc lập Việt Nam:

donorbox.org/luatkhoa

Luật Khoa là một dự án của tổ chức
Sáng kiến Pháp lý Việt Nam (Legal
Initiatives for Vietnam), một tổ chức
phi lợi nhuận đăng ký ở California,
Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Mọi khoản đóng góp của độc giả ở
Hoa Kỳ đều được khấu trừ thuế (tax
deduction). Số EIN của chúng tôi:
81-5257301.

Đã có Báo cáo Thường niên 2021
tại đây: [www.liv.ngo/bao-cao-
thuong-nien-annual-report-2021](https://www.liv.ngo/bao-cao-thuong-nien-annual-report-2021)

Liên hệ: editor@mail.luatkhoa.org

NGƯỜI KINH: TỪ *ĐỒNG CHÍ CỘNG SẢN* TRỞ THÀNH THỂ LỰC *THỰC DÂN NỘI ĐỊA* Ở TÂY NGUYÊN



Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 22/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

An illustration featuring a large black silhouette of a person in a military-style uniform, saluting with their right hand. The background is a vibrant red flag with a large yellow five-pointed star on the left and a yellow hammer and sickle symbol on the right. Below the flag, there are silhouettes of a landscape with hills and a small figure running. In the bottom left corner, there are several black silhouettes of hands reaching upwards.

*Quyết tâm khai hóa bằng sự
thượng đẳng và tính ưu việt
của chủ nghĩa xã hội.*

Vincente Nguyen

Nhờ vào cuộc chiến chống thực dân Pháp và sau đó là cuộc chiến chống chính quyền Việt Nam Cộng hòa, các lực lượng cách mạng cộng sản Việt Nam luôn có cơ hội sát cánh cùng với các nhóm dân tộc thiểu số, sắc dân bản địa cao nguyên. Họ thường chĩa mũi giáo cáo buộc “thực dân”, “đàn áp”, “đồng hóa” sang các thế lực chính trị đối nghịch với họ.

Tuy nhiên, khi đã giành được chính quyền sau năm 1975, nhóm người Kinh cộng sản không còn gì để đứng chung với các sắc dân thiểu số. Điều này được minh chứng bằng một loạt các chính sách can thiệp và cưỡng ép, dẫn đến xung đột kéo dài, mà ngay ở thời điểm hiện tại, có lẽ câu chuyện về người Thượng Tây Nguyên lại tiếp tục được nhắc đến rất nhiều.

Vận động cách mạng trong một tiềm thức thượng đẳng

Tây Nguyên luôn được xem là một trong những khu vực có ảnh hưởng quan trọng tới sự tồn vong của Việt Nam.

Trong Chiến tranh Việt Nam, Tây Nguyên là vùng đệm chiến lược giữa các khu vực cao nguyên và đồng bằng do chính quyền Việt Nam Cộng hòa nắm giữ, với đường mòn Hồ Chí Minh chạy dọc biên giới Lào - Campuchia. Sự ủng hộ của các sắc dân bản địa là tối quan trọng cho khả năng *bám trụ địa bàn* (living on the land) của lực lượng cộng sản miền Nam và Bắc Việt Nam.

Và ở thời điểm đó, việc tìm kiếm sự ủng hộ của các nhóm dân này không phải quá khó.

Theo nghiên cứu “*Highlanders on the Ho Chi Minh trails: Representations and Narratives*” (Tạm dịch: *Người Thượng trên đường mòn Hồ Chí Minh: Những đại diện và những câu chuyện kể*), chính quyền cách mạng Việt Nam đã cố gắng bắt rễ ở Tây Nguyên ngay từ giai đoạn Việt Minh. [1] Cho đến Chiến

tranh Việt Nam, sự ủng hộ của các sắc dân bản địa lại càng quan trọng hơn.

Chiến thuật xây dựng lòng tin của cán bộ cộng sản tại đây tuân thủ theo lý luận về xây dựng phong trào cách mạng khá cơ bản.

Họ xoáy sâu vào sự thiếu vắng của đại diện người bản xứ trong hệ thống quản trị quốc gia của Việt Nam Cộng hòa. Họ chỉ ra thiệt hại đối với đất đai và thiên nhiên của các chiến dịch quân sự do Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa thực hiện tại đây.

Cùng lúc đó, họ đưa ra những lời hứa và vận dụng các chiến thuật hết sức kinh điển của các thế lực bên ngoài khi đến các vùng đất bản địa đang có xung đột.

Họ hứa về một chính quyền tự trị, một đời sống tốt đẹp hơn cho người canh tác ở Tây Nguyên. Các cán bộ cộng sản cũng tận dụng triệt để sự đối nghịch chính trị của nhiều bộ lạc, cộng đồng khác nhau để từ đó dần dần chiếm lĩnh không gian chính trị ở Tây Nguyên.

Tuy nhiên, việc vận dụng triệt để các nhóm diễn ngôn này không làm mất đi niềm tin thực tế của những người cộng sản Việt Nam về sự chậm tiến, lạc hậu trong lối sống, phong tục, và mô hình kinh tế - xã hội của người Thượng.

Hiển nhiên, cách mạng - theo chủ nghĩa Marx - luôn nhấn mạnh tính đoàn kết sắc tộc (interracial solidarity), nên một nhóm cách mạng theo chủ nghĩa Marx không thể đưa ra các quan điểm có tính chất phân biệt chủng tộc. Tuy nhiên, cũng chính chủ nghĩa Marx lại rất tin tưởng vào sự vận động phát triển của các hình thái kinh tế xã hội. Sự hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa (socialist modernity) mà người Kinh đang học tập và ứng dụng thì phải tốt đẹp, phát triển hơn công xã nguyên thủy của người Thượng.

Bằng niềm tin này, ngay từ những ngày đầu, giới cán bộ cộng sản đã mang theo tiềm thức khai sáng cách mạng cho các sắc dân người Thượng, không khác gì người Pháp đòi khai sáng cho dân An Nam. Tuy nhiên, vì xung đột triền miên và đụng độ một kẻ thù chung (hoặc Pháp, hoặc Mỹ, hoặc chính quyền Việt Nam Cộng hòa), nên tư tưởng thượng đẳng này ít khi có cơ hội bộc lộ.

Mặc dù vậy, như Christopher Goscha tranh biện, ngôn ngữ và mục tiêu chính của các cán bộ cộng sản người Kinh khi vận động, thuyết phục và xây dựng niềm tin với các cộng đồng người dân tộc thiểu số nói chung và người Thượng ở Tây Nguyên nói riêng, vẫn luôn luôn duy trì sự thượng đẳng, tính ưu việt tuyệt đối của mô hình và con đường mà họ lựa chọn. [2] Tự do lựa chọn niềm tin chính trị, theo quan điểm của những cán bộ này, không phải là một thứ mà các sắc dân thiểu số đủ khả năng để làm.

Thiết lập một chính sách cai trị thực dân kiểu mới

Với sự duy ý chí đó, khó có thể nói các cán bộ cộng sản người Kinh có một cách tiếp cận, một tư duy khác biệt khi nhìn vào người Thượng ở Tây Nguyên so với cách người Pháp nhìn vào người An Nam. Tất cả đều là những sắc dân kém phát triển, kém văn minh cần được khai sáng.

Giống như cách người Pháp đến Việt Nam dưới danh nghĩa khai sáng nhưng cuối cùng lại tập trung vào việc khai thác thuộc địa, người Kinh đến Tây Nguyên cũng với tâm thế này, đặc biệt sau khi họ đã xác lập sự thống trị chính trị của mình trên toàn cõi Việt Nam.

Theo cách định nghĩa phổ thông, chủ nghĩa thực dân là sự kiểm soát của một nhóm quyền lực đối với một khu vực hay một cộng đồng lệ thuộc. [3] Trong đó, một

quốc gia hoặc một cộng đồng khuất phục một cộng đồng khác, khai thác cộng đồng đó về mặt kinh tế, đồng thời áp đặt các giá trị về văn hóa, ngôn ngữ, chính trị của mình lên cộng đồng bị khuất phục.

Với định nghĩa chung này, có thể thấy chủ nghĩa thực dân không có ám chỉ cố định là phương Tây. Người Kinh từng bị đô hộ không có nghĩa là họ không thể trở thành kẻ đi đô hộ người khác.

Giới nghiên cứu dùng thuật ngữ *internal colonialism* (chủ nghĩa thực dân nội địa) để bàn về các vấn đề tương tự đang diễn ra ở Việt Nam.

Trong ghi nhận của tác giả Grant Evans, các nhóm người Thượng đã từng mong ước rằng sau khi chiến tranh kết thúc, họ có thể trở về với buôn làng, với vùng đất thiêng của mình và gây dựng lại đời sống như xưa. Tuy nhiên, đó là mong ước chưa bao giờ trở thành hiện thực. [4]

Ngay sau khi chiến tranh kết thúc, các chiến dịch tái định cư, tái kiến thiết, tái phân bố lao động và xây dựng vùng kinh tế mới đều chủ yếu nhằm vào đất đai tại Tây Nguyên và các vùng đất lịch sử do người Thượng quản lý.

Lần lượt các chính sách “xâm lược” của chính quyền mới tiếp quản miền Nam Việt Nam cho đến các phong trào di cư tự phát hỗn loạn của người miền khác lên vùng đất mới, cũng như sự xuất hiện của các công ty khai thác gỗ phi pháp (vốn nhận được sự hậu thuẫn của chính quyền địa phương) khiến cho các sắc dân bản địa gần như không có bất kỳ thời điểm nào được phép tự trị như lời hứa của các cán bộ cộng sản trước đó.

Từ một sắc dân đa số hiện hữu ở khu vực Tây Nguyên, người Thượng bị trung hòa bởi làn sóng người Kinh di cư, bị biến thành sắc dân thiểu số ngay trên chính vùng đất của mình.

Từ chủ đất và người canh tác chính trên những mảnh đất cao nguyên, người Thượng bị đẩy sâu vào các khu vực hẻo lánh và khả năng sản xuất công nghiệp, nông nghiệp thấp.

Từ chỗ có một hệ thống văn hóa, chính trị tự chủ, tự quyết, tương lai của cộng đồng người Thượng gói gọn trong các quyết sách chính trị dành cho người thiểu số của đảng bộ và chính quyền địa phương.

Không chỉ vậy, nghiên cứu của Grant Evans còn cho thấy chính sách nhân học nói chung của các học giả người Kinh, dưới sự giám sát và định hướng của chính quyền Hà Nội, tiếp tục sản xuất ra những sản phẩm bất lợi cho sự tồn tại và phát triển của văn hóa người Thượng ở Tây Nguyên.

Cụ thể hơn, một số tác giả, như Đặng Nghiêm Vạn, thể hiện rất rõ thái độ chủ nghĩa Marx và đặt nhu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội lên trên việc công nhận và hỗ trợ duy trì đời sống truyền thống của người Thượng. Các nghiên cứu của ông Vạn, cũng như rất nhiều tác giả nhân học người Kinh khác, đều ủng hộ chính sách tái định cư và tái phân phối nguồn lực lao động người Kinh về Tây Nguyên với lý do sự phân bố của người Kinh vào các khu vực này giúp rút ngắn khoảng cách phát triển của các cộng đồng bản địa. Cách nhìn này rõ ràng thể hiện tính thượng đẳng khi những người Kinh cộng sản nhìn vào cộng đồng người Thượng ở Tây Nguyên.

Tính chất thực dân của các chính sách mà người Kinh dành cho người Thượng ở vùng đất Tây Nguyên thể hiện vô cùng đậm nét. Nói không ngoa, nếu so sánh những chính sách này với chính sách của thực dân Pháp trong giai đoạn đô hộ Việt Nam thì cũng không phải là quá đáng. Tuy nhiên, để đòi hỏi người Kinh thừa nhận và tìm hướng hòa giải các xung đột sắc tộc do chính họ gây ra thì chẳng khác gì một tường tượng viễn vông. □



Y Bham Enuôl, người dân tộc Êđê, người sáng lập và lãnh đạo tổ chức FULRO (thứ ba từ trái sang), chụp ảnh với phóng viên William H. Chickering của tờ The New York Times. Ảnh: The New York Times.

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TẠI TÂY NGUYÊN: CHÍNH QUYỀN CÀNG CẢN THIỆP THÔ BẠO CÀNG KHÔNG CÓ LỐI THOÁT

*Các sắc tộc bản địa không chấp nhận sự
kiểm soát của người Kinh đối với Tây Nguyên.*

Văn Tâm

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 13/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Lưu ý: Bài viết này được đăng trong lúc diễn ra sự kiện các trụ sở công quyền xã tại tỉnh Đắk Lắk bị tấn công. Tuy nhiên, nội dung của bài viết có thể sẽ không liên quan đến nguyên nhân thực sự của vụ việc. Bài viết chỉ nhằm cung cấp thêm thông tin về khu vực Tây Nguyên.

Đối với người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, khu vực này là vùng đất linh thiêng. Vùng đất ấy vốn thuộc về tổ tiên của họ, từng con suối, từng gốc cây, từng hòn đá đều có dấu ấn của ông cha.

Đối với người Kinh, Tây Nguyên là một kho báu vô tận, đất đai màu mỡ, khí hậu hài hòa, người dân tộc thiểu số lười biếng, kém lanh lợi, dễ bề lợi dụng.

Kể từ khi người Pháp khám phá ra vùng Tây Nguyên và đặt những bước chân xâm lược đầu tiên của mình thì cho đến nay, Tây Nguyên vẫn là vùng đất chưa bao giờ yên ả.

Những cuộc xung đột vũ trang ở Tây Nguyên đã nổ ra rất lớn từ thời Việt Nam Cộng hòa, xoay quanh các vấn đề như xóa bỏ quyền tự trị, đồng hóa văn hóa, xâm chiếm đất đai, cắt giảm thành phần dân tộc trong bộ máy chính quyền, v.v.

Tuy nhiên, tôn giáo là vấn đề dai dẳng, căng thẳng, phức tạp nhất ở khu vực Tây Nguyên. Tôn giáo ở Tây Nguyên luôn song hành cùng hàng loạt vấn đề phức tạp khác.

Tin Lành Đê-ga và FULRO

Theo tiếng Ê-đê, “Đê-ga” là từ dùng để chỉ các sắc dân thiểu số sống ở vùng núi cao. Đê-ga từng được một số nhà hoạt động vũ trang ở Tây Nguyên sử dụng để đặt tên cho một mặt trận dân tộc khi chống lại chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong những năm 1960.

Cụm từ “Tin Lành Đê-ga” được chính quyền cộng sản Việt Nam sử dụng rộng rãi từ những năm 2000 để cáo buộc các cuộc biểu tình tại Tây Nguyên. [1]

Chính quyền cho rằng các cuộc biểu tình đòi quyền sở hữu đất đai, quyền tự do tôn giáo ở Tây Nguyên bị các thành viên từng tham gia Mặt trận FULRO đang sống ở nước ngoài “giật dây”. Họ đã thành lập các nhóm Tin Lành, và sử dụng các nhóm tôn giáo này để chống đối chính quyền Việt Nam.

FULRO (tiếng Pháp: *Front unifié de lutte des races opprimées*, tiếng Anh: United Front for the Liberation of Oppressed Races, tạm dịch là Mặt trận thống nhất Giải phóng các sắc tộc bị áp bức) là một mặt trận dân tộc thành lập năm 1964 và có diễn biến lịch sử rất phức tạp.

Mặt trận này là sự tiếp nối tranh đấu của các mặt trận dân tộc Tây Nguyên trước đó khi Tổng thống Ngô Đình Diệm can thiệp quá mạnh tay vào Tây Nguyên. Chính quyền Sài Gòn bấy giờ đã quyết định xóa bỏ chế độ tự trị Hoàng triều cương thổ, tái định cư cho hàng trăm nghìn người Bắc di cư ở vùng Tây Nguyên, ép buộc người dân nơi đây từ bỏ văn hóa bản địa, không cho phép học thổ ngữ, v.v.

FULRO đã không ngần ngại tổ chức các cuộc tấn công vũ trang. Ví dụ như năm 1965, lực lượng này giết chín hành khách người Kinh trên một chuyến xe khách. Trong một vụ khủng bố khác, FULRO đã giết chết 12 người Kinh, trong đó có bốn công chức và hai cảnh sát cũng trên một chuyến xe khách. [2]

Việc FULRO tiến hành bạo lực vũ trang nhằm gây áp lực buộc chính quyền Sài Gòn đáp ứng các yêu sách như đuổi người Kinh ra khỏi Tây Nguyên, khôi phục văn hóa, tín ngưỡng bản địa, cho phép thành lập quân đội riêng, có lá cờ riêng, cải thiện chính sách giáo dục, công nhận quyền sở hữu đất đai cho người dân bản địa, tái lập tòa án phong tục, v.v. [3]

Sau năm 1975, mặt trận này vẫn còn tổ chức tấn công chế độ mới nhưng đã rút sang Campuchia trú ẩn vào năm 1979. Tới năm 1992, hơn 400 thành viên cuối cùng của mặt trận này và gia đình họ được tái định cư ở Mỹ và các nước khác. [4]

Mặc dù vậy, các cuộc nổi dậy lớn ở Tây Nguyên vẫn kéo dài từ năm 2001 đến tận năm 2008 và còn liên tục âm ỉ cho đến nay.

Những vấn đề sau năm 1975

Sau năm 1975, Việt Nam gần như tự cô lập mình với thế giới. Tây Nguyên là khu vực mà chính quyền đã can thiệp rất nặng nề do những chính sách duy ý chí.

Cuộc di cư kinh tế mới sau năm 1975, các cuộc di cư tự do từ miền Bắc kéo dài cho đến cuối thập niên 1990, sự bành trướng của các nông trường quốc doanh đã khoét sâu thêm sự phân biệt đối xử với người bản địa về vấn đề đất đai.

Vấn đề kỳ thị tôn giáo cũng trở nên sâu sắc hơn khi chính quyền mới cho rằng đạo Tin Lành và Công giáo là tôn giáo liên quan đến thực dân, để quốc nên cấm người dân cầu nguyện.

Dù bị đàn áp nhưng đạo Tin Lành vẫn phát triển nhanh chóng ở Tây Nguyên. Số tín đồ Tin Lành ở Tây Nguyên đã tăng hơn bốn lần từ năm 1975 đến năm 1999 với tổng số 228.618 tín đồ. Đến đầu năm 2002, tỉnh Gia Lai chỉ công nhận hai mục sư, trong khi số tín đồ theo đạo Tin Lành của tỉnh là khoảng 100.000 người. [5]

Bất chấp thực tế đó, chính quyền luôn cho rằng sự phát triển quá nhanh của đạo Tin Lành sẽ là cầu nối để người dân tộc liên kết nhau chống chính quyền. Do vậy, chính quyền đã tổ chức chiến dịch trấn áp những người theo đạo Tin Lành tự phát như bắt giam, tra tấn, đốt nhà thờ, triệt tiêu đường sinh sống của họ, v.v. [6]

Vấn đề ở Tây Nguyên bắt đầu phức tạp dần, không chỉ liên quan đến tôn giáo mà còn là đất đai bị cưỡng chiếm, phong tục bị xói mòn, nghèo đói bao phủ, v.v.

Năm 1998, ba nhà nghiên cứu Neil L. Jamieson, Lê Trọng Cúc, A. Terry Rambo đã dự đoán rằng ngôi nổ sẽ được kích hoạt bất cứ lúc nào khi một cộng đồng người dân tộc bị bản cùng hóa từ vật chất đến tinh thần. [7]

Không lâu sau, từ năm 2001 đến năm 2008, Tây Nguyên chứng kiến hàng loạt các cuộc nổi dậy lớn nhỏ của người dân tộc thiểu số. Chính quyền đã trấn áp bằng bạo lực nhưng chưa bao giờ công bố số người chết, bị bắt giam hay thừa nhận nguồn gốc xung đột thực sự ở Tây Nguyên.

Năm 2004, Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách *Các quốc gia cần Quan tâm Đặc biệt về tự do tôn giáo*. Mỹ cho rằng Việt Nam giam giữ nhiều tù nhân tôn giáo, đóng cửa các nhà nguyện, cưỡng bức từ bỏ đức tin tôn giáo, đánh đập và giết hại các tín đồ tôn giáo, trong đó có khu vực Tây Nguyên. [8] Dù chính quyền đã nỗ lực cải thiện nhiều phương diện về đời sống ở Tây Nguyên, bao gồm cả vấn đề tôn giáo, nhưng nỗ lực này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân bản địa.

Can thiệp sớm, can thiệp mạnh

Tại Thái Lan, có một khu tị nạn của hàng trăm người Tây Nguyên ở Bangkok. Những người này vượt biên từ các tỉnh thuộc Tây Nguyên qua biên giới Campuchia, Lào đến Thái Lan xin tị nạn với Liên Hiệp Quốc.

Hầu hết họ đều cho rằng bị chính quyền Việt Nam ngăn cấm tự do sinh hoạt đạo Tin Lành, sách nhiễu, bắt giam vô cớ và tra tấn họ cùng người thân trong gia đình, cưỡng chiếm đất đai của họ, v.v.

Việc tự tổ chức sinh hoạt đạo Tin Lành là nhu cầu thực tế của người dân Tây Nguyên. Tuy nhiên, chính quyền không chấp nhận hình thức này. Các nhóm Tin Lành tự phát nếu bị phát hiện thì đều bị công an trấn áp. Người dân muốn theo đạo phải tham gia vào các nhóm Tin Lành được nhà nước cấp phép.

Có lẽ chính quyền không chấp nhận một mầm mống nào của sự liên kết giữa các sắc tộc thiểu số, nhất là tập hợp của những nhóm sắc tộc có cùng hoàn cảnh bị cưỡng chiếm đất đai, bị đàn áp tôn giáo.

Can thiệp sớm, can thiệp mạnh là chiến thuật được sử dụng tại Tây Nguyên. Theo đó, chính quyền không ngần ngại bắt bớ sai, tra tấn nhằm bất cứ ai có liên quan đến tôn giáo hay tụ tập người dân nói về các vấn đề xã hội.

Chiến thuật này có lẽ đã gây hoang mang rất lớn đối với người dân bản địa, và thúc đẩy một số người dân tìm cách vượt biên, xin tị nạn ở nước thứ ba.

Mất tôn giáo là mất tất cả

Tây Nguyên không chỉ có Tin Lành Đê-ga mà còn có các nhóm tôn giáo mới như đạo Hà Môn, Hội thánh Tin Lành Đấng Christ, v.v.

Vào tháng 3/2020, ba người dân tộc lán trốn đến chín năm trong rừng đã bị công an tỉnh Gia Lai bắt giữ. Lúc đầu, chính quyền cho rằng đây là ba đối tượng cốt cán của đạo Hà Môn chuyên tổ chức chống phá chính quyền. [9] Ba tháng sau đó, ba người này được thả về nhà. Sự thật là cả ba người đều không liên quan đến bất kỳ hoạt động chống chính quyền hay dính líu đến tổ chức nước ngoài nào. Họ lán trốn vì họ khiếp sợ sự trấn áp của chính quyền do họ theo đạo Hà Môn. [10]

Niềm tin tôn giáo của người dân bản địa Tây Nguyên không gì có thể lay chuyển được. Tôn giáo là vấn đề sống còn của người dân Tây Nguyên.

Tuy nhiên, chính quyền không chấp nhận việc hình thành các nhóm tôn giáo mới do lo ngại về vấn đề an ninh, lợi dụng tôn giáo để liên kết người dân. Bất kỳ các nhóm tôn giáo nào được thành lập sẽ bị trấn áp ngay lập tức.

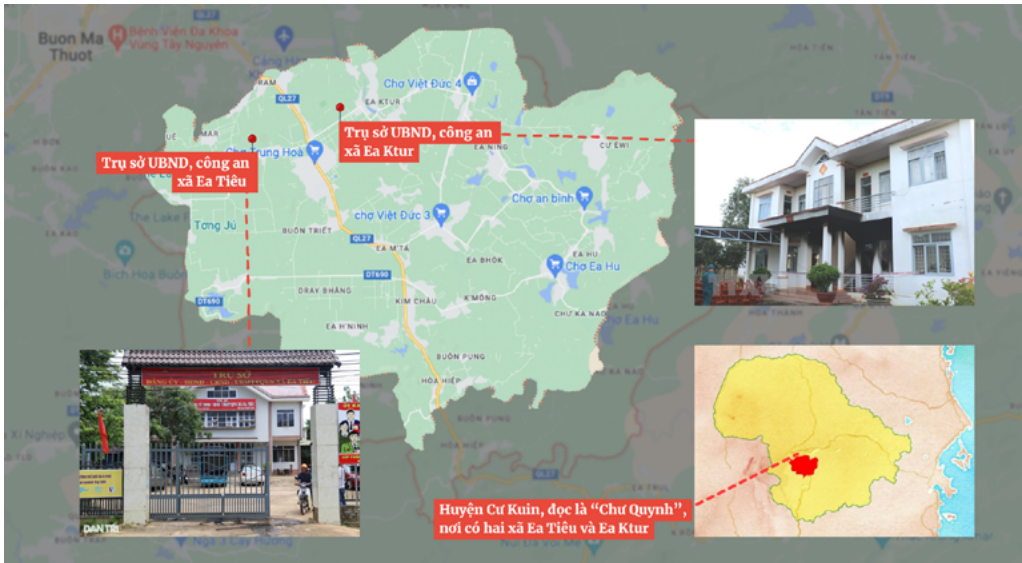
Trong khi đó, bản chất của người Tây Nguyên là không dễ bị đồng hóa. Họ có lòng tự tôn dân tộc rất cao. Họ không bao giờ xem mình là người Việt, không chấp nhận sự kiểm soát của người Kinh đối với vùng đất linh thiêng này. □

VÌ SAO HUYỆN CƯ KUIN TRỞ THÀNH ĐIỂM NÓNG Ở VÙNG TÂY NGUYÊN?

Bối cảnh lịch sử phức tạp và không ngớt xung đột.

Thái Thanh

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 16/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.



Trụ sở Công an xã Ea Tiêu và Ea Ktur. Đồ họa: Tùy Phong/ Luật Khoa

Vụ tấn công vào các trụ sở công quyền tại tỉnh Đắk Lắk ngày 11/6/2023 chỉ cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột 20 phút, cách sân bay hơn 10 phút đi xe.

Tây Nguyên nổi tiếng là nơi bị giám sát an ninh gắt gao nhất cả nước. Tuy nhiên, vì sao ngay sát trung tâm của một tỉnh thuộc Tây Nguyên lại xảy ra vụ việc gây chấn động đến như vậy?

Huyện Cư Kuin, đọc là “Chư Quynh”, nơi có hai xã Ea Tiêu và Ea Ktur nằm trong phạm vi vụ tấn công, có tình hình dân cư, an ninh, tôn giáo rất phức tạp.

Từng là địa bàn hoạt động của FULRO

Ông Y Luyện Niê Kdăm, từng giữ chức bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk, cho biết vào năm 1977 ông được cử về công tác tại xã Ea Tiêu, khi đó nơi này là địa bàn hoạt động mạnh mẽ của FULRO. [1]

FULRO là một mặt trận dân tộc thành lập năm 1964 nhằm đòi chính quyền Sài Gòn

khôi phục quyền tự trị, tín ngưỡng, văn hóa, đất đai cho người dân Tây Nguyên sau khi chế độ Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách đồng hóa.

Sau năm 1975, chính quyền mới tiếp tục trấn áp FULRO. Cho đến những năm 2000, chính quyền cáo buộc các cựu thành viên FULRO cài cắm người vào các tỉnh Tây Nguyên nhằm tổ chức biểu tình đòi tự do tôn giáo, giải quyết vấn đề đất đai.

Vụ tấn công vào trụ sở xã Ea Tiêu và Ea Ktur có thể nói là rất táo bạo, vì hai nơi này nằm ngay sát trung tâm thành phố Buôn Mê Thuột.

Nhưng cũng vì khoảng cách gần trung tâm như vậy nên trong quá khứ những địa bàn này thường là nơi phát động các cuộc biểu tình nhằm gây áp lực lên chính quyền tỉnh.

Tình hình sắc tộc phức tạp

Huyện Cư Kuin có 8 xã với khoảng 100.000 dân (2019), nhưng hai xã Ea Tiêu và Ea Ktur chiếm đến 40% dân số của huyện. [2] [3] [4]

Sắc dân đông nhất vẫn là người Kinh. Tuy nhiên, ngoài người Kinh đi theo diện khai phá vùng kinh tế mới, còn có các dân tộc miền núi phía Bắc di cư tự do trong những năm 1990.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2019, Đắk Lắk có hơn 1,8 triệu người, trong đó người Kinh chiếm đến 66% với 1,2 triệu người, khoảng 12% là dân tộc phía Bắc với 221 nghìn người, và 22% còn lại là người bản địa Tây Nguyên. [5]

Người bản địa Tây Nguyên đã chịu áp lực rất lớn, nhất là về đất đai và văn hóa, khi có một số lượng lớn người dân từ nơi khác đến cư trú tại khu vực của mình.

Điểm nóng về tôn giáo

Năm 2022, ông Y Thanh Hà Niê Kđăm, Ủy viên Trung ương đảng, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, đã tham dự “Ngày hội đoàn kết toàn dân tộc” tại xã Ea Tiêu. Trong bài phát biểu của mình, ông nhấn mạnh rằng chính quyền cần tiếp tục “đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch”. [6]

Đối với chính quyền, tôn giáo là con đường chính mà các đối tượng thù địch lợi dụng để lôi kéo người bản địa Tây Nguyên chống chính quyền.

Năm 2009, toàn tỉnh Đắk Lắk có 171.661 người theo Công giáo và 149.526 người theo đạo Tin Lành. Nếu so sánh ở quy mô toàn quốc, số người theo đạo Tin Lành chỉ bằng một phần sáu số tín đồ Công giáo vào năm 2019. Điều này có nghĩa, tỉnh Đắk Lắk có tỷ lệ người dân theo đạo Tin Lành rất lớn. [7]

Huyện Cư Kuin là điểm nóng về tự do tôn giáo. Huyện này là nơi có nhiều nhóm tôn giáo mới hoạt động. Bên cạnh các nhóm Tin Lành tự phát, còn có các nhóm tôn giáo khác mà chính quyền cho là bất hợp pháp, chống nhà nước như “Hệ Phục Hưng”, “Giáo hội Tin Lành Đấng Christ”, v.v. [8] [9]

Công an huyện Cư Kuin thường xuyên bắt bớ các tín đồ Tin Lành độc lập, thẩm vấn, tịch thu đồ đạc của họ.

Vào tháng 10/2020, một mục sư bị lục soát nhà, tịch thu kinh thánh. [10] Tháng 7/2021, công an cưỡng bức một thầy truyền đạo tại huyện này lên trụ sở làm việc. [11] Tháng 5/2022, một người dân tộc khác tại huyện này bị tuyên 4 năm tù giam vì tội tuyên truyền sai sự thật, tàng trữ tài liệu lên án chính quyền về vấn đề dân tộc và tôn giáo. [12]

Cơ sở bất động sản đi liền với tranh chấp đất đai

Do vị trí tiếp giáp với thành phố Buôn Ma Thuột và gần sân bay, cộng thêm việc chính quyền đang thực hiện dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông, đã khiến đất đai tại hai xã Ea Tiêu và Ea Ktur lên cơn sốt. [13]

Nhiều dự án đất nền, khu dân cư, khu du lịch sinh thái được lập ra tại hai xã này. Tháng 11/2022, một nhà đầu tư đã bị xử phạt vì xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp để rao bán khu biệt thự không có thật tại xã Ea Ktur. [14]

Xã Ea Ktur cũng là nơi mà một nhà báo của Tiền Phong bị dọa giết khi đến đưa tin về việc mức trộm đất của một hộ dân. Chính quyền xã này cũng né tránh làm việc với nhà báo. [15]

Đặc biệt, dự án khu đô thị mới Trung Hòa nằm trong hai xã Ea Ktur và Ea Tiêu theo quy hoạch cũng gây ra tình trạng đầu cơ đất đai lớn tại khu vực này.

Tới tháng 6/2022, chính quyền đã tiến hành cưỡng chế xong 64 công trình trái phép, dự kiến có khoảng 500 công trình nữa cũng sẽ bị cưỡng chế. [16]

Người dân xung đột với công ty cà phê của nhà nước

Người dân hai xã Ea Tiêu và Ea Ktur có nhiều xung đột với các công ty cà phê của nhà nước mà tiền thân là các nông trường cà phê quốc doanh.

Năm 2011, nhiều hộ dân đã tố cáo về việc giao khoán sản lượng cà phê ở mức quá cao, làm trái quy định về sử dụng đất nông nghiệp. Công ty cà phê của nhà nước còn cho lực lượng bảo vệ đến vườn của người dân nhằm gây áp lực để người dân giao nộp cà phê. [17]

Năm 2013, người dân huyện Cư Kuin vẫn tiếp tục tố cáo các công ty cà phê này vi phạm về sử dụng đất đai, giao khoán sản phẩm không công bằng, trong đó có Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam. [18]

Việc tố cáo này vẫn tiếp tục diễn ra vào các năm 2015, 2016. [19] [20]

Từng có thiếu tá công an chĩa súng vào đồng nghiệp

Tháng 11/2014, thiếu tá công an Võ Ngọc Quang, đội trưởng đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Cư Kuin, đã chĩa súng vào đoàn làm việc khi đến khám xét nhà của ông. Ông Quang khi đó bị tố cáo là buôn bán, tàng trữ gỗ trái phép và nhận tiền chạy án. [21]

Đến tháng 3/2015, 11 cán bộ công an của huyện Cư Kuin đã bị kỷ luật, trong đó có bốn người liên quan đến vụ việc của thiếu tá Võ Ngọc Quang. [22] □

Khi Tây Nguyên không còn là nhà

KHI TÂY NGUYÊN KHÔNG CÒN LÀ NHÀ

Trần Duy



***Gần hai thập kỷ, người Thượng vẫn không ngừng tháo chạy
khỏi Tây Nguyên vì sự truy bức của chính quyền Việt Nam.***

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.org ngày 1/9/2019.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Chân dung bốn trong số hơn 500 người Thượng vượt biên đến Bangkok, Thái Lan. Ảnh: Thịnh Nguyễn.



Ngồi với tôi trong căn nhà trọ chật hẹp ở Bangkok, Nay Them, gương mặt phờ phạc, vừa trở về sau khi rào qua văn phòng của các tổ chức phi chính phủ và Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tị nạn. Lại một ngày nữa, anh bập bẹ nói tiếng Anh để tìm cách cứu người vợ đang bị cảnh sát Thái Lan tạm giam hơn một năm qua.

Ba năm trước, từ ngôi nhà nhỏ ở xã Ia Piar, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, Nay Them và gia đình vượt biên đến Thái Lan qua một cửa khẩu ở Hà Tĩnh thông sang Lào.

Nay chưa bao giờ có một cuộc sống bình yên ở Tây Nguyên. Cuộc đời anh lại càng khốn đốn hơn khi lấy vợ rồi cải đạo sang đạo bên nhà vợ là đạo Tin Lành. Ôm đứa con gái hai tuổi vào lòng, Nay kể với tôi về những người Thượng bị chính quyền đàn áp ở quê mình mà chính anh cũng là nạn nhân.

Ia Piar là một xã cách thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai hơn 80 cây số. Sáng hôm đó, 19/4/2008, là một ngày đặc biệt, dân làng không đi rẫy như mọi hôm. Họ sẽ đi biểu tình tại trụ sở của Ủy ban nhân dân (UBND) xã với bằng-rôn đã được chuẩn bị từ mấy ngày trước.

Dân làng ở xã Ia Piar muốn chính quyền thả những người bị bắt vì biểu tình, trả lại đất đai đã bị lấy của họ và cho người dân tự do theo đạo Tin Lành. Người dân đã lên sẵn kế hoạch, và chính quyền cũng vậy.

Chưa đến được UBND xã, dân làng bất thành linh chạm mặt với nhóm côn đồ cầm gậy gỗ. Chẳng nói chẳng rằng, họ thẳng tay vụt gậy vào dân làng. Ai chạy được thì thoát, ai không chạy được thì bị bắt về đồn công an huyện. Nay Them nào có đi biểu tình, anh vừa mới đi chợ về nhưng cũng bị bắt.

Trong hội trường của công an huyện, người Nay bị công an buộc dính vào ghế. Họ lấy dây điện trói chân anh vào chân

ghế. Hai cánh tay anh bị buộc vòng ra phía sau ghế, không thể cựa quậy được dù chỉ là một centimet.

Có rất nhiều viên công an đi lại xung quanh Nay. Chuyện gì đến thì cũng đến. Nay hứng từng cú đập và bạt tai. Họ dùng dùi cui phang thẳng vào đầu anh như thể họ đã có thù oán với anh từ đời nào. Ghế ngã đến đâu anh lăn đến đấy. Dựng ghế lên, anh lại bị đánh tiếp. Những người cầm dùi cui không thấy anh là đồng bào của họ nữa.

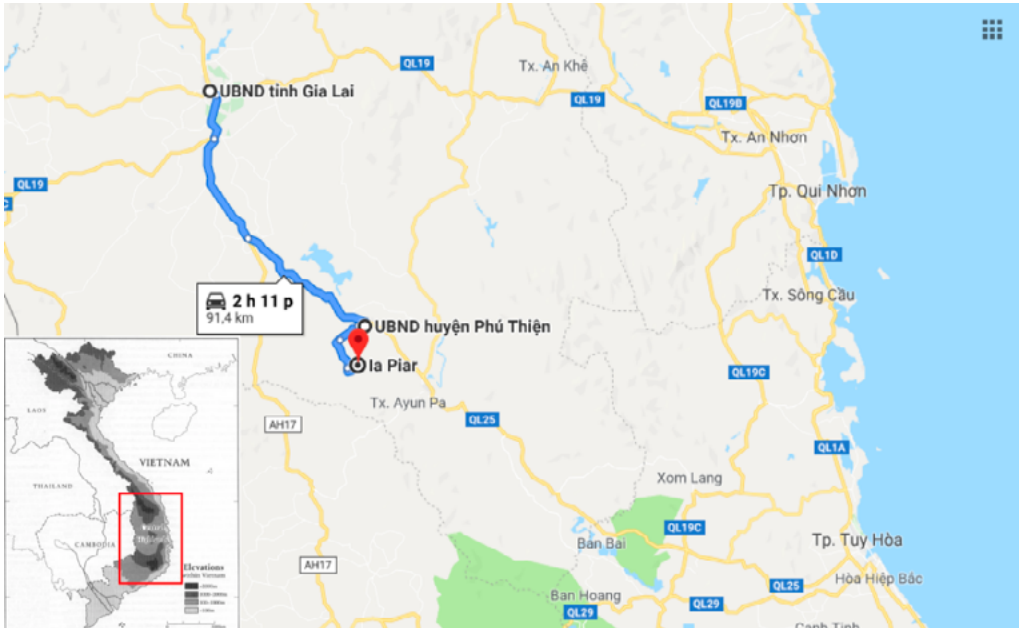
Không có một màn dụ dỗ ngọt ngào nào, hoặc là chiến thuật đó không dành cho một người dân tộc Jrai (còn gọi là Gia Rai) như Nay. Anh đâu có biết gì về những câu hỏi của công an như “biểu tình để làm gì, ai cho tiền đi biểu tình, người biểu tình trốn ở đâu v.v.” nhưng công an vẫn cứ đánh. “Thằng này cứng đầu lắm, phải đánh nó mới khai”, họ nói với nhau.

“Cả bộ đội, công an thường phục, cảnh sát cơ động, cảnh sát giao thông ai thích thì đánh. Sau có thằng công an kia đi qua đi lại, cầm dùi cui đánh thẳng vào mũi tôi”, Nay nói. Sau cú đánh như trời giáng đó, máu phun ra từ mũi anh, Nay ngất đi trong đau đớn với đôi mắt đã sưng vù.

Anh tỉnh dậy tại trại tạm giam vào ngày hôm sau. “Đau ê ẩm, mắt bị bầm, sưng, không mở được. Vẫn ngồi được nhưng không mở được mắt. Không ăn được gì trong năm ngày”, Nay nhớ lại.

Trong lúc Nay Them bị đánh tại đồn Công an huyện Phú Thiện, ở trong rừng sâu, anh rể của Nay, Siu Wiu, mới chính là người tổ chức cuộc biểu tình. Siu là một người Jrai thấp người nhưng vạm vỡ, nước da ngăm đen đặc trưng của người Thượng ở Tây Nguyên, đôi mắt sắc lẹm như mắt cú mèo.

Người công an nào trong huyện cũng biết Siu Wiu. Anh đi trại cải tạo năm 2004 cũng vì tổ chức biểu tình. Năm đó, anh đã gặp hơn 180 người sắc tộc thiểu số, chủ yếu là



Khu vực xã Ia Piar, cách UBND tỉnh Gia Lai hơn 80km, cách Công an huyện Phú Thiện khoảng 17 km.
Ảnh: Chụp màn hình.

người Jrai, đang cải tạo trong đó. Từ bảy giờ sáng đến sáu giờ tối, họ phải bốc mía lên xe tải, xây nhà, làm đủ thứ, vừa làm vừa bị đánh. “Người trẻ hay già đều bị đánh bằng cán cước”, Siu nói.

Siu kể rằng anh nhiều lần phản đối cán bộ đánh người: “Chúng tôi vào đây không phải vì trộm cắp mà vì đất đai, vì tôn giáo, các anh đối xử với chúng tôi như thế là đúng hay sai?”. Sau hai năm cải tạo, Siu về nhà với số tiền 160.000 đồng do trại cấp, “vừa đủ đi xe về đến nhà, không dư một đồng để ăn cơm”.

Hai năm ở trại cải tạo chỉ làm cho Siu nhận ra người sắc tộc thiểu số như anh đang bị ức hiếp thực sự. Gia đình theo đạo Tin Lành của Siu Wu đã tan tác vì những cuộc biểu tình, bắt bớ, trải cải tạo và nhà tù.

Rời khỏi trại năm 2006, lúc này cha anh, Nay Bro, đã đi tù được hai năm theo bản án bảy năm vì phá hoại chính sách đại đoàn kết dân tộc vào năm 2004.

“Bị theo dõi hằng ngày, làm ăn thì họ không cho. Đất đai thì họ [chính quyền] lấy đi. Đất ruộng là bốn sào, họ lấy đi ba sào, còn lại sào mấy”, Siu nói về nỗi bức xúc khiến anh dẫn dân làng biểu tình trước trụ sở UBND xã Ia Piar, huyện Phú Thiện. Nay Them tuy không tham gia nhưng vì là em rể của anh nên cũng bị bắt.

“Để thuyết phục người dân biểu tình thì mình nói về sự thật – họ cũng mất đất, họ cần mình nên họ cũng đi. Họ thiệt hại về đất đai, vì chính quyền đàn áp, vì tôn giáo. Họ cũng có những họ hàng, chồng đã đi tù vì lý do tôn giáo. Chính quyền nói là tự do thông tin, tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do hội họp trong hiến pháp là như thế. Thực tế mình đứng lên thì họ bắt, tra tấn”, Siu kể bằng giọng đầy uất ức.

“Chuẩn bị băng-rôn, đòi tự do tôn giáo, thả những người biểu tình, trả lại đất cho người dân. Từ làng đi biểu tình đi bộ khoảng hai cây số với khoảng 100 người. Đi giữa đường thì bị chặn đánh. [Họ] bắt vợ tôi đi tù khoảng 10 ngày”, anh thuật lại kết quả của cuộc biểu tình.

Một tháng trốn trong rừng làm Siu quá vất vả. Một buổi chiều, anh quyết định chạy về nhà tìm đồ ăn thì bị bắt trên đường về. Mọi thù oán của công an đều trút lên anh trong lần bị bắt này. “Họ bắt tôi khoảng bốn giờ chiều. Họ lấy dây buộc vòng, buộc hai chân vào ghế rồi đánh. Họ đánh tôi ra máu tai, máu mũi. Mồm sưng, mắt không mở được, tai thì tụ máu bên trong. Họ nói là điều trị thẳng này đã rồi đánh tiếp”.

Nay Them được thả về nhà sau khi anh rết bị bắt, anh vẫn không quên những người đã đánh anh nói như thay cho lời xin lỗi: “Họ nói: tôi biết anh không biết nhưng tôi sợ anh giấu nên tôi đánh anh trước”.

Mấy tháng sau, Siu lãnh án 10 năm tù giam vì tội phá rối an ninh vào cuối tháng 12/2008.

Tây Nguyên qua lời kể của Nay Them, Nay Bro và Siu Wiu là một nhà tù lớn cho bất kỳ người sắc tộc thiểu số nào muốn đòi quyền tự do tôn giáo và quyền đất đai. Càng xa xôi như ngôi làng của họ thì chính quyền kiểm soát càng chặt chẽ và dường như không có luật pháp nào tồn tại.

Siu Wiu và cha anh, Nay Bro, không có một luật sư bào chữa nào. Các phiên tòa xét xử lưu động của họ nhằm tuyên truyền với quần chúng hơn là bảo đảm quyền được xét xử công bằng. Và chưa bao giờ họ được tự do kể cả khi rời khỏi nhà tù.

Ra tù năm 2011 cho đến khi hết hạn quản chế thì ông Nay Bro tiếp tục bị nghi ngờ âm mưu tổ chức biểu tình. Ông bị bắt giam hai tuần sau khi thăm một người bạn của mình ở Hải Phòng. Công an tình nghi ông cấu kết với người bạn đó để kích động người dân Tây Nguyên.

“Đến ngày 25/8/2015 thì công an lại muốn bắt [tôi] nữa. Họ đến nhà thì lúc đó tôi đi rừng bẻ măng. Lúc đó, tôi về thì nghe bà xã kể có năm đến sáu người công an vào nhà, nói với vợ tôi là ngày mai thì đừng cho tôi đi đâu vì cán bộ muốn gặp. Không được chết trong tay cộng sản, thà chết trong rừng còn tốt hơn”, ông Nay kể. Ông lấy vội quần áo, dặn con gái là bố mẹ đi chăm bạn ở bệnh viện sẽ không về mấy ngày tới. Ông dẫn theo vợ trốn liền trong rừng 11 ngày.

“Chạy sang rừng ở Đắk Lắk. Chạy xa lắm, khoảng 140km. Nếu mình ở Gia Lai thì bị bắt rồi. Ngày thì ở trong rừng, đêm thì đến chòi người ta để ngủ”, ông kể.

VƯỢT BIÊN ĐẾN THÁI LAN

Những người Thượng bị đàn áp như ông Nay Bro không tin vào điều mà nhiều người ở đồng bằng hay nói: “Không làm gì sai thì công an sẽ thả người”. Kinh nghiệm ở tù nói với ông rằng: “Đã đi tù một lần, nếu mà nó bắt lần thứ hai nữa thì chắc không về được nữa. Mình có thể chết trong rừng cũng được nhưng không thể ở tù một lần nữa.”

Nay Them giúp bố mẹ vợ đến Sài Gòn, rồi từ đó hai người được một người dẫn đường đã được thuê từ trước đưa cả hai vượt biên đến Thái Lan vào đầu tháng 9/2015.

Vượt biên là lối thoát duy nhất để không bị chính quyền truy bắt và nhập trại cải tạo, trại tù. Từ đầu những năm 2000, người Thượng đã vượt biên đến Campuchia để tránh bị chính quyền truy bắt sau những cuộc biểu tình khổng lồ. Thái Lan hiện là nơi có nhiều người Thượng tị nạn nhất.



Anh Siu Wiu và cha mình, Nay Bro, đứng trước căn nhà sàn của mình ở ngoại ô thủ đô Bangkok vào tháng 7/2019
Ảnh: Luật Khoa tạp chí.

“Người Thượng” là từ ngữ được người Pháp dùng khi cai trị Việt Nam để chỉ những người bản địa ở Tây Nguyên với hơn 20 sắc tộc khác nhau. Họ sống ở núi rừng Tây Nguyên khi người Kinh còn chưa đặt chân đến. Người Êđê, Jrai, Bana đông hơn những sắc dân còn lại như K’ho, Sedang, Stiêng, Mạ, v.v.

Ngày nay, danh xưng “người Thượng” đã biến mất trong văn bản của nhà nước như Sài Gòn bị xoá tên sau năm 1975. Họ được gọi chung là “người dân tộc thiểu số”.

Sau khi bố mẹ vợ đã vượt biên thành công, công an biết được Nay Them đã giúp bố mẹ trốn chạy từ một người bị bắt khác. Anh bị bắt vào tháng 11/2016. Công an buộc Nay phải lựa chọn hoặc anh kêu gọi bố mẹ vợ trở về hoặc anh sẽ bị truy tố với ít nhất hai năm tù giam – “tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”.



Nay Them cầm trong tay những chiếc thẻ cấp cho những người xin tị nạn do Văn phòng Cao uỷ Liên Hợp Quốc về người tị nạn tại Bangkok cấp.
Ảnh: Luật Khoa tạp chí.



Sen Nhang và vợ trong căn nhà trọ cho năm người trong gia đình của anh ở Thái Lan. Ba đứa con của anh đang được đi học miễn phí.
Ảnh: Victor/Luật Khoa tạp chí.

Một lần nữa, vượt biên là lối thoát duy nhất của Nay. Anh dắt vợ, hai con và em vợ trốn đến Thái Lan sau khi được tạm thả. Lệnh truy nã anh được phát đi từ đó.

Một tháng trước, tôi gặp Nay Them và tám người trong gia đình bố mẹ vợ anh ở khu tị nạn nằm ở ngoại ô Bangkok. Siu Wiu đến Thái Lan sau cùng khi vừa mãn hạn tù vào

năm 2018. “Nếu anh không sang đây đăng nào họ cũng bắt. Họ xuống liên tục. Họ nói là anh bị quản chế ba năm, muốn đi đâu thì phải báo cho họ. Vẫn sinh hoạt tôn giáo ở nhà, không được đi làng này làng khác. Đi lễ làng này làng kia”, Siu nói.

Gia đình Siu Wiu và Nay Them ở không xa khu mua sắm náo nhiệt West Gate, quận Bang dai, tỉnh Nonthaburi. Đó là một khu vực mà tôi không thể tự mình bắt Grab đến được. Một người Jrai tên Sen Nhiang đón tôi ở trạm tàu điện rồi đưa tôi về khu tị nạn. Cái nắng tháng Bảy như rang cả hai chúng tôi trên đường về.

Sen cùng vợ và ba đứa con (hai gái, một trai) ở trong một phòng trọ 20 mét vuông, không có bàn ghế, chỉ có một cái đệm mỏng, một cái quạt máy, một cái bếp gas, quần áo, sách vở của ba đứa con, một cái tủ lạnh trống hươ trống hoác và một cái thánh giá bằng gỗ đặt trang trọng ở một góc phòng. Trước nhà, vợ anh đang dẹt một chiếc khăn thổ cẩm để tặng cho những người Việt hải ngoại trợ cấp gạo cho cộng đồng của mình. Đã gần một năm nay, Sen không có việc làm như phần đông người tị nạn ở đây. Đứa con gái lớn nhất 14 tuổi của anh vừa gãy tay phải xin tiền ủng hộ từ nhiều nơi để chữa trị.

Nói về tình trạng của những người Thượng ở Thái Lan, cô Grace Bui, một luật sư Mỹ đã nghỉ hưu, nói khu vực tôi đến đang có hơn 500 người Thượng, bao gồm khoảng 120 trẻ em, chưa tính những người sắc tộc thiểu số từ miền Bắc Việt Nam.

“Thái Lan chưa ký Công ước Liên Hiệp Quốc năm 1951 về vị thế của người tị nạn do vậy người Thượng dù được UNHCR công nhận là tị nạn thì họ vẫn là người cư trú bất hợp pháp. Họ không được phép làm việc, cảnh sát có thể bắt và phạt rất nặng, cả chủ và người làm thuê”, cô Grace cho biết.

Trong bốn năm qua, cô Grace đã trở nên thân thiết đối với cộng đồng tị nạn ở đây. Cô giúp người Thượng ở đây nhận gạo, nhu yếu phẩm do người Việt hải ngoại ủng hộ, vận động các tổ chức phi chính phủ, Văn phòng Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tị nạn (UNHCR) trong những trường hợp cần thiết, như có người bị cảnh sát bắt giữ.

Sen nói sống ở Bangkok tuy thiếu thốn với những bữa cơm toàn rau nhưng anh được tự do theo đạo Tin Lành. Nếu bị cảnh sát bắt thì anh sẽ không bị hành hung như ở Việt Nam. Tháng Tám năm ngoái, cảnh sát Thái đã bố ráp một dãy nhà trọ ở đây, bắt hơn 130 người Thượng.

Người Thượng tị nạn ở Campuchia có một cuộc sống khác hơn. Một người Ê-đê tên Y Rin Kpâ, từng đi tù 10 năm ở Việt Nam vì biểu tình, gọi cho tôi qua Facebook bằng giọng tiếng Việt lơ lớ nói anh đang ở cùng 27 người Thượng khác, bao gồm bảy trẻ em dưới 14 tuổi.

Anh nói cảnh sát Campuchia đang giám sát mọi người rất chặt chẽ. Anh và những người tị nạn sống bằng sự hỗ trợ nhu yếu phẩm và tiền trợ cấp ít ỏi của UNHCR. Y Rin nói mọi người đang lo sợ chính quyền Việt Nam sẽ tìm mọi cách để thuyết phục chính phủ Hunsen trục xuất họ về Tây Nguyên, như một gia đình ba người đã bị cưỡng bách hồi hương vào tháng 6/2019.

Giải thích vì sao những người Thượng tị nạn không muốn quay về Việt Nam, anh Evan Jones, điều phối viên Mạng lưới Quyền Tị nạn khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (Asia Pacific Refugee Rights Network) nói với Luật Khoa:

“Việt Nam đã quá nổi tiếng với việc trừng phạt những người hồi hương bằng án tù, sách nhiễu, đe dọa và hành hạ thân thể. Việc giữ liên lạc với những người trở về là rất khó khăn. Điều này có thể cho thấy rằng họ đã bị chính quyền trả thù sau khi

hồi hương”, Jones nói. Anh cũng ước tính rằng ở Thái Lan và Campuchia đang có khoảng 500 người Thượng đang xin tị nạn. Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi năm 2017) có bốn điều luật nhằm truy tố những người liên quan đến tội vượt biên trái phép. Mức án tù thấp nhất là một năm tù giam nếu phạm tội “tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” (điều 349). Hình phạt cao nhất lên đến 20 năm tù giam nếu phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng của tội “trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân” (điều 121).

Ông Phil Robertson, Phó Giám đốc khu vực châu Á của tổ chức Human Rights Watch, một tổ chức phi chính phủ đã quan sát về tình hình nhân quyền ở Tây Nguyên gần 20 năm qua, không lạc quan về tình hình người Thượng tị nạn.

“Việt Nam đang gây sức ép để chính phủ Thái Lan trục xuất người Thượng về nước. Ở Bangkok và các tỉnh lân cận, người Thượng sống trong tình cảnh khó khăn, làm những công việc được trả lương thấp, gặp những vấn đề về tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giáo dục cho chính họ và những đứa con. Quan trọng hơn hết, họ không biết tương lai của mình sẽ như thế nào, và liệu có an toàn hay không”, Phil quan ngại.

“Ở Campuchia, sức ảnh hưởng của chính quyền Việt Nam đối với nước này còn hơn ở Thái Lan nên để bảo vệ người Thượng tị nạn ở đây còn khó hơn. Các quan chức của Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tị nạn, các nhà ngoại giao ở Bangkok và Phnom Penh đại diện cho các chính phủ tiếp nhận người tị nạn cần phải nỗ lực gấp đôi để bảo vệ người Thượng và chống lại nỗ lực của Việt Nam muốn cưỡng bách họ hồi hương”, ông Phil nói.

Mặc dù vậy, nhưng số người Thượng vượt biên đến Thái Lan vẫn ngày càng nhiều. Anh Sen Nhiang nói, “tổng số người Thượng hiện tại đang tăng. Tháng trước, có 20 người mới đến từ Đắk Lắk. Đợt vừa rồi, không đủ gạo để phát cho mọi người”. Cả hai đại sứ quán của Việt Nam tại Thái Lan và Campuchia đều từ chối nói về tình hình người Thượng. Ở Thái Lan, Đại sứ quán không trả lời email, fax và điện thoại của chúng tôi. Tại Campuchia, một nhân viên hữu trách tên Ngọc nói anh ta không có trách nhiệm trả lời về tình trạng người Thượng ở thủ đô Phnom Penh.

Người Thượng vượt biên khi tiếng Anh thì không biết, tiếng Việt thì lơ lớ, tiếng Thái lại càng không. Những người xin tị nạn này mất nhiều thời gian hơn thông thường để vượt qua các thủ tục của UNHCR thì mới được công nhận là người tị nạn, rồi lại chờ đợi để một nước thứ ba cho họ tái định cư. Cơ hội tái định cư của mỗi gia đình rất khác nhau và dường như rất may rủi.

Bà Jennifer Harrison, phát ngôn viên của UNHCR ở Bangkok, cho biết, mỗi năm chỉ có 1% người tị nạn trên thế giới được đi tái định cư. Bà nói mình không thể tiết lộ về tổng số người Thượng đang xin UNHCR cấp quy chế tị nạn.

“UNHCR luôn ủng hộ việc không trao trả những người tị nạn và người xin tị nạn – những người đã được công nhận và cần sự bảo vệ của quốc tế – về quốc gia mà họ đã ra đi để tránh sự truy bắt, dựa trên nguyên tắc không cưỡng bách hồi hương”, bà Jennifer cho biết.

MẤT HẾT Ở QUÊ NHÀ

Trân trọng sự trù phú của núi rừng để duy trì cuộc sống, có thể nói người Thượng đã giữ rừng ở Tây Nguyên từ bao đời qua. Những cánh rừng đó lại được phục vụ cho nhu cầu không có giới hạn của người Kinh. Chiếc giường hay chiếc ghế trong nhà của chúng ta có thể đã đến từ những rừng cây ở Tây Nguyên.

Người bản địa cũng đã hy sinh những mảnh đất tốt nhất để đón những di dân từ miền Bắc sau khi đất nước bị chia cắt thành hai miền năm 1954, rồi những đợt di cư đi kinh tế mới ở Tây Nguyên sau năm 1975 kéo dài đến những đợt di cư tự do vào cuối những năm 1990.

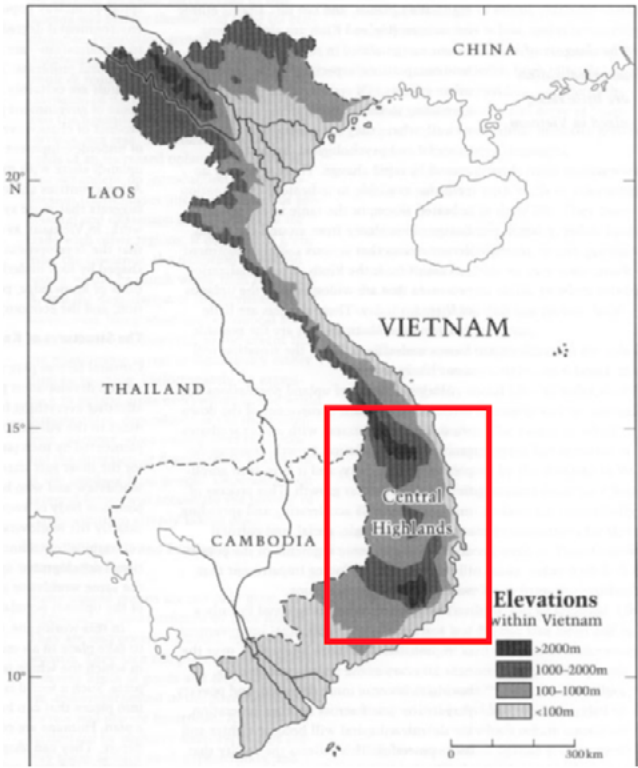
Tuy đã đánh đổi như thế nhưng người bản địa mà tôi gặp ở Thái Lan nói họ phải rời bỏ quê hương của mình vì bị chính quyền áp bức. Trước hết là không cho họ tự do theo đạo Tin Lành và sau là lấy đất của họ – nguồn sống duy nhất của các cộng đồng sắc tộc thiểu số ở đây.

Sau năm 1975, Tây Nguyên không còn là vùng đất huyền bí khi luật tục bị chính quyền xóa bỏ. Ngay từ lúc nhỏ, Nay Them

đã được nghe “từ giáo viên dạy học, đến UBND xã, họ nói là tục bỏ mả, làm lễ cầu mưa, đâm trâu là phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Họ đi tuyên truyền cho các già làng để từ bỏ phong tục cổ xưa”, anh nói.

Lạ thay, khi người dân từ bỏ tín ngưỡng truyền thống thì chính quyền lại bắt họ

khôi phục trở lại. “Sau năm 2000 đến năm 2004, họ muốn khôi phục những phong tục đó để hạn chế theo đạo Tin Lành. Họ nói đó mới là phong tục của Tây Nguyên còn Công giáo và Tin Lành theo đạo Pháp, đạo Mỹ”, Nay nói. Từ lúc nhỏ, Nay Them đã thấy chính quyền đi thu Kinh Thánh và đánh giáo dân nhưng anh không hiểu vì sao.



Ngày nay, khu vực Tây Nguyên gồm năm tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng và Kon Tum. Tây Nguyên có diện tích khoảng 54 nghìn km vuông, chiếm khoảng 16,4% diện tích cả nước.
Ảnh: East West Center.

“Tôi không thích nhà thờ quốc doanh. Mục sư truyền đạo không phải là tín đồ hay do hội thánh bầu ra mà do chính quyền đưa ra nên mọi người không thích”, Nay nói. Vì bị chính quyền cấm đoán cầu nguyện

nên Nay nói mọi người chỉ tập trung cầu nguyện vào đầu tháng nhưng cũng rất khó khăn. “Đầu tháng, anh em trong làng lén lút để cầu nguyện chung với nhau ở nhà Chắp sự trưởng. Đến ngày Chủ nhật công an sẽ đi đến tất cả các nhà, nếu mà họ thấy thì ngày hôm sau họ sẽ bắt mình lên đồn công an huyện và công an xã. Công an nói tôn giáo này không cho phép tập trung, tụ tập, cúng đầu cầu nguyện thì bị đánh là phải”, anh kể.

Nay đã thử một lần đến nhà thờ quốc doanh nhưng họ không đón tiếp anh, “mình đến nhà thờ quốc doanh thì luôn luôn bị tín đồ trong đó khinh bỉ, soi mói, họ nói mình từng phạm tội chống phá nhà nước, bị phân biệt đối xử”, anh cho hay.

Mục sư Thân Văn Trường, người từng giúp đỡ một số gia đình người Thượng vượt biên đến Thái Lan nói vào những năm 2000 các nhóm Tin Lành tư gia phát triển mạnh mẽ ở Tây Nguyên. “Những nhóm này có sự quan tâm đến nhân quyền là vì họ bị chính quyền chèn ép trong nhiều năm trên nhiều phương diện như thủ tục hành chính, đất đai, v.v. Họ có nhu cầu chia sẻ với nhau qua sự liên kết về tôn giáo”, ông giải thích.

Những tín đồ bị chèn ép và phải sinh hoạt tại tư gia như Nay Them không phải là ít ở Tây Nguyên. Số tín đồ Tin Lành ở Tây Nguyên đã tăng khoảng 432% từ 1975 đến năm 1999 với tổng số 228.618 tín đồ [1]. Đến đầu năm 2002, tỉnh Gia Lai chỉ công nhận hai mục sư, trong khi đó, số tín đồ theo đạo Tin Lành của tỉnh này là khoảng 100.000 người [2].

Những người cộng sản vô thần nhìn sự liên kết của các tín đồ theo đạo Tin Lành ở Tây Nguyên như một mối nguy cho chế độ. Năm 1999, chính phủ của cố Thủ tướng Phan Văn Khải thành lập Ban Chỉ đạo 184 để trấn áp tín đồ theo đạo Tin Lành ở Tây Nguyên và miền Tây Bắc.

Sau khi thực hiện kế hoạch đóng dấu tối mật có tên 184B, ban chỉ đạo đã nói về thành công của mình: “Chúng ta đã triệt phá và đánh đuổi bọn FULRO [United Front for the Liberation of Oppressed Races – tạm dịch là Mặt trận giải phóng các sắc tộc bị áp bức] và những nhóm phản động, ở một vài nơi các nhà thờ Tin Lành đã bị đóng cửa... Sau một vài năm thực hiện các biện pháp đấu tranh với đạo Tin Lành như dừng các hoạt động tôn giáo, giải tán ban trị sự của các chấp sự, giáo dục các giáo sĩ trong các trại cải tạo, đóng cửa các nhà thờ, trấn áp mạnh mẽ các hoạt động tôn giáo chưa được cấp phép, đe dọa tinh thần quần chúng để họ từ bỏ tôn giáo” [3].

FULRO là một mặt trận vũ trang đấu tranh để đòi lại quyền tự trị ở Tây Nguyên từ chính quyền Sài Gòn. Họ chiến đấu chống lại chế độ Việt Nam Cộng hòa và Việt Cộng. Mặt trận này đã tan rã sau khi cầm cự một thời gian dài trong một căn cứ ở Campuchia. Những thành viên của FULRO và gia đình họ được tái định cư ở Mỹ vào cuối năm 1992.

Trở lại Tây Nguyên cuối những năm 1990, chính quyền kiên quyết trấn áp mạnh mẽ người sắc tộc thiểu số theo đạo Tin Lành. Nhưng càng trấn áp thì người bản địa càng thấy rõ sự phân biệt đối xử mà họ đang chịu. Với họ, tôn giáo là thứ không thể mang ra thỏa hiệp.

Ba nhà nghiên cứu Neil L. Jamieson, Lê Trọng Cúc, A. Terry Rambo trong một báo cáo được công bố đặc biệt năm 1998 đã dự đoán về những ngôi nổ ở Tây Nguyên, và thực sự chúng đã bùng nổ thành những cuộc biểu tình vào đầu năm 2001 kéo dài đến năm 2008.

“Rất nhiều người vùng cao bắt đầu thấy họ nghèo và chậm tiến. Họ cảm thấy mình thấp kém hơn người miền xuôi, người nước ngoài, kể cả còn kém những sắc tộc đến từ miền núi phía Bắc”, các nhà nghiên cứu viết trong báo cáo. “Thiếu tiền, thiếu thức ăn, thiếu quyền tiếp cận tài nguyên

thiên nhiên, dịch vụ công (giáo dục, y tế, thông tin), họ có nguy cơ mất hết tài nguyên quý giá nhất của mình: sự tự tin và lòng tự tôn. Họ không chỉ thiếu tiền và thiếu một vài thứ hàng hóa trong cuộc sống. Rốt cuộc, vùng cao luôn luôn kém về kinh tế so với vùng đồng bằng. Vấn đề là ngày càng có nhiều người ý thức được rằng họ nghèo.” [4]

Đầu năm 2001, hàng nghìn người Thượng từ rẫy lên thành phố biểu tình. Chính quyền phải huy động xe tăng, ra lệnh giới nghiêm, cắt đường dây điện thoại, sử dụng quân đội với vũ trang hùng hậu để dẹp những cuộc biểu tình khổng lồ.

Để hạ nhiệt ở Tây Nguyên, nhà văn Nguyễn Ngọc từng góp ý với Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, lúc đó là người phụ trách khu vực Tây Nguyên, nên cải cách về đất đai cho những người bản địa, tuy nhiên, ông Dũng không nghe. Dưới bàn tay sắt của ông, số phận của những người biểu tình là lao động cưỡng bức trong các trại cải tạo và bị giam cầm trong các nhà tù.

Sau năm 2001, chính quyền cho rằng các thành viên từng tham gia FULRO và một tổ chức tôn giáo do những người này thành lập là Tin Lành Đê Ga đã kích động các cuộc biểu tình ở Tây Nguyên. Cho đến ngày nay, Tin Lành Đê Ga và FULRO vẫn là lý do chính để chính quyền đẩy những người bản địa bất đồng chính kiến vào nhà giam.

Ở khu tị nạn Thái Lan, tôi đã cố gắng tìm hiểu về Tin Lành Đê Ga nhưng không ai biết hay có liên hệ với tổ chức tôn giáo này. Mục sư Thân Văn Trường cho biết nhiều lần ông hỏi những mục sư người Thượng ở Tây Nguyên nhưng không ai còn biết về Tin Lành Đê Ga.

Kpă Hùng, một người Bana, 44 tuổi, đã bị bắt ba lần vì chính quyền cho rằng anh theo FULRO và Tin Lành Đê Ga. Kpă nói với tôi anh đã mất hết niềm tin vào chính quyền sau lần thứ ba đi tù với bản án 12 năm.



Kpă Hùng trong một ngôi làng ở Campuchia, nơi anh và gia đình đã tạm lánh một năm bảy tháng trước khi vượt biên đến Thái Lan. Ảnh: Cambodia Daily.

Ba lần đi tù đối với anh là quá đủ để vượt biên. “Biểu tình minh bạch muốn chính quyền Việt Nam biết sửa sai về vấn đề tham nhũng. Nhưng họ không bao giờ chịu thay đổi”, Kpă nói. “Chiến tranh hay thời bình

chúng tôi luôn luôn tiếp đón khách từ tể. Mà cuối cùng người khách lại muốn xóa sổ chúng tôi.”

Đương nhiên, ông Nguyễn Tấn Dũng – người chống lưng cho dự án khai thác bô-

xít ở Tây Nguyên – vẫn duy trì chính sách khắc nghiệt đối với Tây Nguyên trong hai nhiệm kỳ làm thủ tướng của ông.

Một cựu nhân viên của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam nói rằng Tây Nguyên là khu vực “rất nhạy cảm” trong chính sách tôn giáo, sắc tộc từ phía nhà nước. Vị này cho biết từ trước đến nay, Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam chỉ can thiệp gián tiếp vấn đề ở Tây Nguyên qua các kỳ kiểm điểm định kỳ phổ quát và các chuyến thăm của các báo cáo viên đặc biệt của Liên Hiệp Quốc.

Vấn đề đất đai đã trở nên phức tạp sau hàng loạt chính sách sai lầm ở Tây Nguyên. Từ các dự án thủy điện khổng lồ, các nông lâm trường quốc doanh bạt ngàn, các binh đoàn quân đội làm kinh tế thuần túy đến các doanh nghiệp xin thuê đất để đồn gỗ lậu đã nuốt phần lớn đất đai của người dân bản địa. Các quy định trong Luật Đất đai 2003 rồi đến Luật Đất đai 2013 không thể giải quyết tình trạng đất đai của những người bản địa đang bị thiệt thòi ở Tây Nguyên.

Một chuyên gia giấu tên với 10 năm kinh nghiệm làm về đất rừng nói rằng vấn đề đất đai ở Tây Nguyên đến nay đã rất phức tạp. Ông cho



hay ở một số khu vực tỷ lệ tranh chấp dân sự liên quan đến đất đai chiếm đến 90%. Tranh chấp đất đai đa dạng diễn ra giữa người Thượng với nhà nước, với doanh nghiệp, với người Kinh và với những người dân tộc di cư.

“Đồng bào Thượng ở thế quá yếu, đất đai không có đầy đủ bằng chứng pháp lý để đấu tranh, cơ chế lấy đất không đền bù thỏa đáng. Họ không được đảm bảo về cơ

chế đất đai theo luật tục, và kể cả không có quyền thỏa thuận về giá cả. Đồng bào bản địa thì không muốn tranh chấp; bị chèn ép quá thì họ lùi dần vào rừng tự nhiên thì lại đụng với nhà nước”, ông nói.

Các gia đình người Thượng mà tôi gặp ở Bangkok đều nói họ không còn đất đai hoặc còn rất ít, cũng không đủ vốn để trồng những loại cây có giá trị cao nên chỉ cố cầm cự qua ngày.

TRẺ EM DƯỚI SỰ TRUY BỨC

Trong một căn nhà sàn bằng gỗ cũ kỹ mà mỗi bước chân đều phát ra tiếng cọt kệt, một nhóm phụ nữ người Jrai đang vẽ lại cảnh họ vượt biên bằng màu nước. Trước mặt tôi, Jen - một thiếu nữ Jrai, 20 tuổi - đang dịch từng lời hướng dẫn của một họa sĩ người Mỹ cho mẹ mình và những người phụ nữ khác.

Jen mới đến Thái Lan gần một năm nay. “Jen” là tên em sử dụng khi đi học tiếng Anh tại một trung tâm hỗ trợ người tị nạn ở Bangkok. Em muốn tôi dùng tên này để tránh sự uy hiếp của chính quyền Việt Nam. Ở Tây Nguyên, nhà Jen ở xã Ia Le, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai, một xã có đông người Jrai vượt biên đến Thái Lan.

Ngồi ngay trên sàn nhà, mẹ Jen đang tô lại cảnh chị bị lạc con gái út hai tuổi ở cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam và Lào. Để qua được cửa khẩu, chị được người dẫn đường bảo trốn trong hầm xe buýt, còn đứa con gái theo ông ta qua cửa khẩu. Đến khi qua được cửa khẩu, ra khỏi hầm xe, thì chị khóc ngất vì chẳng thấy đứa con gái và người dẫn đường ở đâu. Phải hai hôm sau, người dẫn đường mới mang đứa con gái của chị đến Lào.

Lúc mẹ Jen vượt biên cùng em gái út mình, ở Tây Nguyên, Jen vẫn còn là một đứa trẻ. “Ba chị em tự nuôi nhau. Rất là sợ, tự nhiên không có bố mẹ ở nhà. Lúc đầu mình cũng khóc, hai tháng, ba tháng rồi quen, rồi cố gắng tự lập trong gần ba năm”, Jen kể.

Jen ghen ngào nhớ lại lúc mẹ em bỏ trốn đến Thái Lan và bị công an liên tục tra hỏi tung tích của bố em. “Lúc đầu em không biết mẹ trốn đi Thái Lan. Mẹ chỉ kêu em ở nhà, chăm sóc các em, rồi cũng đưa em út em đi”.

Sau ngày mẹ Jen vượt biên, “lúc đầu công an đến giám sát quanh nhà thôi. Đến khi em đủ 18 tuổi thì họ vô nhà hỏi thăm: bố mày có gọi điện về không, có liên lạc được bố mẹ hay không? Em nói là không, không liên lạc được. Em không dám nói vì sợ họ bắt em. Nhiều trường hợp trong làng, họ đến bắt các thành viên khác rồi giải về đồn đánh đập. Họ mà đến thì ba chị em sợ, ngồi ra một góc, cố gắng che hai đứa em lại”.

“Lúc đó, công an có mời em lên đồn nữa. Họ dọa nếu không kêu bố mẹ em về thì họ sẽ bắt em vô tù thế cho bố mẹ. Họ đòi em phải đưa số điện thoại liên lạc của bố

mẹ. Em nói em không có. Em sợ quá nên lúc đầu em còn khai, lúc sau em chỉ ngồi đó khóc. Họ đánh em nữa, họ tát vô mặt, đánh vào đầu, họ mắng để em khai, họ chửi nữa. Tối nào cảnh sát cũng cử người theo dõi quanh nhà, chú hàng xóm thương nên nói là đưa chú ít tiền chú sẽ giúp ba chị em vượt biên”, Jen kể em đã đưa cho người hàng xóm 10 triệu đồng. Đây là tiền “xin của bà nội và tiền hai chị em dành dụm khi đi làm thuê một ngày được 150.000 đồng”.

“Ba giờ sáng hôm đó, chú hàng xóm đưa ba chị em Jen trốn khỏi nhà xuống Sài Gòn đến bến xe Miền Đông rồi dặn tụi em đứng đó sẽ có người đến đón. Lúc sau có một người đến, ông ta xúi tụi em đi nhanh nhanh. Sau đó, ba chị em lên xe nhỏ xíu có bốn chỗ với rất nhiều người thì lúc đó em không còn biết gì nữa. Tụi em đi bộ, đi qua đò, đi xe qua đường rừng. Đi ba ngày thì mới đến được Thái Lan”, Jen kể.

Jen mô tả cảnh thất lạc con gái út hai tuổi của mình trên đường vượt biên đến Thái Lan. Ảnh: Luật Khoa tạp chí.

Sự truy bức đến cùng của công an Việt Nam đã buộc những đứa trẻ như ba chị em Jen đi theo những người không quen biết, lên những chuyến xe xa lạ băng qua những khu vực hẻo lánh. Ba chị em Jen có thể dễ dàng bị bắt cóc, bị bán vào các động mại dâm hoặc trở thành nô lệ lao động – vốn là vấn đề phổ biến đối với những người Hồi giáo Myanmar vượt biên đến Thái Lan.

Chúng tôi cố gắng liên lạc với hai tổ chức hỗ trợ trẻ em ở Việt Nam nhưng đều không được hồi âm.

Với 30 năm làm việc tại Việt Nam, tổ chức Tầm nhìn Thế giới (World Vision) từ chối bình luận về tình trạng của trẻ em bị truy bức trong các gia đình theo đạo Tin Lành ở Tây Nguyên.

Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) tại Việt Nam đã tiếp nhận thông tin của Luật Khoa nhưng họ vẫn chưa phản hồi trong nhiều tuần qua. Những năm qua, UNICEF đã viện trợ hàng triệu đô-la cho chính phủ Việt Nam để bảo vệ trẻ em



nhưng hàng năm vẫn có những đứa trẻ theo bố mẹ hoặc một mình vượt biên ra nước ngoài.

Chuyện truy bức người Thượng theo đạo Tin Lành ở Tây Nguyên chỉ còn là công việc của các tổ chức nhân quyền nằm ngoài Việt Nam. Tuy nhiên, những tổ chức này cũng rất khó tiếp cận Tây Nguyên vì bị chính quyền Việt Nam cô lập.

Phil Robertson, Phó Giám đốc của Human Rights Watch khu vực châu Á, tin rằng chính phủ Việt Nam đang cố gắng che giấu những vi phạm nhân quyền của họ ở Tây Nguyên.

“Vấn đề là Việt Nam xem những chèn ép đối với người Thượng là vấn đề nội bộ và làm tất cả để cách ly cộng đồng quốc tế khỏi Tây Nguyên. Thực tế, những gì Việt Nam đang làm với người Thượng rõ ràng là vi phạm nhân quyền và cộng đồng quốc tế đã khá là đúng về những nghi ngờ của họ”. Ông cho biết thêm chính quyền Hà Nội đã cản trở các tổ chức nhân quyền, Liên Hiệp Quốc, các hãng truyền thông quốc tế tiếp cận khu vực Tây Nguyên.

“Bằng cách cô lập khu vực này, Việt Nam hy vọng thế giới sẽ quên đi những phân biệt đối xử trắng trợn và xâm phạm quyền lợi đối với người Thượng.

Hơn 20 năm qua, đã có những khoảng thời gian rất khó khăn đối với người Thượng, đặc biệt những cuộc truy bức của chính quyền sau các cuộc biểu tình, nhưng những cộng đồng này rất mạnh và họ sẽ kiên trì trước sự đàn áp của chính quyền”, Phil nói.

Anh A Ga, một tín đồ Tin Lành Đấng Christ ở tỉnh Kon Tum, đã cùng gia đình đến Mỹ sau sáu năm tị nạn ở Thái Lan. Tên anh đến nay vẫn còn nằm trong danh sách truy nã của Bộ Công an Việt Nam. Tháng 7/2019, A Ga nằm trong số khoảng 25 nạn nhân

bị đàn áp tôn giáo trên toàn cầu gặp Tổng thống Mỹ Donald Trump ở Nhà Trắng.

Theo A Ga, anh được chính phủ Mỹ trợ giúp khi bị cảnh sát Thái bắt giữ để trục xuất về Việt Nam vào tháng 1/2018. A Ga tin rằng vụ bắt giữ anh do chính quyền Việt Nam yêu cầu vì anh là người bị công an Việt Nam truy nã. Sau ba tháng tạm giam, gia đình anh được chính phủ Mỹ đưa sang Philippines rồi đến Hoa Kỳ sau đó. Giờ đây, gia đình anh A Ga đã bắt đầu một cuộc sống mới ở tiểu bang North Carolina – nơi có cộng đồng người Thượng sinh sống.

Không may mắn như A Ga, rất nhiều người Thượng đang bị kẹt lại ở Thái Lan và Campuchia với một cuộc sống thiếu thốn và không biết trước điều gì sẽ xảy ra.

Và biết đâu, trong lúc bạn đang đọc bài viết này, ở đâu đó giữa biên giới Việt Nam với Campuchia hay với Lào, có những người Thượng đang chen chúc nhau trên những chuyến xe buýt vội vã, trốn chạy khỏi Việt Nam. □



VÌ SAO CHẤT LƯỢNG HỌC THUẬT XUỐNG THẤP TRONG MỘT NỀN CHÍNH TRỊ TOÀN TRỊ?

Yêu cầu “trung với đảng” biến hệ thống khoa học trở thành bộ máy quan liêu.

Võ Văn Quân

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 2/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Mấy ngày gần đây, có nhiều thông tin về bộ sách ba quyển “Định chế pháp luật dân sự thời Pháp thuộc và Việt Nam Cộng Hòa” của tiến sĩ sử học Huỳnh Công Bá bị phát hiện không chỉ có hiện tượng đạo văn theo chương, theo phần, mà gần như là sao chép lại toàn bộ một số giáo trình, sách tham khảo pháp lý xuất bản trong giai đoạn chính quyền Việt Nam Cộng hòa còn tồn tại.

Thông tin đầu tiên được đưa ra từ phía Luật gia Lê Công Định, và theo kiểm chứng sơ lược của người viết, đều là những cáo buộc có cơ sở. [1]

Nhiều nội dung của bộ sách này, ví dụ như quyển Nghĩa vụ - I gần như có nội dung

tương tự với quyền Việt Nam Dân luật lược khảo (quyển II - Nghĩa vụ và Khế ước) của Giáo sư Vũ Văn Mẫu, một tên tuổi lớn của giới luật học Việt Nam Cộng hòa.

Những dạng tin tức về đạo văn trong học thuật thường chỉ làm cho đại chúng chú ý trong khoảng thời gian ngắn ngủi với vài cái tặc lưỡi “tiến sĩ thời nay nó thế”, “Việt Nam thừa thầy ít thợ nên vậy”, v.v.

Nhưng đối với người trong ngành, đây là một tin tức đáng buồn.

Tiến sĩ Huỳnh Công Bá là một tên tuổi lớn trong lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, lịch sử và pháp sử Việt Nam. Dù được đào tạo trong thời kỳ Việt Nam Cộng hòa nhưng ông thành danh trong môi trường xã hội chủ nghĩa. Nhiều người cho rằng ông là cầu nối và là minh chứng lịch sử cho sự chuyển tiếp “hòa bình” của hai nền khoa học.

Song với những thông tin gần đây, có vẻ sự chuyển tiếp này gặp khá nhiều trục trặc.

Sự xuống cấp của học thuật trong các xã hội toàn trị

Chất lượng nghiên cứu của các nhà khoa học và các sản phẩm khoa học nói chung, dù là khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội, từ lâu đã được giới hàn lâm cho rằng phụ thuộc rất lớn vào nền tảng tự do học thuật của mỗi quốc gia (academic freedom). Một môi trường chính trị toàn trị sẽ không tạo ra bất kỳ cơ hội nào cho sự phát triển của các đường hướng khoa học phi ý thức hệ.

Hiển nhiên cũng có nhiều người không đồng tình với cách tiếp cận này.

Ví dụ, trong nghiên cứu và bình luận ngắn của Philip Altbach, ông này cho rằng hệ thống học thuật Liên Xô, dù chịu sự kiểm soát lẫn tách biệt với môi trường bên ngoài nhưng vẫn đạt được những thành tựu mang

tầm quốc tế (world-class). [2] Tuy nhiên, ông cũng không thể phủ nhận rằng yêu cầu “trung thành với đảng” trong nghiên cứu khoa học biến toàn bộ hệ thống khoa học trở thành một bộ máy quan liêu thu nhỏ với lợi ích, quan hệ và chủ nghĩa thân hữu không kém gì bản thân nhà nước Liên Xô.

Điều này dẫn chúng ta đến những vấn đề của hệ thống khoa học Xô viết mà Altbach chưa chỉ ra.

Yêu cầu trung thành chính trị và ưu tiên “hồng” hơn “chuyên” trong các đề bạt về quản lý khoa học, công nhận khoa học lẫn hỗ trợ tài chính khoa học, v.v. đã loại trừ rất nhiều nhà khoa học có thực tài và tâm huyết. Tuy nhiên, nguy hiểm hơn, thứ tư duy ưu tiên bổ nhiệm người trung với đảng thường củng cố tính phản khoa học, giáo điều trong môi trường học thuật và thậm chí khuếch tán sự nghiêm trọng của chúng.

Cách đây hơn một năm, bài viết *Mạn đàm đầu năm: Nhà khoa học, tự do và lòng trung thành chính trị* của tác giả Huỳnh Công Đường đăng tải trên Luật Khoa có nhắc đến trường hợp của Trofim Lysenko, người được giới nghiên cứu thế giới gọi là “Soviet biology dictator” (kẻ độc tài ngành sinh học Xô viết). [3]

Cho rằng các khái niệm sinh học về gene và di truyền là thứ tư duy và sản phẩm khoa học tư bản chủ nghĩa, Lysenko áp dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng Marxist vào sinh vật học, và từ đó khẳng định các hạt mầm sẽ tự thích nghi với môi trường nếu được làm quen đủ lâu. Ngoài ra, việc trồng các hạt mầm gần nhau sẽ giúp chúng cùng tham gia vào một “giai cấp chung”, và từ đó khiến cho cây cối không cạnh tranh dinh dưỡng với nhau, tạo năng suất cao hơn.

Kết quả của sự tư duy khoa học lệch lạc do ảnh hưởng bởi tư duy chính trị đã gây ra nạn đói thảm khốc tại nhiều quốc gia xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1930 - 1940. [4]

Nhưng đó không phải là câu chuyện duy nhất.

Ngay cả khi giới lãnh đạo chính trị không mạnh tay kiểm soát hoặc chủ tâm phổ biến tư duy khoa học duy ý chí và cực đoan thì cái bóng quá lớn của sự giám sát chính trị cũng kéo lùi sức bật và khả năng cạnh tranh của toàn bộ hệ thống khoa học.

Ví dụ, khi Khrushchev trở về Liên Xô sau chuyến công du đến Hoa Kỳ, ông cảm thấy lo lắng về tình hình khoa học ứng dụng và công nghệ máy tính của hệ thống Xô viết. Theo nghiên cứu *“Fallen Behind: Science, Technology and Soviet Statism”*, ông ta cố gắng cho xây dựng Akademgorodok với mục tiêu biến nó thành một trung tâm công nghệ - học thuật mô phỏng theo mô hình campus vừa học, vừa làm, vừa sáng tạo của Hoa Kỳ. [5] Tuy nhiên, các vấn đề cố hữu về tư duy chính trị, sự thiếu vắng của một nền công nghiệp máy tính mạnh mẽ và khả năng gắn kết chặt chẽ với thị trường, v.v. nhanh chóng khiến Akademgorodok lụi tàn.

Đến khi Brezhnev nắm quyền, tự do học thuật và tự do nghiên cứu lại bị thắt chặt, và bản thân ngành khoa học máy tính - công nghệ cũng trở lại với con đường chính trị bảo thủ không khác mấy thời Stalin.

Song cũng cần lưu ý rằng, sự thụt lùi này không đơn giản chỉ là câu chuyện của khoa học công nghệ, khoa học tự nhiên, mà còn là góc nhìn sai lệch về khoa học xã hội và các thảo luận chính trị - văn hóa khác.

Đơn cử, khi nền khoa học máy tính của Hoa Kỳ bắt đầu trỗi dậy và Hoa Kỳ trở thành người tiên phong trên toàn cầu thì hệ thống kinh tế học quan liêu của Liên Xô vẫn viện dẫn việc sản lượng thép của họ vượt trội so với Hoa Kỳ bao nhiêu phần trăm để chứng tỏ tính ưu việt của mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa.

“Học thuật toàn trị” trong môi trường toàn cầu hóa

Những thông tin trên không phải để nhận định môi trường học thuật của các chính thể toàn trị không thể phát triển và thích ứng với không gian mới.

Thực tế cho thấy, dù vẫn tiếp tục bị giới hạn và kiểm duyệt trong khuôn khổ thể chế nhưng các trường đại học tại Trung Quốc hay thậm chí là cả ở Việt Nam vẫn đang trở thành những ngôi sao mới nổi trên hệ thống học thuật toàn cầu.

Tuy nhiên, bước tiến này không phải là nhờ môi trường chính trị toàn trị trong nước trao cho họ bất kỳ ưu điểm cạnh tranh vượt trội nào.

Sự thành công của hệ thống mới chủ yếu vẫn đến từ tính mở và sự kết nối tạm thời của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong nước với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu ở nước ngoài. Điều này tạo ra một khoảng không dễ thở cho rất nhiều ngành và từ đó mở rộng sân chơi cho nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học. Họ không nhất thiết phải đi theo đúng trật tự “vừa hồng vừa chuyên” xưa cũ.

Nhưng nếu như vậy thì tại sao các chính phủ toàn trị hiện đại vẫn mở cửa và chấp nhận không gian tự do một phần của môi trường học thuật quốc tế?

Theo người viết, có hai lý do chính.

Đầu tiên, các chính phủ toàn trị có thể sử dụng các mối quan hệ, hợp tác, sáp nhập và nghiên cứu quốc tế để tham gia vào hoạt động “áp bức xuyên quốc gia” (transnational repression).

Trong nghiên cứu *“The Internationalization of Universities and the Repression of Academic Freedom”* của Freedom House (2020), nhóm tác giả chỉ ra rằng sự hiện diện thường trực, dưới danh nghĩa chính

đáng là hợp tác quốc tế, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, giao lưu văn hóa, hay thậm chí là hỗ trợ tài chính của các chính phủ toàn trị đối với các cơ sở học thuật, cơ sở đào tạo nước ngoài giúp tạo ra một trần giới hạn để hạn chế tự do cho chính không gian học thuật mà chúng ta nghĩ rằng rất tự do. [6]

Lý do thứ hai, theo quan sát cá nhân của người viết, là mục tiêu chính danh hóa hệ thống giáo dục, khoa học và học thuật nói chung của các quốc gia toàn trị.

Nếu có các cá nhân thành công trên không gian học thuật quốc tế (dù không dính dáng đến nhà nước), nếu các trường đại học quốc tế liên tục tuyển được nhiều sinh viên Việt Nam giỏi, nếu sự hiện diện của các tổ chức học thuật uy tín nước ngoài tại Việt Nam cần sự hỗ trợ của các nhân vật khoa học trong nước thì sự nhượng bộ sẽ đến mức ngay cả những cái tên mang màu sắc chính trị, “hồng nhiều hơn chuyên”, bảo thủ Marxist cũng sẽ được cộng đồng khoa học quốc tế vị nể và thừa nhận phần nào.

Từ đó, “vai trò lãnh đạo của đảng” trong sự nghiệp giáo dục và nghiên cứu khoa học trở thành điều hiển nhiên.

Với câu chuyện của Tiến sĩ Huỳnh Công Bá, và cũ hơn chút nữa là câu chuyện Tiến sĩ Phạm Đình Quý bị bắt hồi năm 2020 vì tố cáo ông Bùi Văn Cường - một chính trị gia cốt cán được Đảng Cộng sản Việt Nam sắp xếp vào vị trí cấp cao - nhắc nhở những người Việt Nam nghiên cứu khoa học chân chính hãy tiếp tục cẩn trọng.

Những “cây đa”, “cây đề” đầu ngành, những hợp danh, hợp tác quốc tế sẽ không làm thay đổi bản chất của hệ thống giáo dục Việt Nam. Hòa nhập và tồn tại trong một hệ thống như thế này đã dễ thở hơn xưa rất nhiều, nhưng đừng vì vậy mà lầm tưởng về một nền tự do học thuật thực chất. □



CỘNG TÁC VỚI LUẬT KHOA

Chúng tôi luôn mong chờ bài viết cộng tác của bạn.

Cùng là những người viết, chúng tôi trân trọng nỗ lực của bạn với con chữ và luôn dành mức nhuận bút cao nhất có thể cho mỗi tác phẩm của bạn.

Gửi bài cho Luật Khoa tại:
luatkhoa.com/guibai



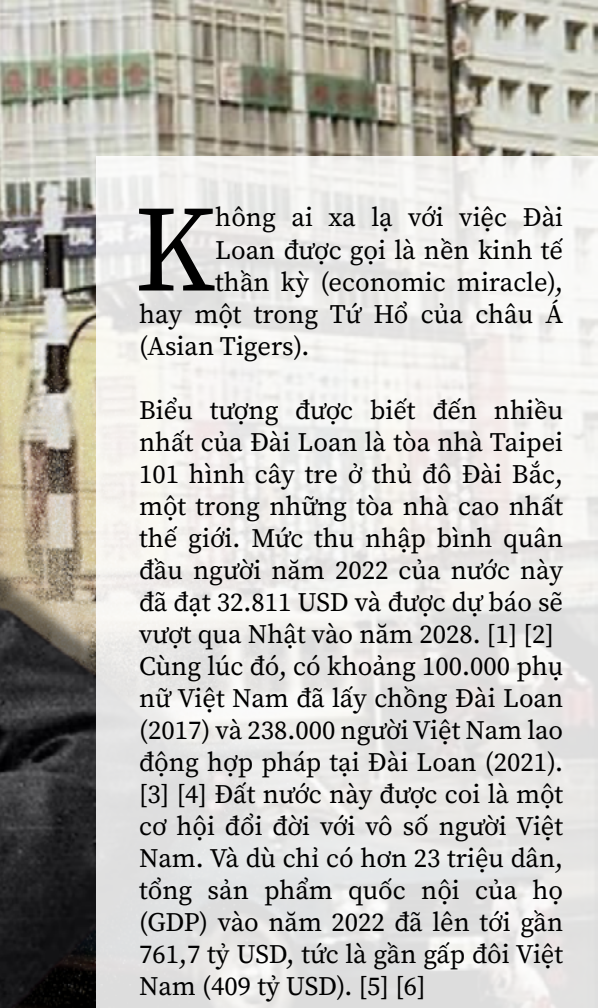
Nguồn ảnh: Wikimedia
Commons, Taiwan News.
Đồ họa: Thiên Tân/ Luật Khoa.

ĐÀI LOAN LƯỢC SỬ - KỲ 4: CHIẾN TRANH TRIỀU TIÊN ĐÃ CỨU SỐNG ĐÀI LOAN NHƯ THẾ NÀO?

*Súng nổ ở Triều Tiên, đưa Đài Loan
quay trở lại bàn cờ chiến lược của Mỹ.*

Trịnh Hữu Long

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 7/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.



Không ai xa lạ với việc Đài Loan được gọi là nền kinh tế thần kỳ (economic miracle), hay một trong Tứ Hổ của châu Á (Asian Tigers).

Biểu tượng được biết đến nhiều nhất của Đài Loan là tòa nhà Taipei 101 hình cây tre ở thủ đô Đài Bắc, một trong những tòa nhà cao nhất thế giới. Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2022 của nước này đã đạt 32.811 USD và được dự báo sẽ vượt qua Nhật vào năm 2028. [1] [2] Cùng lúc đó, có khoảng 100.000 phụ nữ Việt Nam đã lấy chồng Đài Loan (2017) và 238.000 người Việt Nam lao động hợp pháp tại Đài Loan (2021). [3] [4] Đất nước này được coi là một cơ hội đổi đời với vô số người Việt Nam. Và dù chỉ có hơn 23 triệu dân, tổng sản phẩm quốc nội của họ (GDP) vào năm 2022 đã lên tới gần 761,7 tỷ USD, tức là gần gấp đôi Việt Nam (409 tỷ USD). [5] [6]

Không chỉ vậy, Đài Loan còn là nước có dự trữ ngoại hối lớn thứ sáu thế giới (548 tỷ USD) và có dự trữ vàng lớn thứ 11 thế giới (424 tấn) tính đến tháng 12/2020. [7] Họ là đối tác thương mại lớn thứ tám của Mỹ tính tới tháng 12/2021 với tổng kim ngạch hai chiều đạt 113,9 tỷ USD cho năm 2021, lớn hơn cả Ấn Độ và Việt Nam. Bức tranh kinh tế của Đài Loan có thể nói là chói sáng, ngay cả trong thời kỳ đại dịch COVID-19.

Nhưng nếu lùi lại thời điểm năm 1949, khi Quốc Dân Đảng rút ra Đài Loan, ta sẽ thấy một khung cảnh hoàn toàn trái ngược.

Trong những ngày cuối cùng của Quốc Dân Đảng ở Trung Quốc đại lục, Tưởng Giới Thạch đã ra lệnh vận chuyển đến Đài Loan không những kho bảo vật quốc gia (ngày nay đang được lưu trữ tại Bảo tàng Cố cung), mà còn là hàng triệu lượng vàng và ngoại tệ của Ngân hàng Trung ương. [8] Cùng với hai triệu người đại lục sang Đài Loan lánh nạn, còn có rất nhiều chuyên gia kinh tế và nhà kỹ trị được đào tạo bài bản và dày dặn kinh nghiệm. Trong số đó, có Lý Quốc Đình (Li Kou-ting), người sau này được mệnh danh là kiến trúc sư trưởng của nền kinh tế thần kỳ Đài Loan.

Thứ chờ đợi họ ở bên kia bờ eo biển là một nền kinh tế tan hoang.

Sau bốn năm kể từ khi tiếp quản Đài Loan từ Nhật, nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề của Đài Loan tiếp tục lao dốc với mô hình kinh tế chỉ huy mà Quốc Dân Đảng áp đặt tại đây. Vai trò của Đài Loan trong suốt bốn năm đó là tiếp ứng cho Quốc Dân Đảng trong cuộc Nội chiến với Đảng Cộng sản. Hậu quả là nạn siêu lạm phát, sản xuất đình trệ, thiếu thốn nhu yếu phẩm, và đồng tiền mất giá không phanh. Tình trạng nghèo đói hiển hiện khắp nơi trên hòn đảo chỉ có tám triệu người khi đó, bao gồm cả hai triệu người đại lục mới sang.

Tưởng Giới Thạch và các nhà kỹ trị của mình sẽ phải kiến thiết lại nền kinh tế, xây dựng một nền kinh tế thời chiến, chờ ngày tái chiếm đại lục.

Nhưng mớ hỗn độn ở Đài Loan là quá lớn. Mỹ gần như đã mất hết kiên nhẫn và bỏ mặc Quốc Dân Đảng vì nạn tham nhũng tràn lan và bộ máy rệu rã của họ. Mỹ khi đó cũng đang dần định hình một đường lối ngoại

giao mới dưới thời Tổng thống Harry Truman, trong đó, Đài Loan được dự báo sẽ sớm bị quân cộng sản từ đại lục đánh chiếm và Mỹ không có lợi ích chiến lược quan trọng nào ở hòn đảo này. Các chỉ thị dừng viện trợ cho Quốc Dân Đảng đã được chính quyền Truman ban ra. [9]

Nói cách khác, Mỹ đã sẵn sàng bỏ rơi Đài Loan và số phận của Quốc Dân Đảng đang trở nên mong manh hơn bao giờ hết. Tưởng Giới Thạch lấy gì để vực dậy hòn đảo này?

Ngày nay, ai cũng biết Đài Loan đã trở thành một phép lạ kinh tế. Nhưng phép lạ đó chỉ có thể xảy ra nhờ một phép lạ khác, cách Đài Loan không xa.

Ngày 25/6/1950, quân cộng sản Bắc Hàn bất ngờ nổ súng xâm lược Nam Hàn. Nếu có một sự kiện nào đó được coi là định hình cục diện thế giới thời kỳ Chiến tranh Lạnh thì Chiến tranh Triều Tiên xứng đáng là ứng cử viên thuộc loại sáng giá nhất.

Chính quyền Truman nhận định rằng nếu họ không can thiệp vào bán đảo Triều Tiên thì hiệu ứng domino sẽ là điều không thể tránh khỏi, đẩy phần còn lại của châu Á lẫn châu Âu vào quỹ đạo của Liên Xô và Trung Quốc. Đài Loan ngay lập tức trở lại bàn cờ chiến lược của Mỹ, mà một trong những người ủng hộ mạnh mẽ nhất là vị tướng huyền thoại Douglas MacArthur. Mặc dù còn nhiều tranh cãi nội bộ, chính quyền Mỹ đồng thuận rằng việc để Đài Loan rơi vào tay Trung Quốc sẽ là một thảm họa chiến lược. [10]

Vậy là chỉ vài tháng sau tuyên bố của Truman về việc chấm dứt viện trợ cho Đài Loan, đồng đô-la Mỹ lại tới tấp quay trở lại dưới hình thức viện trợ quân sự. Hạm đội Bảy của Hải quân Mỹ kéo tới eo biển Đài Loan, bảo vệ hòn đảo này trước mọi khả

năng tấn công từ đại lục. Năm 1955, Mỹ và Đài Loan chính thức thông qua Hiệp ước Phòng thủ chung. Và kể từ khi Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, chính quyền của Tưởng Giới Thạch sẽ có được khoảng 2,5 tỷ USD Mỹ tiền viện trợ quân sự từ Washington cho tới tận năm 1965.

Nhưng không chỉ vậy. Một khoản viện trợ khác từ Mỹ sẽ không những cứu sống nền kinh tế Đài Loan mà còn đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển thần kỳ của hòn đảo này trong hàng thập niên về sau: 1,4 tỷ USD Mỹ tiền viện trợ kinh tế từ năm 1951 tới năm 1965. Giới chuyên gia có vẻ đồng thuận rằng, nếu không có khoản viện trợ kinh tế này, nền kinh tế Đài Loan sẽ sụp đổ. Cần lưu ý rằng, trước năm 1961, gần như không có khoản đầu tư nước ngoài nào đổ vào Đài Loan.

Viện trợ kinh tế từ Mỹ tập trung vào việc ổn định giá cả, nhập khẩu hàng tiêu dùng vốn đang thiếu thốn trầm trọng, trợ giúp nâng cao năng suất nông nghiệp, và phát triển các ngành công nghiệp cơ bản. Kết quả là trong thời kỳ nhận viện trợ (1951-1965), không những kinh tế Đài Loan dần ổn định, mà công nghiệp cũng thay thế nông nghiệp trở thành khu vực kinh tế lớn nhất.

Đài Loan đã được cứu sống một cách thần kỳ cả về kinh tế lẫn quân sự như vậy, nhờ cuộc chiến Triều Tiên. Nhưng đó sẽ không phải là cuộc chiến duy nhất giúp Đài Loan hưởng lợi về kinh tế. Ta sẽ quay lại vấn đề này sau...□



RA MẮT

**THƯ VIỆN
ĐIỆN TỬ
LUẬT KHOA**

và bộ sưu tập sách Việt nam Cộng hòa

Chi tiết tại:

www.luatkhoa.com

ĐÀI LOAN LƯỢC SỬ - KỲ 5: CUỘC CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT KHÔNG ĐỔ MÁU VÀ THÀNH CÔNG VANG DỘI

Tất cả các bên đều được lợi.

Cán bộ địa phương ở Đài Loan đang giải thích về chương trình 3-7-5 cho địa chủ. Ảnh chụp năm 1952. Nguồn: Kknews.cc.

Trịnh Hữu Long

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 16/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.



Ở một góc độ nào đó, thập niên 1950 tại châu Á có thể gọi là thập niên cải cách ruộng đất. Toàn bộ cấu trúc kinh tế và chính trị cũ của các nước Đông Á bị một thế lực chi phối mạnh mẽ: địa chủ. Nhu cầu cải cách là rất cấp thiết. Các đảng cộng sản cầm quyền ở Trung Quốc và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành cải cách ruộng đất dưới hình thức đấu tranh giai cấp; còn các nước tư bản như Việt Nam Cộng hòa, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan thì cải cách theo một cách thức hoàn toàn khác, và ngoại trừ Việt Nam Cộng hòa, các nước còn lại đều thành công vang dội. Một trong những kiến trúc sư chính đằng sau thành công vang dội đó là chuyên gia nông nghiệp Wolf Ladejinsky, một chuyên viên người Mỹ gốc Ukraine làm việc cho chính quyền liên bang Hoa Kỳ.

Vào năm 1953, khi Bắc Việt thông qua Luật Cải cách Ruộng đất và bắt đầu ba năm “đấu tranh giai cấp” đẫm máu dưới ảnh hưởng của Trung Quốc cộng sản thì Ladejinsky - với tư cách là thành viên của Ủy ban Hỗn hợp Hoa-Mỹ về Tái thiết Nông thôn - đã giúp chính quyền Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan hoàn thành cuộc cải cách ruộng đất một cách hiệu quả và hoàn toàn êm thấm. Đây được coi là tiền đề cho sự bùng nổ của nông nghiệp Đài Loan và cả nền kinh tế Đài Loan sau này.

Cải cách ruộng đất ở Đài Loan có ba chính sách lớn. [2]

Đầu năm 1955, một người đàn ông tên là Wolf Ladejinsky đặt chân đến Sài Gòn với sứ mệnh cố vấn cho chương trình cải cách ruộng đất ở miền Nam Việt Nam dưới thời chính quyền Ngô Đình Diệm. Không phải ngẫu nhiên mà ông được chính quyền Hoa Kỳ giao nhiệm vụ này. [1]

Một, từ tháng 4/1949, Đài Loan buộc địa chủ giảm tô cho tá điền, khống chế mức thu tô không quá 37,5% sản lượng hàng năm của vụ mùa chính của năm 1948. Chính sách này còn được gọi là chương trình 3-7-5. Khoảng 44,5% nông dân được hưởng lợi nhờ chính sách này do thu nhập tăng vọt.

Hai, từ năm 1951, chính phủ tiến hành bán đất công - vốn là đất nông nghiệp nông dân đang thuê canh tác - cho nông dân với mức giá tương đương 2,5 lần sản lượng vụ mùa chính, trả góp trong năm lần. Ai đang canh tác ở thửa ruộng nào thì được ưu tiên mua lại thửa ruộng đó. Kết quả, 96 nghìn hecta đất đã được bán cho 165 nghìn nông dân. Sờ dĩ nông dân mua được đất một phần nhờ thu nhập tăng do chương trình 3-7-5 kể trên.

Ba, kể từ năm 1953, chính phủ tiến hành chương trình “ruộng đất cho dân cày”. Theo đó, mỗi địa chủ được phép giữ lại tối đa 3-6 hecta đất, tùy từng loại, phần còn lại được chính phủ mua và bán lại cho nông dân với mức giá tương đương 2,5 lần sản lượng vụ mùa chính. Nông dân có thể trả góp 20 lần trong 10 năm với lãi suất 4%. Vậy chính phủ trả tiền mua đất cho địa chủ bằng cách nào? Họ trả 70% bằng trái phiếu và 30% còn lại bằng cổ phiếu trong các doanh nghiệp lớn của nhà nước. Kết quả, 65% tá điền mua được ruộng. Đài Loan từ chỗ có 36% nông dân là tá điền năm 1952 đã giảm chỉ còn 7% vào năm 1980.

Cuộc cải cách ruộng đất diễn ra nhanh gọn, không đổ máu, và tất cả các bên đều được lợi. Thu nhập của người dân tăng nhanh, cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân cũng tăng theo, khoảng cách giàu nghèo bị thu hẹp lại, tạo tiền đề cho sự bùng nổ của các sản phẩm nông nghiệp và nền công nghiệp Đài Loan sau này.

Còn Ủy ban Hỗn hợp kể trên - từ năm 1958 - có thêm một thành viên là chuyên gia kinh tế nông nghiệp người Đài, tên là Lý Đăng Huy, người sau này sẽ làm nên đại nghiệp. □

(Còn tiếp)

ĐÀI LOAN LƯỢC SỬ - KỲ 6: CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO VÀ NỀN KINH TẾ THẦN KỲ

*Việt Nam Cộng hòa như một thị trường
xuất khẩu ngay đầu ngõ.*

Trịnh Hữu Long

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 19/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.



Lý Quốc Đình (Li Kou-ting),
người được mệnh danh là kiến
trúc sư trưởng của nền kinh tế
thần kỳ Đài Loan. Nguồn ảnh
nền: Dawgflight.com. Nguồn
ảnh nhân vật: KTLI.org.tw.
Đồ họa: Thiên Tân/ Luật Khoa.

Cho đến cuối thập niên 1950, Đài Loan vẫn là một nền kinh tế thời chiến, hoàn toàn chú trọng vào nhập khẩu. Mọi thứ được thiết kế để phục vụ cho sứ mệnh tối cao của Quốc Dân Đảng: tái chiếm đại lục.

Tuy vậy, đến thời điểm này, Tưởng Giới Thạch đã dần hiểu rõ rằng ông không thể dựa vào Mỹ cho sứ mệnh này. Thứ Mỹ có thể giúp chỉ là phòng thủ. Muốn hiện thực hóa tham vọng bá chủ toàn cõi Trung Hoa, ông buộc phải tự cường về quân sự và kinh tế. Một chiến lược mới về kinh tế

được ban hành, chuyển hướng sang xuất khẩu để mang ngoại tệ về. Cũng vào cuối thập niên 1950, viện trợ Mỹ chuyển hướng từ gia cường quân sự và ổn định tài chính sang phát triển bền vững, hướng tới một nền kinh tế tự chủ cho Đài Loan.

Kể từ năm 1958, Đài Loan bắt đầu cải cách theo hướng công nghiệp hóa và xuất khẩu, dỡ bỏ dần các hàng rào thuế quan, điều chỉnh lại chính sách quản lý tiền tệ, giảm thiểu chi phí chuyển đổi ngoại tệ, v.v. Để khuyến khích xuất khẩu, chính phủ lập ra ba khu chế xuất vào năm 1965 với



các ưu đãi đặc biệt về thuế. Các khu chế xuất này về sau thành công vang dội, thúc đẩy Đài Loan nhanh chóng kết nối với nền kinh tế toàn cầu. Kết quả là kim ngạch xuất khẩu của Đài Loan tăng từ 160 triệu đô năm 1960 lên 3 tỷ USD vào năm 1972, tốc độ tăng trưởng trung bình là 27,4%/năm.

Ở kỳ 4 ta có nói rằng Chiến tranh Triều Tiên không phải là cuộc chiến duy nhất mà Đài Loan được hưởng lợi. [1] Chắc bạn cũng đã đoán ra cuộc chiến tiếp theo là gì. Thật vậy, trong cuốn *“Rethinking Asia’s economic miracle”*, học giả Richard Stubbs nhận định rằng, “đúng vào cái lúc Đài Loan bắt đầu công nghiệp hóa và nền sản xuất sơ khai định hướng xuất khẩu của họ cần một thị trường thì Chiến tranh Việt Nam bùng nổ và tạo ra một thị trường ngay đầu ngõ”. [2]

Thị trường ngay đầu ngõ đó chính là Việt Nam Cộng hòa. [3] Trong khoảng thời gian từ năm 1962 đến năm 1967, hàng nhập khẩu Đài Loan luôn chiếm tỷ trọng từ 20-25% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam Cộng hòa, chỉ đứng thứ hai sau Nhật với khoảng 40-45%. Riêng năm 1967, kim ngạch xuất khẩu vào miền Nam Việt Nam chiếm tới 13,44% tổng kim ngạch xuất khẩu của Đài Loan.

Nhưng không chỉ có vậy. Vào năm 1966 và năm 1967, 85% hàng xi măng xuất khẩu của Đài Loan đã cập bến miền Nam, tiếp theo đó là 75% phân bón hóa học, và 72% sắt, thép. Với các mặt hàng khác như giấy, cao su, máy cơ khí, thiết bị vận tải, v.v. tỷ trọng cũng từ 30-45% tổng kim ngạch xuất khẩu của Đài Loan. Những con số này phản ánh vai trò quan trọng của Việt Nam Cộng hòa trong thời kỳ đầu của nền xuất khẩu Đài Loan.

Để hình dung cụ thể hơn về quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của Đài Loan, ta có thể tham khảo bảng số liệu sau đây:

	1952	1960	1972	1980
Cấu trúc nền kinh tế (% GDP)				
Nông nghiệp	33,2	28,5	12,2	7,7
Công nghiệp	19,7	26,9	41,6	45,7
Dịch vụ	48,1	44,6	46,2	46,6
Cấu trúc lực lượng lao động (% tổng số lao động)				
Nông nghiệp	56,0	50,2	33	19,5
Công nghiệp	16,9	20,5	31,8	42,5
Dịch vụ	27	29,3	35,2	38
Cấu trúc ngành sản xuất (% tổng sản phẩm)				
Công nghiệp nặng và hóa chất		24	34,3	46,2
Công nghiệp nhẹ		76	65,7	53,8
Tư nhân	43,8	56,2	86	85,5
Quốc doanh	56,2	43,8	14	14,5
Cấu trúc ngành xuất khẩu (% tổng xuất khẩu)				
Nông nghiệp và nông nghiệp chế biến	91,9	67,7	16,7	9,2
Công nghiệp	8,1	32,3	83,3	90,8
Công nghiệp nặng và hóa chất	4,7	10,2	26,6	35,6
Hàng công nghiệp khác	95,3	89,8	73,4	64,4

Nguồn số liệu: Hội đồng Kế hoạch và Phát triển Kinh tế Đài Loan. [4]

Đến năm 1980, khu vực công nghiệp đã hoàn toàn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nền kinh tế Đài Loan cả về sản xuất lẫn tuyển dụng lao động, với con số trên 40%. Như vậy, quá trình công nghiệp hóa của Đài Loan đã hoàn tất trong vòng chưa đến 30 năm, ngắn hơn nhiều so với các nước công nghiệp đi trước như Anh (80 năm), Pháp (127 năm), Mỹ (95 năm), Đức (104 năm), Ý (85 năm), hay Nhật (64 năm).

Đến cuối những năm 1970, Đài Loan chịu ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới. Nền kinh tế vốn đã chuyển từ mô hình thâm dụng lao động sang thâm dụng năng lượng nay không còn phù hợp. Chính phủ quyết định đề ra kế hoạch phát triển kinh tế 10 năm (1980-1989), chuyển đổi sang mô hình kinh tế có giá trị thặng dư cao và tiết kiệm năng lượng, tập trung vào máy móc, công nghệ thông tin, hàng điện tử, điện máy, và thiết bị vận tải; đồng thời với đó là tự do hóa nền kinh tế, đẩy mạnh tư nhân hóa, giảm thiểu các chính sách bảo hộ.

Bạn còn nhớ nhân vật Lý Quốc Đình (Li Kou-ting) mà chúng ta đã nhắc đến ở kỳ 4? [5] Sau nhiều năm đóng vai trò chủ chốt trong các chính sách phát triển của nội các với vai trò bộ trưởng kinh tế (1965-1969), bộ trưởng tài chính (1969-1976), ông trở thành bộ trưởng cố vấn và một lần nữa giúp biến Đài Loan thành một trong những thủ phủ công nghệ của thế giới. Ông đã kiến thiết nên những thiết chế đặc biệt để hiện thực hóa điều này, trong đó có Công viên Khoa học Tân Trúc vào

năm 1980. Ông cũng đã thúc giục chính phủ mời gọi Đài kiều trở về nước để mang tri thức công nghệ về. Một trong những người đã đi theo lời kêu gọi đó là Morris Chang, người sau này sẽ lập ra hãng sản xuất chip bán dẫn lớn nhất thế giới - TSMC - với sự hỗ trợ của chính phủ. Còn thành phố Tân Trúc ngày nay được mệnh danh là Thung lũng Silicon của châu Á. [6]

Xuyên suốt quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của Đài Loan, ta thấy bàn tay can thiệp rất lớn của chính phủ. Mô hình của họ, về sau, sẽ được gọi là mô hình nhà nước phát triển (developmental state), hay mô hình nhà nước phát triển tư bản (capitalist developmental state), thứ mà ở Việt Nam ngày nay hay gọi là mô hình nhà nước kiến tạo phát triển. [7]

Mô hình này có mấy đặc điểm:

- chính phủ mạnh, ít chịu tác động từ áp lực xã hội;
- sự đồng thuận trong giới tinh hoa về việc ưu tiên phát triển kinh tế;
- bộ máy hành chính kinh tế có năng lực; và
- chính sách công nghiệp định hướng tới thị trường thế giới.

Như vậy, trước khi bước vào quá trình dân chủ hóa từ cuối thập niên 1980, Đài Loan đã là “Con hổ châu Á” (Asian Tiger), “Nền kinh tế thần kỳ” (Economic Miracle), với thu nhập đầu người tăng từ 213 USD năm 1952 lên xấp xỉ 3.300 USD vào năm 1985. [8] □

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG



CON ĐƯỜNG DÂN CHỦ Ở TRUNG QUỐC: CÒN RẤT XA MỚI ĐẠT ĐƯỢC ĐIỂM ĐỘT PHÁ

*Không có nhiều động lực để thay thế
“nền dân chủ xã hội chủ nghĩa”.*

Ái Thư

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 13/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Cuốn sách của Giáo sư khoa học chính trị Pháp Jean-Pierre Cabestan “Trung Quốc của ngày mai: Dân chủ hay độc tài?” ra đời năm 2018, tròn 40 năm kể từ khi Đặng Tiểu Bình tiến hành cuộc cải cách giúp Trung Quốc chuyển mình và trỗi dậy, là một gợi mở tuyệt vời để suy ngẫm về Việt Nam. Cuốn sách phản ánh tương đối toàn diện về chính trị, xã hội của

đất nước láng giềng, đặc biệt kể từ khi Tập Cận Bình nắm quyền năm 2012.

Cabestan cho rằng, việc đánh giá thực trạng dân chủ hóa và hiện đại hóa của Trung Quốc đại lục cần xuất phát từ lịch sử Trung Quốc, chứ không phải trong thế so sánh với phương Tây. Sự dân chủ hóa của Trung Quốc phải đến từ những yếu tố

nội tại (les forces endogènes) của chính đất nước này, chứ không phải từ bất cứ can thiệp nào của các cường quốc bên ngoài.

Theo tác giả, điều quan trọng hơn là phương Tây nói chung và nước Pháp nói riêng nên có sự cởi mở và khiêm tốn để tìm hiểu về Trung Quốc thay vì ở ngoài đánh giá và đòi hỏi sự dân chủ gấp gáp từ họ, cũng như Mỹ cùng các nước châu Âu không hoàn toàn vô can trước tiến trình dân chủ hóa hạn chế của đất nước tỷ dân này.

Một tỉnh của Trung Quốc đôi khi có diện tích còn lớn hơn cả một nước châu Âu, và dân số thì đông gấp năm hoặc sáu lần. Chính sự giàu có của một bộ phận người Trung Quốc, cũng như nguồn tài trợ dồi dào của chính phủ nước này đã tạo nên nguồn thu nhập đáng kể cho rất nhiều trường đại học và cơ sở nghiên cứu Âu Mỹ, khiến giới trí thức phương Tây cũng tự kiểm duyệt để không làm phật ý các khách hàng đến từ đất nước chưa dân chủ.

CẢI CÁCH RẦM RỘ NHƯNG KHÔNG LÀM THAY ĐỔI BẢN CHẤT CHÍNH TRỊ

Ở *Trung Quốc*, chính quyền trung ương luôn cố gắng đạt được sự cân bằng với chính quyền địa phương. Sự tập trung hóa (centralisation) nằm ở các vấn đề ngân sách, an ninh và tuyên truyền, nhưng đường lối cụ thể về phát triển kinh tế được phó thác cho chính quyền địa phương (decentralisation).

Tuy nhiên, đó chưa phải là tín hiệu đáng mừng. Ở một đất nước không đề cao pháp quyền (đảng vẫn đứng trên pháp luật), mọi sự phân định giữa đảng cộng sản và nhà nước chỉ là ảo tưởng. Một ví dụ dễ thấy nhất là chủ tịch nước và tổng bí thư đảng là một. Sự minh bạch mà các nhà quan sát phương Tây đòi hỏi ở một bộ máy công kênh ấy là vô nghĩa, bởi ở đó họ cố ý giấu giếm thông tin (volonté délibérée

d'opacité). Tác giả viết: “Lựa chọn người giữ các vị trí lãnh đạo cao nhất luôn là kết quả của những cuộc thương lượng bí mật và phức tạp giữa các nhân vật nặng ký của đảng” (chương một). Những gì chúng ta thực sự biết về bộ máy và từng cá nhân là quá ít ỏi. Tác giả khẳng định, Đảng Cộng sản Trung Quốc, đảng lớn thứ hai trên thế giới sau Đảng Bharatiya Janata của Ấn Độ xét về số lượng đảng viên, là một tổ chức bí ẩn nhất hành tinh.

Ngay cả khi đảng cầm quyền định hướng và quản lý hệ thống tư pháp thì “chủ nghĩa bảo hộ tư pháp cục bộ” (le protectionisme judiciaire local) vẫn luôn tồn tại. Chính quyền trung ương thường lợi dụng hay khuyến khích giới truyền thông điều tra thay họ những vụ tham nhũng của quan chức địa phương nhằm phục vụ mục đích tuyên truyền.

Dưới thời Tập Cận Bình, Trung Quốc phát động chiến dịch chống tham nhũng với quy mô lớn nhất từ trước tới nay, đi kèm với những cải cách pháp lý năm 2014 (chủ yếu là chấn chỉnh tòa án và thẩm phán) nhằm chống lại và ngăn chặn sự bảo hộ pháp lý cục bộ. Mặc dù vậy, tác giả vẫn cho rằng đó cũng chỉ là cách trung ương can thiệp sâu hơn vào địa phương, chứ không phải là cải thiện một nền pháp lý lấy pháp luật và người dân làm trung tâm.

Chính sách “đà hổ, diệt ruồi” chỉ làm giảm sự phô trương xa hoa lộ liễu hay thói tham nhũng vặt hàng ngày, chứ không xóa bỏ bản chất tham nhũng của chế độ độc tài. Những đối tượng bị bắt vì tham nhũng không chỉ bao gồm những cá nhân công khai chống đối Tập Cận Bình mà còn là những quan chức chưa thể hiện đủ lòng trung thành với vị “hoàng đế” mới này. Việc bãi bỏ các trung tâm cải tạo lao động (laojiao) cũng không đồng nghĩa với việc giảm các vụ bắt giữ tùy tiện.

Nền chính trị Trung Quốc hôm nay là sự kết hợp của truyền thống quan liêu phong kiến và mô hình quản lý Xô viết. Thời Dân

quốc ngăn ngòi đã đem đến những biến chuyển to lớn trong lịch sử Trung Quốc. Sáu bộ luật do Quốc Dân Đảng ban hành trong vòng một thập kỷ (1928 - 1935) chính là nền tảng cho pháp luật thực định - pháp luật dựa trên những văn bản luật nền tảng - đang được thi hành tại Đài Loan bây giờ. [1] Và những bộ luật này đã đặt nền móng cho các cải cách pháp lý của Đặng Tiểu Bình vào năm 1979. Chính Tưởng Giới Thạch, chứ không phải Mao Trạch Đông, mới là người bãi bỏ hoàn toàn những khu vực nhượng bộ cho người châu Âu được hưởng quyền ngoại trị (extra-territorialité) trên lãnh thổ Trung Quốc năm 1943. Và cũng chính chính quyền Nam Kinh, chứ không phải Bắc Kinh, đã tham gia xây dựng tuyên bố về Nhân quyền, phần nào thể hiện qua tư tưởng Nhân sinh (minsheng) của Tôn Trung Sơn. Cũng chính Tưởng Giới Thạch đã gây áp lực tới Anh đòi trao trả lại Hong Kong cho Trung Quốc, chứ không phải Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tác giả chỉ ra rằng, tầng lớp tinh anh Trung Quốc không đồng nhất và không đồng lòng, nên khó có thể mong đợi một sự nhảy vọt tới nền dân chủ của đất nước này. Tầng lớp tinh anh “thuộc nhà nước” gồm: tinh anh chính trị, tinh anh kinh tế và tinh anh trí thức.

Nhóm đầu, chủ yếu gồm các công chức nhà nước. Các cuộc mâu thuẫn nội bộ, tranh giành quyền lực khiến chúng ta đều hiểu sự nhất trí thường thấy trên truyền thông của họ chỉ là vẻ bề ngoài. Những nhà dân chủ trong nhóm này đều ẩn mình và thận trọng, đặc biệt sẽ càng trở nên kín tiếng hơn dưới thời Tập Cận Bình.

Nhóm tinh anh kinh tế, bao gồm những người làm quản lý và các doanh nhân (phần đông các vị doanh nhân này là những cựu quan chức). Họ khó có thể phát biểu trước công chúng về quan điểm chính trị cá nhân. Thành phần kinh tế tư nhân luôn phụ thuộc vào tầng lớp chóp bu, nơi có thể lật đổ họ bất cứ lúc nào,

như trường hợp của tập đoàn bảo hiểm An Bang, được coi là một trong những tập đoàn thân hữu chính trị của Trung Quốc.

Nhóm tinh anh tiếp theo là nhóm trí thức, bao gồm cả giới bảo thủ và khai phóng. Tuy nhiên, ngay cả những trí thức khai phóng cũng không đồng tình về con đường dân chủ của Trung Quốc và không phải ai cũng ủng hộ một sự cải tổ chính trị toàn diện. Có những nhân vật trí thức chỉ vận động cho sự nổi lòng thành phần kinh tế tư nhân, hay một nền dân chủ kinh tế. Thậm chí, ngày càng nhiều trí thức Trung Quốc cho rằng sự phát triển kinh tế cũng như quá trình Trung Quốc chuyển mình thành cường quốc đều phải gắn liền với việc duy trì quyền lực của đảng cộng sản.

Ngoài ra, nhóm những nhà bất đồng chính kiến, nhà hoạt động xã hội không làm vừa lòng đảng cầm quyền được tác giả đặt tên là nhóm phản - tinh anh, bao gồm nhà hoạt động giành giải Nobel Hòa bình Lưu Hiểu Ba. Nhóm thiểu số này độc lập nhưng cũng cô độc bởi lẽ đại đa số dân chúng không hiểu và không quan tâm đến họ.

MỘT THỂ HỆ HÀI LÒNG VỚI “NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA”

Nhìn chung, người dân Trung Quốc có quán tính bảo vệ chế độ. Sự tuyên truyền về chủ nghĩa dân tộc từ cuối thập niên 1980 khiến người dân Trung Quốc có sự tin tưởng nhất định cũng như sự hài lòng về đảng cầm quyền và cái được gọi là “nền dân chủ xã hội chủ nghĩa” do đảng và nhà nước tạo dựng. Đa số họ tin rằng Trung Quốc đang là một đất nước dân chủ, và nền dân chủ phải được một nhà nước bảo hộ. Dù bất bình về những bất công xã hội hay sự bất tài của quan chức địa phương, tin tưởng vào đại trung ương hơn đại địa phương, nhưng dường như không ai tỏ ra hoài nghi vai trò và vị thế của đảng cộng sản.

Xã hội dân sự cũng chỉ mới manh nha tại Trung Quốc. Các tổ chức dân sự, hoạt động độc lập hay mang tính phụ thuộc, đều phải đăng ký với Bộ Dân chính nếu muốn hoạt động công khai. Và đương nhiên, các tổ chức này còn chịu sự kiểm soát của cả Bộ Công an.

Mặc dù thừa nhận khả năng cao những người Trung Quốc đại lục sẽ tự kiểm duyệt, không nói những điều mình thực sự suy nghĩ khi tham gia các cuộc khảo sát do các tổ chức quốc tế tiến hành nhưng những phân tích của tác giả từ các kết quả thăm dò ý kiến này cũng đem đến nhiều tham khảo quan trọng. Theo đó, những người sinh ra và lớn lên ở Trung Quốc ngày nay trở thành những người tiêu thụ (consommateur) hơn là những công dân (citoyen).

Dân chủ tự do theo kiểu phương Tây chưa phải ưu tiên hàng đầu của đại đa số người dân trong xã hội, nhất là khi chủ nghĩa dân tộc ngày càng lớn mạnh. Nói cách khác, phần lớn người dân Trung Quốc còn đang bận làm giàu, nâng cao địa vị, chưa sẵn sàng và cũng chưa đủ khả năng tiếp nhận quá trình dân chủ hóa. Phong trào của Lưu Hiểu Ba chưa thể làm thức tỉnh đại bộ phận nhân dân thờ ơ với chính trị nhưng lại bị ảnh hưởng sâu sắc bởi vô số công cụ tuyên truyền.

Chính sách một con của Trung Quốc cũng biến quốc gia này trở thành xứ sở của “tiểu hoàng đế”. Người trẻ Trung Quốc mãi lo tìm kiếm công việc tốt và một chỗ ở ổn định, vừa túi tiền. Trên thực tế, thế hệ con cái của những doanh nhân giàu (Fu-er-dai) và các vị quan chức (guan-er-dai) cho dù được tiếp xúc và trải nghiệm cuộc sống ở những nền dân chủ lớn, đặc biệt là Mỹ, cũng không khiến họ trở thành những nhân tố tích cực cho quá trình dân chủ hóa tại quê hương.

Không những hời hợt khi tiếp nhận các giá trị bên ngoài, thế hệ trẻ dần thiếu đi sự

thấu hiểu với các vấn nạn trong nước (ví dụ tình cảnh của người Duy Ngô Nhĩ) và thậm chí là họ còn khinh thường những giá trị phương Tây vì nó khó có thể biện minh cho tốc độ phát triển kinh tế chóng lại so với nước họ.

Những người trẻ Trung Quốc trở nên rất thực dụng. Họ tiếp xúc Internet và biết rằng vào đảng là để thăng tiến chứ không phải vì cam kết “làm đầy tớ của nhân dân”. Những trường đảng ngày nay chỉ là môi trường để các cá nhân tăng cường mối quan hệ cánh hẩu, chứ không phải để trau dồi lý luận và tu dưỡng đạo đức cách mạng.

Nói về tương lai của dân chủ ở Trung Quốc, tác giả bày tỏ nhận định ở chương năm: “Rõ ràng, Trung Quốc vẫn còn rất xa để đạt đến điểm bùng nổ (tipping point), mà ở đó chỉ tiêu cho đàn áp trở nên cao hơn chi phí của sự mở cửa và cải cách chính trị”.

Trên thực tế, bộ máy chính trị Trung Quốc vẫn đang vận hành tốt, đủ nguồn lực và khả năng thích ứng để ngăn ngừa những rủi ro, bao gồm sự xuất hiện của nhóm chống đối có tổ chức, sự tham nhũng không phanh, và xu hướng đòi phi chính trị hóa quân đội.

Bộ máy này vững chãi bởi vì những sợi dây liên kết phức tạp về hậu duệ, tiền tệ và quan hệ. Tuổi thọ của đảng cầm quyền sẽ còn tiếp tục được kéo dài do những yếu tố văn hóa chính trị, sự quản lý chặt chẽ xã hội dân sự, sự mạnh mẽ của các phong trào dân chủ và hơn hết là tư tưởng bảo vệ chế độ, dù cho vô tình hay hữu ý, của tầng lớp tinh hoa. □



ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

ĐI TÌM MỤC ĐÍCH ĐỜI MÌNH CÙNG VỚI VIKTOR E. FRANKL

*Quyền tự do lựa chọn thái độ sống là
điều không ai có thể chiếm đoạt được.*

Trần Quỳnh Vi

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 30/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Con người không sống chỉ để đi tìm sự giàu có và cuộc đời yên bình cho chính bản thân mình, đó là quan điểm của Viktor E. Frankl, nhà tâm lý học và một triết gia người Áo gốc Do Thái. Ông đã viết về việc con người cần gì trên đời trong một cuốn sách được phát hành năm 1946 với tên gọi “*Man’s Search for Meaning*” (Tạm dịch: Con người tìm kiếm mục đích). Theo tác giả, con người cần phải tìm cho mình mục đích trong cuộc sống, và khi

tìm ra được điều đó thì bản thân sẽ vượt qua được tất cả những khổ nạn và tìm thấy giá trị cũng như lý tưởng đích thực của đời mình.

Cuốn sách này có thể được gọi là chương mở đầu cho học thuyết mà Viktor E. Frankl đã dành cả đời để cổ xúy: logotherapy (liệu pháp ý nghĩa). [1] Và đây còn là một trong những quyển sách được xếp vào hạng ăn khách nhất trên toàn thế giới

(international best-selling book). Nhiều người nổi tiếng từng chọn nó làm “sách gối đầu giường”.

Học thuyết mà Frankl đề xướng - logotherapy - cho rằng con người khi biết tìm cho mình mục đích và lý tưởng trong cuộc sống, thì họ sẽ vượt qua được tất cả những khổ đau mà đời họ có thể gặp. Frankl không nói suông, vì ông là một người Do Thái đã sống sót trong những nhà tù tập trung của Đức Quốc xã trong Thế chiến thứ Hai. Trong đó, có cả trại giam khủng khiếp Auschwitz. Ông dùng những kinh nghiệm từ cuộc khổ nạn đời mình để viết về điều bản thân nghiệm ra được.

Ông viết: “Người ta có thể chiếm đoạt tất cả mọi thứ từ chúng ta, nhưng họ không thể nào lấy được điều này: điều cuối cùng của những sự tự do mà một người có được - đó là quyền được chọn cho mình thái độ sống trong mọi hoàn cảnh, quyền được tự quyết”. (Nguyên văn: Everything can be taken from a man but one thing: the last of the human freedoms - to choose one's attitude in any given set of circumstances, to choose one's one way.)

Câu chuyện do Viktor Frankl kể tái hiện những kinh nghiệm đau đớn của một người tù Do Thái trong Thế chiến thứ Hai. Trong trại tù tập trung, cha mẹ và vợ của Frankl đã chết, nhưng Frankl vẫn vượt qua được những thời điểm cùng cực nhất của đời mình. Vươn lên từ đáy vực sâu, ông cho rằng ông đã tìm ra mục đích và lý tưởng cuộc đời, để rồi dùng nó thắp sáng ngọn đuốc trong lòng và cố gắng vượt qua những khổ cực mà thể xác lẫn tinh thần phải gánh chịu.

Theo cuốn sách của Frankl, con người giữa những lúc đau khổ và cùng cực nhất vẫn còn quyền quyết định chọn lựa thái độ sống trong nghịch cảnh và chính sự tự do lựa chọn đó sẽ tạo ra sức mạnh và khả năng phục hồi giúp mỗi người có động lực vượt qua.

Cách viết của Frankl vừa rõ ràng vừa mạnh mẽ. Ông truyền tải thông điệp và minh chứng bằng chính những câu chuyện nhỏ của bản thân mình trong trại tập trung. Khi đọc những câu chuyện này, người đọc có thể tự vấn về cuộc đời và lý tưởng, nhằm tìm ra mục đích cao đẹp cho hành trình tiếp nối của đời người.

Mặc dù những câu chuyện mà Frankl kể lại là các kinh nghiệm cá nhân của ông về cách mà ông tự đi tìm hạnh phúc bên cạnh những đau khổ mà bản thân ông từng nếm trải, nhưng nó vẫn chứa đựng những suy tư triết lý cho người đọc, hướng về một cuộc sống trọn vẹn nhất.

Vậy điều mà Frankl tâm niệm có phải là giá trị phổ quát cho tất cả mọi người hay không? Có một số nhà phê bình cho rằng mỗi người thì mỗi khác, nên kinh nghiệm của Frankl có thể không áp dụng được với mọi người.

Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện nay, tại nhiều nơi trên thế giới, khi người dân còn phải sống trong những chế độ độc tài/toàn trị và có những tù nhân lương tâm phải chịu cảnh tù đầy vì họ là người bảo vệ nhân quyền hay lựa chọn trở thành nhà báo tự do, thì lập luận của Frankl có thể là cách hiểu vì sao những người tù nhân lương tâm lại chọn con đường mà họ đã và đang đi. Đó là vì họ tìm ra mục đích và lý tưởng cho cuộc đời của họ, và họ bình thản đón nhận những án tù có khi phải tính bằng thập kỷ.

Trong lịch sử hiện đại Việt Nam, có một người đã trải qua 13 năm tù giam ở những trại học tập cải tạo, để rồi sáng tác nên một bài thơ đồng điệu với Frankl. Đó là nhà thơ Tô Thùy Yên và bài thơ “Ta về” sáng tác sau khi ông được trả tự do. [2] Chúng ta có thể cùng đọc lại một đoạn thơ ngắn để thấy phảng phất đây đó quan điểm của Frankl:

“Ta về cúi mái đầu sương điểm

Nghe nặng từ tâm lượng đất trời

Cảm ơn hoa đã vì ta nở

Thế giới vui từ mỗi lẻ loi”

Kết thúc bài điểm sách hôm nay bằng ý thơ của tác giả Tô Thùy Yên, một người tù cải tạo sau năm 1975, làm chúng ta không khỏi nhớ về Phạm Đoan Trang, vì cô ấy là lý do mà chúng ta có chuyên mục Đọc sách.

Có lẽ lúc này, Đoan Trang cũng giống như ông Viktor Frankl và ông Tô Thùy Yên, cô cũng tìm được mục đích và lý tưởng cho bản thân trong cuộc đời này. Từ ngày dấn thân vào con đường tranh đấu cho nhân quyền, dân chủ và một nền báo chí độc lập tại Việt Nam, cô đã sẵn sàng chấp nhận tất cả những khổ ải trong chốn ngục tù. Để tiếp nối tinh thần của Đoan Trang, chúng ta hãy cùng nhau viết để khơi dậy những thảo luận tự do, để một ngày không xa hạt mầm tự do sẽ nảy nở. □



Một hình dung mới về lịch sử Việt Nam:
**CÂU CHUYỆN PHẬT GIÁO ĐẦU TIÊN
NHƯNG LẠI LIÊN QUAN ĐẾN ẨM ĐỘ GIÁO**

*Diễn ra trước cả thời điểm chịu
ảnh hưởng từ văn minh Trung Hoa.*

Vincente Nguyen

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 12/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.



Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.

Phật giáo Việt Nam phát triển trong vùng ảnh hưởng mà chúng ta thường biết đến là từ Phật giáo Trung Quốc, nhưng câu chuyện về sự xuất hiện của Phật giáo thời kỳ đầu được truyền qua nhiều thế hệ người Việt lại thể hiện mối liên hệ hợp lý hơn với Ấn Độ giáo khu vực phía Nam.

Câu chuyện kể giữa người Việt cổ về những vị phật đầu tiên xuất hiện và cách thức ngôi chùa Phật giáo đầu tiên được xây dựng là vào khoảng đầu thế kỷ thứ ba

sau Công nguyên, khi chưa có bất kỳ bằng chứng nào về sự hiện diện của Phật giáo Trung Quốc tại đây.

Tuy nhiên, bản chất của những câu chuyện này lại không hàm chứa nội dung đặc biệt nào về Phật giáo mà thế hệ sau đã khoác lên. Các phiên bản đầu tiên chủ yếu nói về phép thần thông, việc thờ cúng đối với cây cò, đá hoặc về quyền năng tạo mưa.

Trong bài viết này, người viết xin phép giới thiệu một nghiên cứu có tên là “*What Lies Behind the Earliest Story of Buddhism in Ancient Vietnam?*” của tác giả K. W. Taylor, giáo sư chuyên nghiên cứu về văn hóa Việt Nam thuộc Khoa nghiên cứu châu Á tại Đại học Cornell. [1]

Trong nghiên cứu của mình, tác giả phân tích lịch sử nguyên bản của một câu chuyện cổ về Phật giáo thời kỳ đầu, được ghi nhận vào khoảng thế kỷ thứ ba sau Công nguyên. Từ đó, tác giả tập trung vào tên của hai nhân vật chính xuất hiện trong câu chuyện và đề xuất nguồn gốc Tamil Hindu cho những cái tên này. Tác giả cho rằng mặc dù những tên gọi sau đó đã được hòa hợp vào truyền thống văn học hệ Hán-Tạng, nhưng nó vẫn hé lộ một góc nhìn khác về tầm ảnh hưởng của Ấn Độ và Ấn Độ giáo trong không gian văn hóa.

Phiên bản xa xưa nhất ghi nhận sự tồn tại của câu chuyện Phật giáo ở Việt Nam (giai đoạn thế kỷ thứ ba sau Công Nguyên) được cho là xuất phát từ *Báo cục truyện*.

Báo cục truyện thật ra cũng là một văn bản không còn nguyên bản, được xác định có niên đại từ cuối thế kỷ thứ 11 đến đầu thế kỷ thứ 14. Tuy nhiên, truyện này được dẫn lại trong *Cổ Châu pháp vân Phật bản hạnh ngữ lục*, bản in năm 1752.

Theo bản in này, vào thời Sĩ Nhiếp (một quan thái thú nhà Hán cai quản Giao Chỉ), ở thủ phủ Giao Châu (miền Bắc Việt Nam), có một vị sư từ Ấn Độ tên Khâu Đà La đã đến đây. Một người địa phương tên là Tu Định đã mời sư Khâu Đà La đến ở nhà mình. Tu Định có một cô con gái 12 tuổi, thường hầu hạ, mang thức ăn và thắp đèn cho sư vào buổi đêm. Sự cung kính, chu đáo đã khiến sư ấn tượng, sư đặt tên cho cô là A Man.

Sư Khâu Đà La tiên đoán là chẳng bao lâu nữa sẽ có hạn hán trong vùng, để báo ơn Tu Định và A Man, sư đã cầm quyền trượng của mình xuống đất, nước tuôn trào. Sư chỉ Tu Định đào giếng ngay chỗ nước tuôn ra. Sau đó, sư đi vào rừng để thiên định dưới gốc cây hoặc hang động.

Trong nhiều năm, Tu Định mang rau quả đến cho sư Khâu Đà La, thỉnh thoảng sai A Man đi thay mình. Không lâu sau, A Man mang thai và sinh được một cô con gái. A Man bế đứa bé vào rừng và thông báo là con của sư. Sư Khâu Đà La nói rằng gia đình Tu Định khoan hãy trách cứ, chấp nhận điều này thì mọi tật ách sẽ tiêu trừ. Sư triệu hồi cây cối trong rừng đến nhận lãnh đứa bé. Một cây đại thụ tách thân ra đón lấy sinh linh này, với hy vọng được trở thành thiên thể. Khâu Đà La tụng chú rồi mất hút giữa chốn thâm sơn.

Sau đó, hạn hán đến, khắp vùng đều không có nước trừ cái giếng trong vườn nhà A Man. Sĩ Nhiếp cho mời A Man đến để hỏi. Khi biết chuyện, ông cử A Man đi tìm Khâu Đà La để nhờ cứu giúp. A Man tìm thấy sư đang ngồi dưới gốc cây đại thụ. Thề theo thỉnh cầu, sư đứng dậy trên một chân và lập tức mưa như trút nước, chấm dứt hạn hán.

Không lâu sau, một trận gió mùa đông bắc lớn kéo tới làm bật gốc cây của sư Khâu Đà La và nó trôi theo dòng lũ xuống sông, mắc lại bên bờ, tạo ra dị tượng. Lúc này, Sĩ Nhiếp nằm mộng biết rằng cái cây là một sinh vật siêu nhiên, liền sai người kéo lên.

Thân cây sau đó được cắt thành bốn phần, tạc thành bốn tượng Phật. Một tảng đá tròn được tìm thấy bên trong khúc cây đầu tiên, người thợ đem ra sông để rửa thì không may làm rơi xuống đáy sông, nơi này thành Phật vực.

Sau đó, bốn ngôi chùa được xây dựng cho bốn vị Phật, Sĩ Nhiếp đặt tên cho bốn bức tượng là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và

Pháp Điện. Tuy nhiên, khi mang các bức tượng vào chùa thì bức tượng Pháp Vân không thể lay chuyển vì rơi mất hòn đá thiêng. Sĩ Nhiếp lệnh cho người đi tìm và mang nó quay trở lại bức tượng. Bức tượng cùng với tảng đá sau đó được mang vào ngôi chùa một cách dễ dàng. Bấy giờ, Sĩ Nhiếp mới hiểu ra rằng cái cây ấy đã chăm sóc cho con gái của Khâu Đà La và A Man.

Về phần A Man, sau khi chết bà được chôn ở gò đất nổi lên trước ngôi chùa thờ Phật Pháp Vân và được thờ làm Phật Mẫu.

Câu chuyện này được cho là một biểu hiện của Phật giáo ở Việt Nam thời kỳ đầu, đồng thời thể hiện thái độ tôn kính với bốn vị Phật bà tạo mưa.

Đây là một câu chuyện phức tạp với các yếu tố thờ cây và đá, mang thai ngoài giá thú, huyền năng của phụ nữ và phép tạo mưa khi hạn hán.

Tuy nhiên, vấn đề ở chỗ là không có yếu tố nào nổi bật về Phật giáo được thể hiện trong câu chuyện.

Một biến thể của câu chuyện từng xuất hiện trong *Lĩnh Nam chí quái*, có vẻ được hoàn thiện cho phù hợp với sự lên ngôi của Nho giáo trong giới tinh hoa Việt Nam bấy giờ. Phiên bản câu chuyện ở *Lĩnh Nam chí quái* khác với phiên bản ở *Cổ Châu pháp vân Phật bản ngữ lục* tại nhiều điểm.

Ở phiên bản *Lĩnh Nam chí quái*, không có sự tham gia của vị “vua” Giao Chỉ Sĩ Nhiếp, Tu Định cũng vắng mặt. Tên của hai nhân vật chính trong câu chuyện cũng được thay đổi, sư Khâu Đà La được gọi là Già La Xà Lê, A Man được gọi thành Man Nương.

Man Nương được đề cập là đứa trẻ mồ côi, làm việc trong nhà bếp của một ngôi chùa

để nấu nướng, phục vụ cho các nhà sư và đệ tử của họ. Có một lần, Man Nương ngủ quên ngay bậc cửa và thụ thai khi Già La Xà Lê bước qua người cô để đi vào. Đây cũng là chi tiết khác biệt dễ gây chú ý nhất trong phiên bản này.

Tác giả cho rằng sự đồng trình rõ ràng chính là cách để gột rửa câu chuyện cho phù hợp với thị hiếu của giới tri thức đang dần chịu ảnh hưởng bởi chuẩn mực đạo đức gia phong theo Nho giáo. Ý tưởng mang thai ngoài giá thú trở nên khó được chấp nhận, trong khi đó ý tưởng về sự can thiệp kỳ diệu của giới siêu nhiên vào đời sống con người vẫn có thể dễ hình dung.

Sau khi xem xét, tác giả Taylor nhận thấy hai nhân tố khó lý giải trong câu chuyện chính là tên của hai nhân vật Khâu Đà La và A Man.

Đến thế kỷ 15, những cái tên này đã được điều chỉnh, chuẩn hóa theo hệ ngữ Hán – Tạng. Tuy nhiên, những cái tên được nêu ra trong phiên bản tồn tại sớm nhất dường như lại không thực sự thuận theo việc chuẩn hóa như vậy.

Tác giả muốn tìm ra cách đọc và hiểu vượt ngoài phạm vi của hệ ngôn ngữ Hán – Tạng, cũng như muốn tìm hiểu xem có cách lý giải nào khác về việc có rất nhiều người từ Ấn Độ đến dâng hương dưới thời cai trị của Sĩ Nhiếp, và liệu rằng họ có thật sự là những Phật tử như người đời sau mô tả hay không.

Tác giả đặt những bằng chứng có được trong bối cảnh của việc tiếp xúc hàng hải giữa những người sống ở vùng bờ biển Đông Nam Á và Ấn Độ Dương. Thực tế, có nhiều bằng chứng về sự giao thương giữa các cảng biển Đông Nam Á và Ấn Độ ngay từ thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Và có nhiều minh chứng khác về sự tồn tại của một tuyến thương mại hàng hải nối liền miền nam Ấn Độ với bờ biển Việt Nam

qua eo đất Kra và các địa điểm Ốc Eo ở đồng bằng sông Cửu Long.

Con đường hàng hải giữa bờ biển Nam Ấn Độ và bờ biển Việt Nam không chỉ là nơi luân chuyển thương nhân. Trên thực tế, còn có rất nhiều người Ấn Độ tham gia vào việc dâng hương và phụ giúp về mặt lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng cho Sĩ Nhiếp. Theo một số tài liệu, những đoàn tăng lữ hộ tống vị thái thú này có các tu sĩ đến từ Ấn Độ, và trong đó, cũng có một vị sư tên Khâu Đà La.

Tác giả Taylor chứng minh rằng thực tế cho thấy con đường hàng hải này không chỉ đơn thuần thúc đẩy thương mại. Sự giao thoa về văn hóa giữa Ấn Độ và Việt Nam cũng được đề cập bởi hai câu chuyện khác trong *Lĩnh Nam chích quái*, như câu chuyện “Đầm Nhất Dạ” liên quan đến Chử Đồng Tử có niên đại từ trước thế kỷ thứ ba trước Công nguyên, vào thời các vua Hùng; hay câu chuyện về vua Dạ Thoa.

Về tên các nhân vật, tác giả ghi nhận những nỗ lực cải biên hoặc thay thế cái tên Khâu Đà La và A Man. Nhưng những cái tên này vẫn chưa thực sự đồng hóa vào truyền thống của hệ ngữ Hán – Việt.

Việc chuyển tên từ Khâu Đà La thành Già La Xà Lê trong các bản truyện sau này, dường như đưa ra một giải pháp chỉ có thể chấp nhận được về mặt hình thức nhưng lại không hề logic về mặt âm vị học. Tác giả chỉ ra, việc đọc tên Khâu Đà La như là phiên âm của Ksudra/ Culla là hoàn toàn trái ngược với vai trò tôn kính của nhân vật trong câu chuyện. Tuy nhiên, Khâu Đà La có thể được đọc như là phiên âm hợp lý của Kaundinya.

Cái tên Kaundinya xuất hiện trong sử sách Ấn Độ giáo và Phật giáo như là hai bậc đại sư. Kaundinya cũng là một cái tên được các nhà thám hiểm người Ấn Độ đến vùng Đông Nam Á ghi nhận phổ biến. Tuy nhiên, truyền thuyết Ấn Độ

giáo không quá xem trọng Kaundinya, trong khi Kaundinya lại là một trong những nhân vật chủ chốt, học trò đời thứ nhất của Thích Ca. Điều này có thể dẫn đến nhiều dị bản về nguồn gốc của nhân vật Kaundinya tại Việt Nam.

Có hai cách phiên âm riêng biệt của Kaundinya xuất hiện trong các văn bản tiếng Trung. Ngay cả trong truyền thống chép sử Trung Quốc cũng xuất hiện hai cách phiên âm khác nhau cho Kaundinya, nên tác giả nhận định cách phiên âm thứ ba không phải là không có cơ sở.

Đọc “Khâu Đà La” là phiên âm của Kaundinya đòi hỏi phải đánh dấu các âm tiết là Kau(n)-di-nya thay vì Kau(n)-din-(ya), điều này là phù hợp vì một số phương ngữ Trung Quốc có xu hướng nhầm lẫn “n” và “l”. Có một phỏng đoán khá hợp lý rằng, trong trường hợp của Khâu Đà La, “nya” đã được chuyển thành “la”.

Thêm vào đó, cần lưu ý rằng trong thiên niên kỷ thứ nhất sau Công nguyên, một phương ngữ khu vực của tiếng Trung Quốc đã phát triển ở khu vực miền bắc Việt Nam ngày nay, cho nên sẽ không có gì ngạc nhiên khi các cách thức phiên âm mang tính địa phương của các từ ngữ nước ngoài đã phát triển ở khu vực biên giới và tồn tại trong cách sử dụng từ ngữ Hán-Việt của hàng thế kỷ sau.

Đối với cái tên A Man, theo câu chuyện, nó được sư Khâu Đà La đặt cho cô gái năm 12 tuổi như một cách ghi nhận phẩm chất cung kính, chu đáo, đoan trang, lễ độ hiếm có và phi thường của cô. Tác giả cho rằng A Man phải là cái tên có ý nghĩa tôn giáo nhất định đối với vị đại sư đến từ Ấn Độ.

Tác giả còn phát hiện ra Amman là tên gọi trong tiếng Tamil của một nữ thần mẹ nổi tiếng với trách nhiệm chính là ban mưa. Vị thần này được coi là tương đồng với nữ thần mẹ Devi Mata, vị thần chính của Ấn Độ giáo miền Bắc Ấn Độ. Amman

đã và đang là vị nữ thần mẹ và nữ thần mưa nổi tiếng của những người Tamil ở miền nam Ấn Độ.

Ý tưởng cho rằng cái tên A Man trong câu chuyện có mối liên hệ với nữ thần mẹ tạo mưa thuộc miền nam Ấn Độ Amman có thể dùng để lý giải cho việc một đạo sư từ Ấn Độ đã sử dụng nó để đặt cho người mà ông coi là có những phẩm chất của thánh thần. Chi tiết rất nhiều người từ Ấn Độ sang dâng hương trong tiểu sử của Sĩ Nhiếp có thể được giải thích theo hướng là để thể hiện sự tôn kính đối với vị nữ thần tên Amman, chứ không phải đối với các vị bồ tát Phật giáo.

Câu chuyện về các vị thần và hiện tượng siêu nhiên đi kèm với việc thực hành các nghi lễ tôn giáo phát triển dưới nhiều hình thức và luôn được chỉnh sửa qua các thế hệ. Vì vậy, việc tìm kiếm tính xác thực cho những câu chuyện này là phí công vô ích.

Tuy nhiên, điều gây chú ý trong câu chuyện về Khâu Đà La và A Man đó là những cái tên này đã không thành công trong việc hòa hợp vào văn cảnh Hán – Việt. Song điều này cũng giúp chúng ta nhìn xa hơn, vượt ra ngoài vùng ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa. Bởi lẽ, bộ mặt hàng hải châu Á thời xa xưa từng được phản ánh qua các chuyến giao thương trên biển giữa Nam Á và Đông Nam Á.

Các nghiên cứu về Đông Nam Á phát triển vào những năm 1950 và 1960 có ý thức rất mạnh mẽ về “sự Ấn Độ hóa của Đông Nam Á” thời cổ đại. Tuy nhiên sau đó, quan điểm muốn nhấn mạnh sức sống địa phương của các xã hội khu vực Đông Nam Á trỗi dậy, chống lại quan điểm nói trên. Vì vậy, các yếu tố Ấn Độ bị rút bỏ bớt, thay thế bằng các yếu tố mang ý nghĩa địa phương. Câu chuyện tác giả đề

cập có thể được xem là một ví dụ về việc địa phương hóa nói trên.

Tác giả cũng cho rằng việc phụ thuộc thái quá vào truyền thống ảnh hưởng từ Trung Quốc có thể gây ra những trở ngại trong nghiên cứu, khiến chúng ta khó hình dung được về lịch sử xa xưa của tổ tiên người Việt, vốn diễn ra trước cả khi nền văn hóa Việt Nam bắt đầu bị nền văn hóa Trung Quốc định hình mạnh mẽ. □

CUỘC ĐUA XÂY TƯỢNG PHẬT HOÀNH TRÁNG Ở VIỆT NAM

Tượng Phật này cao có tượng Phật khác cao hơn.

Văn Tâm

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 8/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Năm 2021, chùa Phật Quốc Vạn Thành (tỉnh Bình Phước) đã dựng một tượng Phật cao 73m, tượng này cao hơn tượng Phật chùa Khai Nguyên (TP. Hà Nội) một mét, trở thành tượng Phật cao nhất Việt Nam thời điểm đó. [1] [2]

Dự kiến trong năm 2023, chùa Minh Đức sẽ dựng tượng Phật cao nhất Việt Nam và thế giới với chiều cao lên đến 125 mét. [3]

Việc dựng tượng Phật ở Việt Nam là cuộc tranh đua không có hồi kết giữa các nhà sư, chính quyền các tỉnh và giới doanh nhân.

Vào tháng 12/2022, Tập đoàn Tân Hoàng Minh đã khởi công dự án tâm linh tại Phú Quốc với tượng Phật Bà Quán Thế Âm bằng đồng nguyên chất, dát vàng cao 189 mét. Dự kiến đây tiếp tục là tượng Phật cao nhất thế giới. [4]

“Núi này cao có núi khác cao hơn” là thành ngữ đã lỗi thời. “Tượng Phật này cao có tượng Phật khác cao hơn” là câu nói hợp thời hơn bao giờ hết.

Việt Nam đang có bao nhiêu tượng Phật tranh giành các kỷ lục? Vì sao xuất hiện xu hướng dựng tượng Phật khổng lồ như hiện nay?



Đồ họa: Túy Phong/ Luật Khoa.

CUỘC ĐUA DỰNG TƯỢNG

Việt Nam có rất nhiều tượng Phật khổng lồ, gần như tỉnh, thành nào cũng cố gắng dựng ít nhất một tượng Phật để xác lập kỷ lục, thu hút khách tham quan.

Xu hướng chung là tượng Phật sau cao hơn, to hơn tượng Phật trước. Nếu không cao hơn thì phải được làm bằng chất liệu đặc biệt hơn, hoặc đặt nhiều tượng Phật hơn.

Việc dựng tượng Phật cũng vượt ra khỏi không gian các ngôi chùa, lan đến các nơi như công viên, nghĩa trang, cơ sở của các nhà kinh doanh tư nhân.

Ví dụ như cơ sở làm bánh pía Tân Huệ Viên tại Sóc Trăng đang dựng tượng Phật Dược Sư nặng 19 tấn đồng, bên ngoài dự kiến dát 88 lượng vàng với “mong muốn cầu nguyện cho mọi người được an lành”. [5] Hoặc có trường hợp tạc cả tượng Phật cao 81 mét vào hòn núi như tại tỉnh An Giang và 65 mét tại TP. Đà Nẵng. [6] [7]

Tượng Phật được dựng ở khắp nơi từ nông thôn đến thành thị, từ đồi núi đến đồng bằng, từ khu vực đất rừng đến khu vực dân cư.

Cuộc đua dựng tượng Phật có lẽ là một trong những cuộc đua nóng bỏng và cạnh tranh gay gắt nhất Việt Nam.

Dưới đây là 10 tượng Phật sắp đạt kỷ lục hoặc đang giữ các kỷ lục khác nhau tại ba miền Việt Nam.

Ảnh: Thế Trung/ Báo Tuổi Trẻ.



**Thích Ca Mâu Ni
(Bình Phước)**

Chiều cao: 73 mét

Năm hoàn thành: 2021

Danh hiệu: Tượng Phật cao nhất Đông Nam Á hiện nay

Vị trí: chùa Phật Quốc Vạn Thành, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

Khu vực: Rừng núi

Đại tượng Phật (Sơn Tây)

Chiều cao: 72 mét

Năm hoàn thành: 2023

Danh hiệu: Tượng Phật
cao nhất miền Bắc hiện
nay

Vị trí: Chùa Khai Nguyên, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội

Khu vực: Khu dân cư nông thôn

2/10



Ảnh: Trần Thắng/
Báo Thanh Niên.

Phật Di Lặc lớn nhất trên núi (An Giang) [8]

Chiều cao: 33,6 mét

Năm hoàn thành: 2005

Danh hiệu: Tượng Phật Di Lặc lớn
nhất trên đỉnh núi ở châu Á vào
năm 2013

Vị trí: Núi Cấm, huyện Tịnh Biên,
tỉnh An Giang

Khu vực: Đồi núi

Phật Bà Quan Âm núi Thiên Mã (Quảng Ngãi) [9]

Chiều cao: 125 mét

Năm hoàn thành: 2023 (dự kiến)

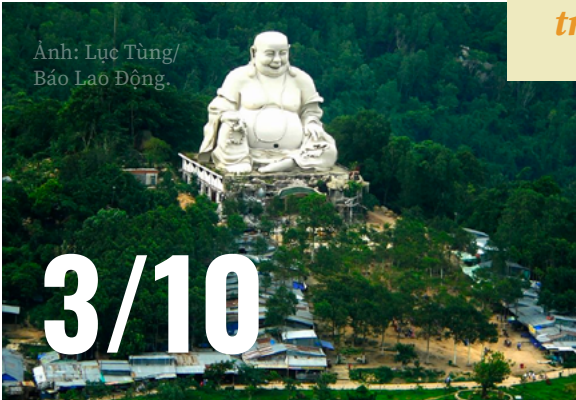
Danh hiệu: Tượng Phật Quán Thế Âm
cao nhất Việt Nam

Vị trí: Chùa Minh Đức, núi Thiên Mã,
xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh
Quảng Ngãi

Khu vực: Đồi núi

Ảnh: Lục Tùng/
Báo Lao Động.

3/10



Ảnh: Phạm Linh/
VnExpress.

4/10



Ảnh: Ngô Trần Hải An.



Phật Bà Tây Bồ Đà Sơn - 170 tấn đồng (Tây Ninh) [10]

5/10

Chiều cao: 72 mét

Năm hoàn thành: 2022

Danh hiệu: Tượng Phật Bà bằng đồng cao nhất Châu Á tọa lạc trên đỉnh núi

Vị trí: Núi Bà Đen, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Khu vực: Đồi núi

Phật Thích Ca được tạc vào núi đá (An Giang) [11]

Chiều cao: 81 mét

Năm hoàn thành: 2025

Danh hiệu: tượng Phật Thích Ca tạc vào núi cao to nhất Việt Nam

Vị trí: Công viên văn hóa phượng Núi Sam, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang

Khu vực: Đồi núi



Ảnh: Lang thang An Giang.

6/10



Ảnh: Bạch Cúc/ Báo Lao Động.

7/10

Phật nằm nhập niết bàn lớn nhất (Sóc Trăng) [12]

Chiều cao: 22,5 mét;

Chiều dài: 63 mét

Năm cơ bản hoàn thành: 2023

Danh hiệu: Tượng Phật nằm lớn nhất Việt Nam

Vị trí: Chùa Som Rong, phường 5, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Khu vực: khu dân cư thành phố



8/10

Tượng Bồ Tát Quán Thế Âm (Long An) [13]

Chiều cao: 70 mét

Năm hoàn thành: 2024

Danh hiệu: Tượng Phật Bà cao nhất Tây Nam Bộ

Vị trí: Tổ đình Long Phước, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An

Vị trí: Khu dân cư thành phố

Nghi thức đặt đá tiến hành xây dựng tôn tượng Bồ tát Quán Thế Âm cao 70m trong khuôn viên chùa Long Phước.
Ảnh: Giác Ngộ Online.

Thích Ca Mâu Ni Hồ Núi Cốc (Thái Nguyên) [14]

Chiều cao: 35,4 mét

Năm hoàn thành: 2011

Danh hiệu: Tượng Phật tọa đài sen lớn nhất vào năm 2011

Vị trí: Khu du lịch Hồ Núi Cốc, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Khu vực: Đồi núi



Ảnh: Du lịch Hồ Núi Cốc.

9/10

Tượng Phật nằm bằng 15 tấn gỗ Cẩm Lai nguyên khối (Hải Phòng) [15]



10/10

Chiều dài: 7,85 mét

Chiều cao: 1,85 mét

Năm hoàn thành: 2018

Danh hiệu: Tượng Phật nhập niết bàn bằng gỗ lớn nhất Việt Nam

Vị trí: Chùa Thắng Phúc, xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng

Ảnh: Lương Hà/ Báo Lao Động.

Ngoài ra, còn hơn 10 công trình xây tượng Phật đáng kể ở các tỉnh, thành khác như: tượng Phật Bà Quan Âm bốn mặt tại tỉnh Thanh Hóa, hay tượng Phật ngồi lớn nhất Đông Nam Á tại tỉnh Bình Định, tượng Phật Di Lặc bằng đồng lớn nhất Đông Nam Á tại chùa Bái Đính, Ninh Bình, v.v. [16] [17] [18]

VÌ SAO CẦN DỰNG NHỮNG TƯỢNG PHẬT KHÔNG LỖ?

Các tượng Phật khổng lồ liên tiếp được dựng lên thường được cho là nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của công chúng.

Tuy nhiên, theo Tổng cục Thống kê, cả nước chỉ có 4,6 triệu người là tín đồ Phật giáo, chiếm 4,78% tổng dân số (số liệu điều tra năm 2019). [19]

Trên thực tế, các công trình này được dựng lên với các kỳ lục nối tiếp nhau nhằm thu hút sự tò mò của số đông công chúng hơn là dành cho những người thực hành đạo Phật.

Du khách đến tham quan đông đảo giúp cho chính quyền địa phương và các nhà đầu tư thu được nhiều lợi ích về kinh tế từ việc bán vé tham quan, cáp treo, dịch vụ ăn uống, lưu trú, v.v. Và đương nhiên có cả những lợi ích phía sau dành cho các quan chức địa phương lẫn chức sắc tôn giáo.

Mặt khác, các tượng Phật thường được dựng lên một cách vô tội vạ, thậm chí không phù hợp với cảnh quan lẫn yếu tố tâm linh bản địa. Ví dụ, núi Bà Đen thuộc tỉnh Tây Ninh là một di tích không liên quan trực tiếp đến Phật giáo truyền thống, mà mang nhiều màu sắc tâm linh, tín ngưỡng bản địa.

Việc nhấn mạnh vào yếu tố Phật giáo có lẽ xuất phát từ lý do chính trị nhiều hơn, vì nhà nước hiện nay muốn người dân theo đạo Phật, dưới sự điều hành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN), một tổ

chức đã bị nhà nước kiểm soát toàn diện.

Trong khi đó, đạo Công giáo có xu hướng độc lập với chính quyền, còn Tin Lành thì có xu hướng chia tách liên tục thành các hội thánh nhỏ, hoạt động độc lập. Đây rõ ràng không phải là các tôn giáo phù hợp với lợi ích của nhà nước.

Hiện nay, chính quyền nắm quyền phê duyệt toàn bộ các thủ tục liên quan đến thành lập, xây dựng cơ sở tôn giáo. Việc liên tục dựng các tượng Phật đạt kỷ lục rõ ràng là có bàn tay thúc đẩy của nhà nước. Các nhà sư thuộc GHPGVN luôn được ưu ái đặc biệt.

Tuy nhiên, chính quyền lại không muốn người dân tự do thực hành những giáo lý chân chính của Phật giáo, vì điều này không có lợi cho nhà nước. Chính quyền chỉ đang dùng sự ảnh hưởng của Phật giáo để thao túng tâm thức và định hướng tư tưởng cộng đồng vào các giá trị mà nhà nước mong muốn. Do đó, sự hiện diện của những tượng Phật cao lớn là điều rất cần thiết cho nhu cầu này.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng từng nhận định rằng: “Người ta [chính quyền] chỉ muốn có một đạo Phật của tín mộ, của thờ cúng, người ta không muốn có một đạo Phật có khả năng lãnh đạo tinh thần và văn hóa đạo đức cho quốc dân”. [20]

CÁC NƯỚC KHÁC CŨNG XÂY TƯỢNG PHẬT TO LỚN, SAO CHỈ MỖI VIỆT NAM GẶP VẤN ĐỀ?

Không riêng gì Việt Nam, Nhật Bản cũng dựng nhiều tượng Phật to lớn. Tuy nhiên, các tượng Phật này thường được dựng lên với những lý do tôn giáo cụ thể, và đã có từ rất lâu. [21] Tượng Phật cao nhất và mới nhất tại nước này với chiều cao 120 mét có từ năm 1992. Số tín đồ Phật giáo tại Nhật Bản lên đến 84,8 triệu người, chiếm 68% tổng dân số. [22]

Đài Loan cũng có những tượng Phật cao lớn. Tuy nhiên, các tượng Phật thường đặt ở những trung tâm Phật giáo lớn như Phật Quang Sơn có tượng Phật cao 40 mét (chưa tính phần đài), là tượng Phật cao nhất tại Đài Loan. [23] Hay vì những lý do đặc biệt mà người Đài dựng tượng, ví dụ như tượng Phật cao 22 mét được dựng năm 1962 để tưởng niệm những người đã hy sinh khi Nhật Bản xâm lược Đài Loan. [24]

Tượng Phật cao nhất tại Hàn Quốc chỉ có 21 mét (chưa tính phần đài là một tòa nhà). [25]

Nhìn chung, các công trình tượng Phật ở ba nước có chung truyền thống Phật giáo Đại thừa này đều có tính thẩm mỹ và hài hòa với không gian xung quanh.

Trong khi đó, chính quyền Việt Nam cho phép xây dựng tràn lan các công trình Phật giáo to lớn, thường không có gì quá khác biệt về mục đích, thậm chí phần nào đó ảnh hưởng đến quy hoạch cảnh quan và môi sinh ở Việt Nam. Núi non, rừng cây, tài nguyên cũng bị khai thác để dựng những tượng Phật sau cao hơn tượng Phật trước.

NHÀ SƯ THÂN CHÍNH QUYỀN QUẢN LÝ NHỮNG CƠ NGÔI LỚN

Ở những nơi dựng tượng Phật lớn, các nhà sư thường có mối gắn kết chặt chẽ với chính quyền. Các nhà sư này cũng thường giữ các chức vụ rất cao trong GHPGVN.

Tại Sóc Trăng, chùa Som Rong có tượng Phật nằm lớn nhất Việt Nam là ngôi chùa do Thượng tọa Lý Đức làm trụ trì. Ông là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đại biểu Quốc hội Khóa 14 và Khóa 15 (2021 - 2026). [26]

Không khó để tìm thấy những gương mặt như Thượng tọa Lý Đức trong số các ngôi chùa có tượng Phật khổng lồ.

Ví dụ như Hòa thượng Thích Thanh Quyết, trụ trì khu di tích Phật giáo Yên Tử, nơi dựng tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông bằng đồng lớn nhất vào năm 2013. Ông là đại biểu Quốc hội liên tiếp các khóa 13, 14 và 15, đồng thời giữ chức Trưởng ban Giáo dục Phật giáo Trung ương của GHPGVN hiện nay. [27]

Hai ngôi chùa lớn nhất miền Bắc hiện nay là Bái Đính và Tam Chúc do Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu làm trụ trì, còn phó trụ trì là Thượng tọa Thích Minh Quang. [28] Vị đầu hiện nay là phó chủ tịch Hội đồng trị sự GHPGVN. Vị sau là thành viên Ban thường trực Hội đồng trị sự GHPGVN kiêm trưởng ban trị sự GHPGVN tỉnh Ninh Bình và cũng là ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Bình.

Rõ ràng là có một cơ chế sắp xếp, tường thường cho những nhà sư được lòng nhà nước, bằng cách để họ quản lý những cơ sở Phật giáo bề thế, nơi có những công trình Phật giáo đạt kỳ lục. □

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

GIAO TIẾP VỚI CỘI TÂM LINH: TỪ MÊ TÍN DỊ ĐOAN TRỞ THÀNH SẢN PHẨM CỦA CHÍNH TRỊ

*Nhà nước quyết định ai là anh hùng,
ai là nhà ngoại cảm.*

Ái Thư

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 6/6/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.



Cuốn sách “*A l’épreuve de la possession : Chronique d’une innovation rituelle dans le Vietnam contemporain*” (tạm dịch là Thử thách nhập hồn: Tiến trình về sự đổi mới nghi lễ trong xã hội Việt Nam đương đại) được xuất bản năm 2018, là tập hợp những trải nghiệm và chiêm nghiệm về một lát cắt của đời sống tâm linh phức tạp và đa dạng tại Việt Nam của tác giả Paul Sorrentino từ năm 2007, một năm sau khi Việt Nam được loại bỏ khỏi danh

sách các quốc gia đáng lo ngại về vấn đề tôn giáo do Mỹ đưa ra.

Paul Sorrentino là một nhà nghiên cứu Pháp thông thạo tiếng Việt. Tác giả không mở đầu tác phẩm bằng một loạt lý thuyết trừu tượng phương Tây rồi phóng chiếu nó vào hệ giá trị văn hóa Việt Nam. Ngược lại, tác giả đã dành nhiều thời gian góp mặt, đồng hành với những gia đình tham gia áp vong tại Trung tâm nghiên cứu

tiềm năng con người ở số 1 Đông Tác, Hà Nội cũng như nhà riêng của các thầy cúng và các nhà ngoại cảm.

Sáu chương sách kết hợp phân tích với kể chuyện từ góc nhìn dân tộc học là kết quả của những nỗ lực này. Trong đó, tác giả diễn giải văn hóa tâm linh của người Việt trong tính độc lập và đơn nhất, sử dụng nguồn tài liệu tiếng Việt dồi dào, chú trọng dịch thuật hết sức tinh tế.

NGOẠI CẢM TRỞ THÀNH MỘT SẢN PHẨM CỦA CHÍNH TRỊ

Chương một của cuốn sách khái quát quan niệm về cái chết trong văn hóa Việt, đặc biệt đi sâu vào những khái niệm “hồn”, “vong”, “chết trong nhà”, “chết ngoài đường”, “tử sĩ” và “liệt sĩ”, “chết xấu” và “chết tốt” để lý giải cho hiện tượng tìm mộ liệt sĩ và hiện tượng áp vong của người Việt ở chương tiếp theo.

Tác giả chỉ ra rằng, sau những trận chiến khốc liệt, nhà nước tập thể hóa cái chết của những người lính, gán cho họ những mỹ từ như anh hùng, đồng thời cũng tập thể hóa cảm xúc của cả dân tộc, khiến cho người nhà của họ hãnh diện vì sự hy sinh để giành lấy thắng lợi, như thể mọi cái chết trên chiến trường đều về vang, cao quý. Nhưng đứng ở góc độ tâm linh truyền thống, đó là những cái chết xấu: chết xa quê, chết trong hiu quạnh, chết mà xác không toàn vẹn, ra đi mà không có con cái hay không có một đám tang của riêng mình. Người Việt không chỉ lo sợ sống một mình mà còn sợ thành “cô hồn” (linh hồn trôi nổi, vất vưởng). Ý niệm trở về quê hương gắn với người Việt không chỉ khi sống mà ngay cả khi họ đã lìa đời.

Toàn bộ chuỗi nhận thức và hành động của con người cũng là sản phẩm của chính trị. Thần thánh hóa anh hùng dân tộc vốn đã là một truyền thống lâu đời, nhưng trong những cuộc chiến của thế kỷ 20, ai là anh

hùng, hay ai được coi là nhà ngoại cảm đều do đảng và nhà nước quyết định. Nhà nước dường như không tỏ ra tha thiết trợ giúp những gia đình liệt sĩ tìm mộ người thân, khiến họ tìm đến tâm linh, nhờ hồn dẫn lối, nhờ vong dẫn đường. Ở áp vong, người ta thấy một nghi thức trần tục hóa, lược bỏ những rườm rà nhảy múa, trang phục, nhạc cụ, thầy cúng, thì chỉ còn lại những cuộc trò chuyện giữa người quá cố và người nhà của họ, với một chút đóng góp tài chính và sự trợ giúp của các nhà ngoại cảm.

Chương ba của cuốn sách có thể đem đến cho độc giả nhiều điều hấp dẫn. Lý giải sự ra đời của cái được gọi là ngoại cảm, tác giả cho rằng, đây không khác gì một thứ rượu cũ bình mới để chỉ tên một hoạt động tâm linh vốn bị nhà nước xếp vào “mê tín dị đoan”. Đó là cách một số cá nhân có uy tín hợp thức hóa và hợp lý hóa những hoạt động tín ngưỡng, tâm linh hay tôn giáo để được nhà nước chấp nhận. Ranh giới giữa mê tín dị đoan và ngoại cảm vô cùng mong manh và do nhà nước quy định.

Sorrentino còn mô tả khéo léo sự nhập nhằng giữa tâm linh và thế tục tại Việt Nam. Cụ thể, trong phòng vong nằm ở giữa tòa nhà thuộc cơ quan công quyền, người ta thu “công đức” thay vì lệ phí; trước đây nói “gọi hồn” thì nay gọi là “giao lưu” với “liệt sĩ” trong giờ hành chính, người sống được hướng dẫn “chào cụ” với vong hồn, v.v. Người ta gọi bùa chú, đốt tiền vàng mã là mê tín, nhưng giao lưu với linh hồn liệt sĩ, áp vong là một hoạt động khoa học, nó kéo theo sự ra đời của một loạt các khái niệm mới: khoa học tâm linh, nhà tâm linh; còn ngoại cảm được cho là một phương pháp, một khả năng đặc biệt của con người.

TÌM MINH BẠCH VÀ DÂN CHỦ TỪ CỘI ÂM

Sorrentino lập luận rằng các nghi lễ tôn giáo của Việt Nam như áp vong hay thờ Mẫu là một tiến trình thể hiện sự dân chủ hóa tại một đất nước chưa bao giờ được thế giới ghi nhận là có một nền dân chủ. Bằng nghiên cứu nhân học, Sorrentino đã gián tiếp mô tả ký ức về chiến tranh vẫn ám ảnh những người còn sống thuộc nhiều tầng lớp xã hội. Đất nước đã thanh bình nhưng người dân vẫn chẳng thể nào có được sự yên bình ở cả cõi trần lẫn cõi âm. Những linh hồn của người chết, theo đó, không hề bất lực. Họ có sức mạnh thần kỳ khiến cho những người sống phải ăn không ngon, ngủ không yên.

Tác giả nhận định áp vong có liên quan mật thiết đến việc tìm mộ liệt sĩ, ngược lại, đó chính là động lực thôi thúc phát triển hoạt động áp vong. Việc lập đài tưởng niệm các anh hùng dân tộc được chính quyền chấp nhận và khuyến khích bởi chính quyền coi đó là một công cụ để củng cố lòng yêu nước của người dân, đảm bảo tính chính danh cho nhà cầm quyền. Việc cho phép thực hiện áp vong hay dùng ngoại cảm để tìm mộ cũng là cách nhà nước nhắc nhở người dân về những cuộc chiến và chiến thắng trong quá khứ.

Người ta đến với phòng vong, cầu cạnh chuyên gia và người chết với động lực nổi (motivations manifestes) như tìm mộ người đã khuất và động lực chìm (motivations latents) là để đổi chất, đổi thoại, thậm chí đổi mặt với chính những người sống. Không chỉ những cái chết bất đắc kỳ tử của người âm, mà ngay cả bạo lực gia đình hay ngoại tình của người dương cũng có thể được vong tiết lộ.

Trong một xã hội giàu ngữ cảnh - đầy hàm ý, nhiều khi người sống không dám nói, không thể nói, và không được nói, do đó sự thật không có môi trường để phơi bày. Nhưng với người cõi âm thì việc nói thẳng nói thật dường như không có rào cản. Áp

vong khiến người chết có thể được trả lại công lý. Tác giả cho rằng “những nghi lễ áp vong là một không gian cho những người thường bị từ chối quyền được lên tiếng” hay “mượn lời của vong cũng thực chất là cho vong một tiếng nói”.

Trong ba chương cuối, tác giả phân tích và đối chiếu với các nền văn hóa khác nhau để thấy rằng áp vong không phải chỉ là câu chuyện một cá nhân nhập hồn, mà là một sự kiến tạo tập thể (construction collective) của những con người khát khao chia sẻ đau đớn. Cách một bộ phận người Việt quyết định tin tưởng và lựa chọn tìm đến áp vong như một sự giải tỏa cho cả người ra đi lẫn người ở lại.

Sorrentino đã không quên bàn đến khía cạnh giới thể hiện rõ trong áp vong. Những người tham gia áp vong chủ yếu là nữ. Những nhà ngoại cảm phần lớn là những người phụ nữ bình thường nhưng từng trải qua biến cố trong cuộc đời. Tuy nhiên, hoạt động tâm linh của họ chỉ được công khai và tự do khi những người nắm giữ quyền lực chính trị - thường là cánh đàn ông - đảm bảo yếu tố thủ tục để được, phổ thông hóa và thậm chí khoa học hóa.

Cuốn sách gợi mở những cuộc thảo luận tri thức hơn là lấp đầy những nỗi băn khoăn, vì nó chứa đựng hệ thống tri thức liên ngành được phát triển từ luận án tiến sĩ của tác giả.

Không đơn thuần bàn về vấn đề hồn, ma, chuyện mê tín hay ngoại cảm của những cá nhân, tác phẩm còn khái quát câu chuyện chung của một dân tộc đi qua những năm tháng chiến tranh ác liệt, của những con người thực sự có những nỗi đau khôn nguôi phải kìm nén, và những cá nhân với sức mạnh phi thường mà khoa học chưa thể lý giải.

Cho dù đây là một cuốn chuyên khảo nhưng không quá khó tiếp cận với một độc giả không có kiến thức chuyên sâu. Sorrentino cũng không có ý định đưa ra

một lời giải đáp về sự hiện hữu của thế giới tâm linh hoặc những câu chuyện hồn chưa nhập, nhập sai, nịnh vong, có đáng tin hay không. Theo tác giả, niềm tin không nhất thiết trái ngược với cách vận hành của lý trí và mạnh dạn gạt bỏ chỉ trích, phán xét là điều tiên quyết của niềm tin (chương sáu). Điều này cũng giống như quan điểm của nhà nghiên cứu văn hóa Ngô Đức Thịnh: “Đừng đi tìm sự xác thực lịch sử ở các hiện tượng tôn giáo tín ngưỡng vì ở đó chỉ có sự xác tín. Mà với con người nhiều khi sự xác tín còn cao hơn và quan trọng hơn cả sự xác thực!” [1]



Sạp báo LUẬT KHOA

Nơi bày bán các ấn phẩm của Luật Khoa tạp chí



store.luatkhoa.com

MUA NGAY

Địa chỉ hỗ trợ bạn đọc: store@mail.luatkhoa.org



VÌ SAO CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM LUÔN KHẮC NGHIỆT VỚI TÔN GIÁO?

Duy trì một bức tranh tôn giáo để kiểm soát, giữ ổn định chế độ.

Văn Tâm

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 29/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Dù có liên quan hay không liên quan đến chính trị, các nhóm tôn giáo vẫn bị đàn áp.

Cuối tháng 12/2022, Ngoại trưởng Mỹ Antony J. Blinken đã đưa Việt Nam vào Danh sách Theo dõi Đặc biệt (Special Watch List) của Mỹ về tự do tôn giáo. [1]

Đến tháng 3/2023, Ban Tôn giáo Chính phủ phải ra Sách trắng để thanh minh về tình hình tự do tôn giáo tại Việt Nam. [2]

Tuy nhiên, vào tháng 4/2023, chính quyền tại Cao Bằng đã cưỡng bức nhiều người

H'mong lấn tay vào giấy cam kết từ bỏ đạo Dương Văn Minh. [3]

Cũng trong tháng Tư, 70 tổ chức quốc tế, chuyên gia về tự do tôn giáo đã cùng gửi thư yêu cầu Ngoại trưởng Mỹ lên tiếng về việc chính quyền Việt Nam đàn áp các nhóm tôn giáo. [4]

Tối đầu tháng 5/2023, Ủy ban Tự do Tôn giáo Quốc tế Hoa Kỳ báo cáo rằng tình hình tự do tôn giáo tại Việt Nam ngày càng tồi tệ hơn. [5]

Từ năm 2004, Mỹ đã đưa Việt Nam vào danh sách Các quốc gia cần theo dõi đặc biệt (CPC) về tự do tôn giáo trong hai năm liên tiếp. Sau đó, Việt Nam đã cải thiện tương đối trong việc đối xử với các tôn giáo. Nhưng hiện nay, chính quyền xuống tay ngày càng nặng nề hơn.

Vì sao chính quyền Việt Nam lại khắc nghiệt với tôn giáo?

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT TÔN GIÁO TẠI VIỆT NAM

Nếu bạn từng đến khu vực Tây Nguyên, bạn sẽ thấy camera xếp dày đặc trên các con đường, chỉ cần bạn có một hoạt động nào đó bất thường, cán bộ công an sẽ xuất hiện ngay lập tức.

Những vùng càng xa, càng hẻo lánh, nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống là những vùng bị kiểm soát khắc nghiệt nhất. Đây cũng chính là những nơi mà quyền tự do tôn giáo bị chính quyền đàn áp nặng nề.

Chính quyền Việt Nam vẫn tiếp tục muốn duy trì tình trạng hiện tại của tôn giáo, không muốn có thêm các nhóm tôn giáo mới nào trong 16 tổ chức tôn giáo đã được nhà nước công nhận.

Các tổ chức tôn giáo được công nhận này hầu hết chịu sự kiểm soát của nhà nước. Chính quyền can thiệp toàn diện vào quá trình bổ nhiệm chức sắc lãnh đạo của các tổ chức tôn giáo. Các chức sắc này sẵn sàng thỏa hiệp hoặc tuân theo sự sắp đặt của chính quyền, giúp duy trì một bức tranh tôn giáo dễ kiểm soát.

Bộ máy công an liên tục rà soát, không để các nhóm tôn giáo nào phát sinh, dù là các nhóm tôn giáo chỉ tụ họp kín đáo trong nhà của họ. Chính quyền quy định rằng hoạt động tôn giáo chỉ được tổ chức tại những nơi do chính quyền cấp phép.

Trong khi đó, nhu cầu tham gia các tôn giáo đa dạng, nằm ngoài các tổ chức tôn giáo được công nhận ngày càng cao. Đây là nhu cầu phát triển rất bình thường. Tuy nhiên, bất kỳ nhóm tôn giáo nào chưa được cấp phép mà hoạt động đều bị chính quyền ngăn cản, phạt hành chính, cưỡng bức họ từ bỏ tôn giáo.

Ngoài thẩm quyền quản lý các cơ quan nhà nước thì hầu hết các tổ chức chính trị - xã hội như Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, v.v. đều được giao nhiệm vụ theo dõi, báo cáo các hoạt động tôn giáo tại địa phương. [6]

Mặt khác, hoạt động truyền thông của các tôn giáo bị kiểm soát toàn diện. Chỉ những tổ chức tôn giáo có đăng ký mới được cấp phép để vận hành những cơ sở truyền thông trong điều kiện rất hạn chế.

Tôn giáo là một thành phần nằm ngoài nhà nước, tuy nhiên, chính quyền không cho các tổ chức tôn giáo trực tiếp mua bán quyền sử dụng đất đai, mà phải thông qua xét duyệt, cấp phát. Chính quyền dùng quyền cấp phát đất đai để kiểm soát tôn giáo.

Tháng 4/2023, Đại sứ Mỹ tại Việt Nam Marc E. Knapper đã đề cập hàng loạt vấn đề tự do tôn giáo tại Việt Nam với Ban Tôn giáo Chính phủ, trong đó có việc đơn giản hóa thủ tục đăng ký hoạt động tôn giáo, xử lý các cản trở của chính quyền địa phương đối với các nhóm tôn giáo. [7]

TỰ DO TÔN GIÁO THÚC ĐẨY TỰ DO CHO XÃ HỘI

Thành viên của các nhóm tôn giáo là một trong những người thực hành quyền tự do nhiều nhất. Có thể coi họ là một trong những người đi đầu, thúc đẩy quyền tự do của người dân.

Các tín đồ tôn giáo thực hiện quyền tự do tư tưởng khi họ tự nguyện lựa chọn đặt niềm tin vào một tôn giáo nào đó. Họ thực hành quyền tự do ngôn luận, tự do biểu đạt khi diễn giải, thảo luận, truyền bá giáo lý tôn giáo qua các phương tiện thông tin. Họ sử dụng quyền tự do hiệp hội để tụ họp các thành viên, hình thành nên các hội nhóm. Họ thực hành quyền tự do tôn giáo khi biểu dương tôn giáo của mình. Họ có thể đại diện nhóm tôn giáo của mình để đề xuất các ý kiến với nhà nước, tham gia vào hệ thống chính trị.

Những quyền này thuộc về tất cả mọi người, không phân biệt tôn giáo, sắc tộc, đã được nêu ra trong bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. [8]

Điều 30 trong bản tuyên ngôn này nói rằng: “Không một điều khoản nào trong Tuyên Ngôn này có thể giải thích để cho phép một quốc gia, một đoàn thể, hay một cá nhân nào được quyền hoạt động hay làm những hành vi nhằm tiêu hủy những quyền tự do liệt kê trong Tuyên Ngôn này.”

Tuy nhiên, chính quyền Việt Nam luôn tìm cách hạn chế, kiểm soát gắt gao việc tự do thực hành toàn bộ những quyền vừa nêu, vì cho rằng nó sẽ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội, sự ổn định của chế độ. Do vậy, các tín đồ tôn giáo hiển nhiên trở thành mục tiêu đầu tiên của chính quyền.

Trên thực tế, chính quyền Việt Nam chỉ đảm bảo những quyền này trong khuôn khổ giới hạn và chỉ dành cho những tổ chức tôn giáo được chính quyền cấp phép hoạt động. Có nghĩa là họ đã trải qua sự thanh lọc, không có hành động nào làm ảnh hưởng đến chính trị.

Ở chiều ngược lại, chính quyền có thể lấy lý do hoạt động tôn giáo của một nhóm nào đó làm phức tạp tình hình an ninh trật tự để trấn áp, xóa bỏ nhóm tôn giáo, ngay cả khi nhóm tôn giáo đó chỉ sinh hoạt kín đáo trong nhà.

TỰ DO TÔN GIÁO ĐẾN TỰ DO CHÍNH TRỊ

Đài Loan dưới thời kỳ Thiết quân luật kéo dài trong 40 năm đã duy trì mô hình kiểm soát Phật giáo tương tự như Việt Nam hiện nay.

Các nhóm Phật giáo đều phải lệ thuộc vào Hiệp hội Phật giáo Trung Hoa Dân Quốc, vốn là hiệp hội Phật giáo duy nhất được chính quyền Quốc dân đảng công nhận, tương tự như Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay.

Mô hình này đã bó buộc các nhóm Phật giáo tại Đài Loan, không cho họ có cơ hội được hoạt động tự do vì đội ngũ lãnh đạo do chính quyền Quốc dân đảng lựa chọn. Các nhóm Phật giáo đã gây áp lực lên chính quyền đòi cải thiện quyền tự do hiệp hội.

Năm 1989, Đài Loan bước vào thời kỳ chuyển đổi dân chủ. *Bộ Luật sửa đổi về Tổ chức các nhóm dân sự* ra đời đã cho phép người dân có quyền tự do hiệp hội. [9] Hàng loạt các tổ chức Phật giáo tại Đài Loan được thành lập, và trở thành những tổ chức Phật giáo nổi tiếng trên thế giới.

Việc mở rộng quyền tự do hiệp hội này tại Đài Loan cũng kéo theo sự ra đời chính thức của hàng loạt tổ chức chính trị, bao gồm nhiều đảng phái, trong đó có Đảng Dân chủ Tiến bộ là đảng cầm quyền hiện nay của Đài Loan.

Có thể thấy rằng việc đảm bảo quyền tự do tôn giáo cũng sẽ giúp người dân thực hiện các quyền tự do chính trị của mình, bao gồm quyền lập đảng. Về cơ bản, việc hình thành và vận hành tổ chức tôn giáo có nhiều điểm tương đồng so với một tổ chức chính trị. Các tổ chức tôn giáo xiển dương giáo pháp thì các tổ chức chính trị hình thành để thu hút người có cùng quan điểm chính trị.

Những quyền giúp người dân tự do thực hành tôn giáo cũng sẽ giúp cho họ có được quyền tự do chính trị. Do đó, một nơi mà người dân không có quyền tự do chính trị cũng đồng nghĩa quyền tự do tôn giáo không được đảm bảo. Dù có tồn tại sự tự do tôn giáo trên danh nghĩa đi nữa thì đó cũng chỉ là sự che đậy một cách công kênh, đối phó. Việt Nam chính là một nơi như thế.

Tại Việt Nam, người thực hành quyền tự do chính trị rất hạn chế do các nền tảng để thực hành quyền này gần như là không có như tự do báo chí, tự do bầu cử, tự do ngôn luận. Tuy nhiên, quyền tự do tôn giáo dù có bị đàn áp khắc nghiệt đến đâu cũng vẫn là một nhu cầu ngày càng phát triển của đông đảo người dân. Chính các tín đồ tôn giáo sẽ là những người đi đầu trong việc mở rộng quyền tự do của người dân Việt Nam. □

CHÚ THÍCH

LUẬT KHOA 360: VỤ TẤN CÔNG TRỤ SỞ CÔNG QUYỀN XÃ TẠI ĐẮK LẮK

1. Thông tin ban đầu về vụ việc mất an ninh, trật tự xảy ra tại Đắk Lắk. (n.d.). Bộ Công An. Retrieved June 11, 2023, from <https://bocongan.gov.vn/tin-an-ninh-trat-tu/thong-tin-ban-dau-ve-vu-viec-mat-an-ninh-trat-tu-xay-ra-tai-dak-lak-135381.html>
2. Vụ tấn công trụ sở Công an xã ở Đắk Lắk: Đã bắt được 6 đối tượng. (n.d.). TTXVN. Retrieved June 11, 2023, from www.vietnamplus.vn/vu-tan-cong-tru-so-cong-an-xa-o-dak-lak-da-bat-duoc-6-doi-tuong/867639.vnp
3. Phan Tuấn. (2023, March 2). Người dân bản giao mặt bằng trước giờ cưỡng chế ở dự án 1.500 tỉ đồng. Lao Động. <https://laodong.vn/bat-dong-san/nguoi-dan-ban-giao-mat-bang-truoc-gio-cuong-che-o-du-an-1500-ti-dong-1153207.ldo>
4. Huỳnh Thủy. (2022, June 3). Cường chế xong 64 công trình trái phép trên đất cá phê, hơn 500 đồng khác vào tầm ngắm. Báo Điện Tử Tiền Phong. <https://tienphong.vn/cuong-che-xong-64-cong-trinh-trai-phiep-tren-dat-ca-phe-hon-500-diem-khac-vao-tam-ngam-post1442797.tpo>
5. Huyện Cư Kuin: Kiên quyết “đẹp loạn” xây dựng trái phép. (n.d.). Báo Đắk Lắk Điện Tử. <https://baodaklak.vn/xa-hoi/202205/huyen-cu-kuin-kien-quyet-dep-loan-xay-dung-trai-phiep-dee41c8/>
6. Xem [4]
7. Huyện Cư Kuin: Kiên quyết “đẹp loạn” xây dựng trái phép. (n.d.). Báo Đắk Lắk Điện Tử. <https://baodaklak.vn/xa-hoi/202205/huyen-cu-kuin-kien-quyet-dep-loan-xay-dung-trai-phiep-dee41c8/>
8. Nhóm Pv Tây Nguyên. (2023, May 25). Mai phục “đất tặc”. Báo Điện Tử Tiền Phong. <https://tienphong.vn/mai-phuc-dat-tac-phong-vien-bao-tien-phong-bi-dea-giet-ca-nha-post1537675.tpo>
9. Nhóm Pv Tây Nguyên. (2023b, May 26). Vụ mai phục “đất tặc”: Phóng viên Báo Tiền Phong bị đe dọa “giết cá nhà”. Báo Điện Tử Tiền Phong. <https://tienphong.vn/vu-mai-phuc-dat-tac-phong-vien-bao-tien-phong-bi-dea-giet-ca-nha-post1537675.tpo>
10. Nỗ lực bảo đảm an ninh trật tự ở vùng tôn giáo. (n.d.). Báo Đắk Lắk Điện Tử. <https://baodaklak.vn/channel/3606/201701/no-luc-bao-dam-an-ninh-trat-tu-o-vung-ton-giao-5516732/>
11. Sau Tin lành Đê ga, lại xuất hiện tổ chức phản động đối lập tôn giáo ở Tây Nguyên. (2021, September 24). VOVVN. <https://vov.vn/kinh-tri/sau-tin-lanh-de-ga-lai-xuat-hien-to-chuc-phan-dong-doi-lap-ton-giao-o-tay-nguyen-892373.vov>
12. Vạch trần bộ mặt thật của nhóm “Người Thương y Công lý - MSFJ” (2023, June 7). Công an Tỉnh Đắk Lắk. <https://congan.daklak.gov.vn/vach-tran-bo-mat-that-cua-nhom-nguoi-thuong-y-cong-ly-msfj>
13. Xem: <https://tinyurl.com/nhfnu3h>
14. Một năm sau vụ án Hội thánh Truyền giáo Phục Hưng, mục sư Võ Xuân Loan: “Chính quyền còn nợ tôi lời xin lỗi.” (2022). Luật Khoa Tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2022/05/mot-nam-sau-vu-an-hoi-thanh-truyen-giao-phuc-hung-muc-su-vo-xuan-loan-chinh-quyen-con-no-toi-loi-xin-loi/>

ĐOÀN ĐOÀN CHÍNH TRỊ TRONG VỤ XUNG ĐỘT Ở HUYỆN CƯ KUIN LẠI VỮNG TAY NGUYÊN

1. James C. Scott. (1985). Weapons of the

- Weak: Everyday Forms of Peasant Resistance on JSTOR. <https://www.jstor.org/stable/6.cttnq836>
2. Rumors: Uses, Interpretations and Images. (2013, March 15). Routledge & CRC Press. <https://www.routledge.com/Rumors-Uses-Interpretations-and-Images/Kapferer/p/book/9781412851558>
 3. WEN-HSUAN TSAI and ZHENG-WEI LIN. (2019, October 1). Social Constructionism and the Significance of Political Rumors in Contemporary China: Weapons of the Weak. Scholars Hub of the Academia Sinica. <https://ir.sinica.edu.tw/handle/2010000004/77306>
 4. Knapp, K. C. (2006). Power of the Words: Chen Prophecy in Chinese Politics a.d. 265-618 – Zongli Lu. Religious Studies Review, 32(2), 138–139. <https://doi.org/10.1111/j.1748-0922.2006.00075.1.x>

NGƯỜI KINH: TỪ ĐỒNG CHÍ CỘNG SẢN TRỞ THÀNH THỂ LỰC THỰC DÂN NỘI ĐỊA Ở TÂY NGUYÊN

1. Pholsena, V. (2008). HIGHLANDERS ON THE HO CHI MINH TRAIL. Critical Asian Studies, 40(3), 445–474. <https://doi.org/10.1080/14672710802274151>
2. Vietnam and the world outside: The case of Vietnamese communist advisers in Laos (1948–62) on JSTOR. (n.d.). <https://www.jstor.org/stable/23750295>
3. Blakemore, E. (2021, May 3). What is colonialism? Culture. <https://www.nationalgeographic.com/culture/article/colonialism>
4. Internal Colonialism in the Central Highlands of Vietnam on JSTOR. (n.d.). <https://www.jstor.org/stable/26531807>

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TẠI TÂY NGUYÊN: CHÍNH QUYỀN CÀNG CAN THIỆP THỎ BẠO CÀNG KHÔNG CÒ LỐI THOÁT

1. Thái Thanh. (2022). Bản tin Tôn giáo tháng 3/2020: Triệt hại FULRO và tự do tôn giáo | Luật Khoa tạp chí. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhoa.com/2020/07/ban-tin-ton-giao-thang-3-2020-triet-hai-fulro-va-tu-do-ton-giao/>
2. Từ FLM đến FULRO - Cuộc đấu tranh của các dân tộc thiểu số miền Nam Đông Dương, trang 74. (2007). Champaka. <https://champaka.info/images/stories/CHAMPAKA/TAPSAN/Champaka7/05%201964-1969.pdf>
3. Xem [2].
4. (2019, September 8). Khi Tây Nguyên không còn là nhà. Luật Khoa tạp chí. <https://luatkhoa.com/2019/09/khi-tay-nguyen-khong-con-la-nha/>
5. Xem [4].
6. Xem [4].
7. Xem [4].
8. Văn Tâm. (2022). Mỹ đưa Việt Nam vào Danh sách Theo dõi Đặc biệt về tự do tôn giáo: 16 năm vẫn quanh quẩn. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhoa.com/2022/12/viet-nam-lot-vao-danh-sach-theo-doi-dac-biet-ve-tu-do-ton-giao-cua-my-16-nam-van-quanh-quan/>
9. Thái Thanh. (2022b). Bản tin Tôn giáo tháng 3/2020: Triệt hại FULRO và tự do tôn giáo | Luật Khoa tạp chí. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhoa.com/2020/07/ban-tin-ton-giao-thang-3-2020-triet-hai-fulro-va-tu-do-ton-giao/>
10. Thái Thanh. (2020, November 13). Tôn giáo tháng 6: Tín đồ về từ rừng, tranh chấp đất đai, VN phản đối báo cáo của Mỹ... Luật Khoa tạp chí. <https://luatkhoa.com/2020/07/ton-giao-thang-6-tin-do-ve-tu-rung-tranh-chap-dat-dai-vn-phan-doi-bao-cao-cua-my/>

VÌ SAO HUYỆN CƯ KUIN TRỞ THÀNH ĐIỂM NÓNG Ở VÙNG TÂY NGUYÊN?

1. Giàu N. (2023b, May 8). Nguyễn Bí thư

- Tỉnh ủy Đắk Lắk Y Luyện Niê Kdăm: “Hết pho. . . danviet.vn. <https://web.archive.org/web/20230522044634/https://danviet.vn/nguyen-bi-thu-tinh-uy-dak-lak-y-luyen-nie-kdam-het-phung-su-nhan-dan-toi-ve-chan-bo-lam-nuong-ray-20230424012318607.htm>
2. Tổng điều tra dân số và nhà ở. (2020). Tổng Cục Thống Kê. <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2019/12/Ket-qua-toan-bo-Tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-2019.pdf>
 3. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội dự Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở Đắk Lắk. (2022, November 18). Đại Đoàn Kết. <http://daidoanket.vn/chu-tich-hoi-dong-dan-toc-cua-quoc-hoi-du-ngay-hoi-dai-dan-ket-toan-dan-toc-o-dak-lak-5702435.html>
 4. Tổ chức Lễ công bố xã Ea Ktư đạt chuẩn nông thôn mới. (n.d.). <https://thongtinhkcn.daklak.vn/eaaktur/pages/2020-8-7/To-chuc-le-cong-bo-xa-Ea-Ktur-dat-chuan-nong-thon-ezc5c2y3jqkh.aspx>
 5. Xem [2].
 6. Xem [3].
 7. Tổng cục Thống kê. (2010, June). Kết quả toàn bộ: Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009. <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2019/03/KQ-toan-bo.pdf>
 8. Nỗ, B. I. S. 7. P. Đ. P. H. K. H. (2019, January 17). Tham gia các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp - một biểu hiện suy thoái nghiêm trọng. <https://web.archive.org/web/20230615143330/https://www.qdnd.vn/phong-chong-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa/tham-gia-cac-to-chuc-ton-giao-bat-hop-phap-mot-bieu-hien-suy-thoai-nghiem-trong-560696>
 9. Đấu tranh phòng, chống các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay. (n.d.). <https://web.archive.org/web/20230615143732/https://lamdong.gov.vn/sites/lacdang/tinchinhtri/SitePages/Dau-tranh-phong-chong-cac-am-muu-thu-doan-cua-cac-thu-luc-thu-dich-loi-dung-thuc-van-de-dan-toc-o-Tay-Nguyen-hien-nay.aspx>
 10. Anh Y Quí Bđap cảm bằng yêu cầu nhà nước Việt Nam phải chấm dứt. . . (2020, October 28). Người Thượng Vi Công Lý. <https://tinyurl.com/7xbjc6sk>
 11. Mach Song Editor. (n.d.). Cơ hội cho tín đồ Tin Lành Tây Nguyên sau cuộc bỏ rập của công an Đắk Lắk. <https://socialsongmedia.org/vietnam/quyencongngoi/1737-co-hoi-cho-tin-do-tin-lanh-tay-nguyen-sau-cuoc-bo-rap-cua-cong-an-dak-lak.html>
 12. Xét xử bị cáo Y Wô Niê về tội lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. (2022, August 25). Công an Tỉnh Đắk Lắk. <https://congan.daklak.gov.vn/xet-xu-bi-ca-y-wo-nie-ve-toi-loi-dung-cac-quyen-tu-do-dan-chu-xam-pham-loi-ich-cua-nha-nuoc-quyen-loi-ich-hop-phap-cua-to-chuc-ca-nhan>
 13. Phan Tuấn. (2023, March 2). Người dân bản giao mặt bằng trước giờ cưỡng chế ở dự án 1.500 tỉ đồng. Lao Động. <https://laodong.vn/bat-dong-san/nguoi-dan-ban-giao-mat-bang-truoc-gio-cuong-che-o-du-an-1500-ti-dong-1153207.ldo>
 14. Hùng K. (2022, November 21). Dự án “bánh vẽ” ở Tây Nguyên: Sau xử phạt, vẫn thi công và mở bán rầm rộ. Báo Điện Tử Tiền Phong. [https://tienphong.vn/du-an-banh-ve-o-tay-nguyen-sau-xu-phat-van-thi-cong-va-mo-ban-ram-ro-post1487526.tpo](https://tienphong.vn/du-an-banh-ve-o-tay-nguyen-sau-xu-phat-van-thi-cong-va-mo-ban-ram-ro)
 15. Nhóm Pv Tây Nguyên. (2023b, May 26). Vụ mai phục “đất tặc”: Phóng viên Báo Tiền Phong bị đe dọa “giết cá nhà”. Báo Điện Tử Tiền Phong. <https://tienphong.vn/vu-mai-phuc-dat-tac-phong-vien-bao-tien-phong-bi-dea-giet-ca-nha-post1537675.tpo>
 16. Thủy H. (2022, June 3). Cường chế xong

64 công trình trái phép trên đất ca phê, hơn 500 điểm khác vào tầm ngắm. Báo Điện Tử Tiền Phong. <https://tienphong.vn/cuong-che-xong-64-cong-trinh-trai-phiep-tren-dat-ca-phe-hon-500-diem-khac-vao-tam-ngam-post1442797.tpo?ref=luatkhoa.com>

17. Khiếu nại kéo dài tại Cty TNHH MTV Cà phê Chư Quỳnh (Đắk Lắk): Đầu là nguyên nhân? (2011). Thanh Tra Tỉnh Đắk Lắk. <https://thanhtra.daklak.gov.vn/khieu-nai-keo-dai-tai-cty-tnhh-mtv-ca-phe-chu-quynh-dak-lak-dau-la-nguyen-nhan-123.html>

18. C.L. (2013, December 8). Thanh tra, kiểm tra các công ty cà phê tại huyện Cư Kuin (Đắk Lắk) - Báo Công an Nhân dân điện tử. Báo Công an Nhân Dân Điện Tử. <https://web.archive.org/web/20230615150827/https://cand.com.vn/Kinh-te/Thanh-tra-kiem-tra-cac-cong-ty-ca-phe-tai-huyen-Cu-Kuin-%28Đak-Lak%29-1246801/>

19. Anh Q. (2015, August 19). Công bố kết luận thanh tra tại các Công ty cà phê ở Cư Kuin (Đắk Lắk): Còn nhiều điểm chưa chính xác. Thời Báo Ngân Hàng. <https://web.archive.org/web/20230615150827/https://cand.com.vn/Kinh-te/Thanh-tra-kiem-tra-cac-cong-ty-ca-phe-tai-huyen-Cu-Kuin-%28Đak-Lak%29-1246801/>

20. UBND tỉnh đồng loạt tiếp tiếp với các hộ dân nhận khoán của Công ty TNHH Hai thành viên Cà phê Cư Pul. (n.d.). Báo Đắk Lắk Điện Tử. [https://web.archive.org/screenshot/https://baodaklak.vn/channel/3481/201612/ubnd-tinh-doi-thoi-truc-tiep-voi-cac-ho-dan-nhan-koan-cua-cong-ty-tnhh-hai-thanh-vien-ca-phe-cu-pul-5514773/](https://web.archive.org/web/20230615151853/http://web.archive.org/screenshot/https://baodaklak.vn/channel/3481/201612/ubnd-tinh-doi-thoi-truc-tiep-voi-cac-ho-dan-nhan-koan-cua-cong-ty-tnhh-hai-thanh-vien-ca-phe-cu-pul-5514773/)

21. Online T. T. (2014, November). Thiếu tá công an rút súng dọa bắn tại UBND huyện. TUOI TRE ONLINE. <https://web.archive.org/web/2021004073442/https://tuoitre.vn/tam-dinh-chi-thieu-ta-cong-an-rut-sung-doa-ban-tai-ubnd-huyen-674607.htm>

22. Online T. T. (2017a, August 9). Bị kỷ luật, 4 công an huyện được chuyển công tác lên tỉnh. TUOI TRE ONLINE. <https://web.archive.org/web/20230615152247/https://tuoitre.vn/bi-ky-luat-bon-cong-an-huyen-duoc-chuyen-len-cong-an-tinh-715355.htm>

KHI TÂY NGUYÊN KHÔNG CÒN LÀ NƠI

1. Số liệu của Ủy ban Tôn giáo Chính phủ, tháng 10, 2000, báo cáo Repression of Montagnards năm 2001 trích dẫn, Human Rights Watch, 2001.

2. Tài liệu đã dẫn, Repression of Montagnards, mục Repression of Ethnic Minority Protestant.

3. Directions for Stopping Religion, công bố bởi Center for Religious Liberty của Freedom House vào tháng 11/2000.

4. Neil L. Jamieson, Lê Trọng Cúc, A. Terry Rambo, The Development Crisis in Vietnam's Mountain, 1998, East-West Center.

VÌ SAO CHẤT LƯỢNG KINH THUẬT XUỐNG THẤP TRONG MỘT NỀN CHÍNH TRỊ TOÀN TRỊ?

1. Xem: <https://tinyurl.com/34f4ptve>

2. Philip Altbach. (2021, April 12). Russian Academic Excellence—A Long Struggle. <https://ejournals.bc.edu/index.php/ihe/article/view/14535>

3. Huỳnh Công Đường. (2022). Mạn đàm đầu năm: Nhà khoa học, tự do và lòng trung thành chính trị. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhoa.com/2022/02/man-dam-dau-nam-nha-khoa-hoc-tu-do-va-long-trung-thanh-chinh-tri/>

4. Nefedov, S., & Ellman, M. (2019). The Soviet Famine of 1931–1934: Genocide, a Result of Poor Harvests, or the Outcome of a Conflict Between the State and the Peasants? Europe-

Asia Studies, 71(6), 1048–1065. <https://doi.org/10.1080/09668136.2019.1617464>

5. Chan, C. L. (2015, June 11). Fallen Behind: Science, Technology and Soviet Statism. <https://ojs.stanford.edu/ojs/index.php/intersect/article/view/691>

6. Freedom House. (n.d.-c). The Internationalization of Universities and the Repression of Academic Freedom. In Freedom House. <https://freedomhouse.org/report/special-report/2020/internationalization-universities-and-repression-academic-freedom>

ĐÀI LOAN LƯỢC SỬ - KỶ 4: CHIẾN TRANH TRIỀU TIÊN ĐÁ CỨU SỐNG ĐÀI LOAN NHƯ THẾ NÀO?

1. English, C. (2023, April 28). Taiwan tops South Korea in 2022 GDP per capita 1st time in nearly 2 decades - Focus Taiwan. Focus Taiwan - CNA English News; Focus Taiwan - CNA English News. <https://focustaiwan.tw/business/202304280018#:~:text=Data%20released%20by%20the%20MOEA's,than%20South%20Korea's%20US%2432%2C237.>

2. NEWS, K. (2022, January 16). South Korea, Taiwan expected to top Japan in GDP per capita in 2027, 2028. Kyodo News+; KYODO NEWS+. <https://english.kyodonews.net/news/2022/01/fdd2b85e6293-s-korea-taiwan-expected-to-top-japan-in-gdp-per-capita-in-2027-2028.htm>

3. News, T. (2017, December 8). Vietnamese migrant brides now more integrated into Taiwan life | Taiwan News | 2017-12-08 17:24:00. Taiwan News. <https://www.taiwannews.com.tw/en/news/3316084>

4. Addressing Challenges Faced by Taiwan's Migrant Workers. (2021, December 30). TheDiplomat.com. <https://thediplomat.com/2021/12/addressing-challenges-faced-by-taiwans-migrant-workers>

5. Taiwan - gross domestic product (GDP) 1987-2027 | Statista. (2020). Statista; Statista. <https://www.statista.com/statistics/727589/gross-domestic-product-gdp-in-taiwan>

6. Thái Quỳnh. (2023, March 20). GDP Việt Nam đứng thứ bao nhiêu thế giới năm 2022? Cafevn; <https://cafevn.vn>. <https://cafevn.vn/gdp-viet-nam-dung-thu-bao-nhieu-the-gioi-nam-2022-20230320092746924.chn>

7. 1. (2019). Taiwan - Market Overview. International Trade Administration | Trade.gov. <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/taiwan-market-overview>

8. Kuomintang NewsNetwork. (2022). Kmt.org.tw. <http://www1.kmt.org.tw/english/page.aspx?type=article&mnum=112&anum=9442>

9. Lin, C. Y. (1992). The legacy of the Korean War: impact on US-Taiwan relations. Journal of Northeast Asian Studies, 11(4), 40-57.

10. Xem [9].

Đài Loan lược sử - Kỳ 5: Cuộc cải cách ruộng đất khổng lồ máu và thành công vang dội 1. Conrad, D. A. (2014). "Before It Is Too Late": Land Reform in South Vietnam, 1956-1968. The Journal of American-East Asian Relations, 21(1), 34-57. <http://www.jstor.org/stable/43898363>

2. Mai, C., & Shih, C. (2001, October 31). Taiwan's Economic Success since 1980 (In Association With the Chung-Hua Institution for Economic Research). Edward Elgar Publishing, pp. 25-27.

ĐÀI LOAN LƯỢC SỬ - KỶ 6: CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO VÀ NỀN KINH TẾ THẦN KỶ

1. Trịnh Hữu Long. (2023, June 7). Đài Loan lược sử - Kỳ 4: Chiến tranh Triều Tiên đã cứu sống Đài Loan như thế nào? Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2023/06/dai-loan-luoc-su-ky-4-chien-tranh-trieu-tien-da-cuu-song-dai-loan>

nhu-the-nao

2. Stubbs, R. (2005, November 5). Rethinking Asia's Economic Miracle: The Political Economy of War, Prosperity and Crisis (Rethinking World Politics) (2005th ed.). Palgrave.

3. Naya, S. (1971) The Vietnam War and Some Aspects of Its Economic Impact on Asian 4. Mai, C., & Shih, C. (2001, October 31). Taiwan's Economic Success since 1980 (In Association With the Chung-Hua Institution for Economic Research). Edward Elgar Publishing, pp. 16-17.

5. Xem [1].

6. Baron, J. (2017, March 8). Li Kuo-Ting: The Adaptable Strategist Behind Taiwan's Success. The News Lens International Edition; The News Lens International Edition. <https://international.thenewslens.com/article/63138>

7. Wu, Y.-S. (2007). Taiwan's Developmental State: After the Economic and Political Turmoil. Asian Survey, 47(6), 977-1001. <https://doi.org/10.1525/as.2007.47.6.977>

8. Taiwan: per capita GDP 2026 | Statista. (2020). Statista; Statista. <https://www.statista.com/statistics/727592/gross-domestic-product-gdp-per-capita-in-taiwan>

CƠN ĐƯỜNG DÂN CHỦ Ở TRUNG QUỐC: CÒN RẤT XA MỖI ĐẠT ĐƯỢC ĐIỂM ĐỘT PHÁ

1. Magen, S. (2015). Philosophy of Law. In International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences (Second Edition). <https://doi.org/10.1016/b978-0-08-097086-8.63106-9>

Đi tìm mục đích đời mình cùng với Viktor E. Frankl

1. Liệu pháp ý nghĩa là liệu pháp tâm lý dựa trên phân tích về hiện sinh, thay vì tập trung vào ý muốn tìm quyền lực hay khoái lạc thì chúng ta đi tìm ý nghĩa sống.

2. nguyenvantuan.info. (2021, July 28). Ta về một bông trên đường lớn: Tô Thùy Yên (1938 - 2019). Tuan V. Nguyen AM. <https://nguyenvantuan.info/2019/05/22/ta-ve-mot-bong-tren-duong-lon-to-thuy-yen-1938-2019-2/>

MỘT HÌNH DUNG MỚI VỀ LỊCH SỬ VIỆT NAM: CẦU CHUYỂN PHẬT GIÁO ĐẦU TIÊN NHƯNG LẠI LIÊN QUAN ĐẾN ẮN ĐỘ GIÁO

1. What Lies Behind the Earliest Story of Buddhism in Ancient Vietnam? on JSTOR. (n.d.). <https://www.jstor.org/stable/26572437>

CUỘC ĐUA XÂY TƯỢNG PHẬT HOÀNH TRẢNG Ở VIỆT NAM

1. Online, T. T. (2021, January 25). Bình Phước: Khánh thành tượng Phật ngồi cao 73m. TUOI TRE ONLINE. <https://tuoitre.vn/binh-phuoc-khanh-thanh-tuong-phat-ngoi-cao-73m-20210122171346862.htm>

2. Duyên L. (2023, April 11). Đại tượng Phật lớn nhất Đông Nam Á ở Việt Nam. Phật Giáo. <https://phatgiaovietnam.vn/dai-tuong-phat-lon-nhat-dong-nam-a-o-viet-nam-d73296.html#>

3. Chùa cổ tượng Quan Âm cao nhất nước sau 3 năm khởi công. (2023, February 9). VnExpress. <https://vnexpress.net/chua-co-tuong-quan-am-cao-nhat-nuoc-sau-3-nam-khoi-cong-4566925.html>

4. My H. (2022, January 10). Sau Thủ Thiêm, ông chủ Tân Hoàng Minh tiếp tục chơi lớn ở Phú Quốc: Khởi công dự án 24.000 tỷ, muốn làm công trình tâm linh đạt kỷ lục Guinness với tượng Phật cao ngang tòa nhà 54 tầng. <https://cafefbiz.vn/sau-thu-thiem-ong-chu-tan-hoang-minh-tiep-tuc-choi-lon-o-phu-quo-khoi-cong-du-an-24000-ty-muon-lam-cong-trinh-tam-linh-dat-ky-luc-guinness-voi-tuong-phat-cao>

ngang-toa-nha-54-tang-20220110095432077.
chn

5. Quá trình chuẩn bị lễ đức tượng phật được sư Tân Huệ Viên. (n.d.). <https://banhpiatanhuevien.vn/tin-tuc-su-kien/quatrinh-chuan-bi-le-dec-tuong-phat-duoc-sutan-hue-vien-n173.html>

6. Văn T. (2023, April 10). Núi Sam Châu Đốc sắp có tượng Phật bằng đá cao 81m. Báo Một Thế Giới. <https://thegioi.vn/nui-sam-chau-doc-sap-co-tuong-phat-bang-da-cao-81m-195446.html>

7. B.Vân. (2022, January 10). Đà Nẵng: Cận cảnh tượng Phật khổng lồ tạc giữa mỏ đá chưa hoàn thổ. <https://nld.com.vn/thoi-su/da-nang-ngam-tuong-phat-khong-lo-giua-mo-da-chua-hoan-tho-20220109200351576.htm>

8. Anh D. V. (2023, April 19). Chiêm ngưỡng tượng Phật trên đỉnh núi lớn nhất châu Á tại An Giang. Phật Giáo. <https://phatgiao.org.vn/chiem-nguoi-tuong-phat-tren-dinh-nui-lon-nhat-chau-a-tai-an-giang-d73549.html>

9. VnExpress. (2023, February 5). Thiên Mã - núi sắp có tượng Quan Âm cao nhất Việt Nam. vnexpress.net. <https://vnexpress.net/thien-ma-nui-sap-co-tuong-quan-am-cao-nhat-viet-nam-4566187.html>

10. Phương V. (2022, August 28). Chiêm bái tượng Phật bằng đá bằng đồng cao nhất châu Á trên đỉnh núi Bà Đen. thanhnien.vn. <https://thanhnien.vn/chiem-bai-tuong-phat-ba-bang-dong-cao-nhat-chau-a-tren-dinh-nui-ba-den-1851491759.htm>

11. Văn T. (2023b, April 10). Núi Sam Châu Đốc sắp có tượng Phật bằng đá cao 81m. Báo Một Thế Giới. <https://thegioi.vn/nui-sam-chau-doc-sap-co-tuong-phat-bang-da-cao-81m-195446.html>

12. Thẩm X. L., H. (2023, February 23). Chiêm ngưỡng ngôi chùa có tượng Phật nằm lớn nhất Việt Nam. Báo Kinh Tế Đô Thị. <https://kinhtedothi.vn/chiem-nguoi-ngoi-chua-co-tuong-phat-nam-lon-nhat-viet-nam.html>

13. An B. T. P. G. L. (2021, April 2). Long An: Đặt đá xây dựng tôn tượng Bồ-tát Quan Thế Âm cao 70m. Giác Ngộ Online. <https://giacngo.vn/long-an-dat-da-xay-dung-ton-tuong-bo-tat-quan-the-am-cao-70m-post55647.html>

14. Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni (bằng bê tông cốt thép) tọa đài sen lớn nhất (vượt kỷ lục). (n.d.). HỘI KỶ LỤC GIA VIỆT NAM - TỔ CHỨC KỶ LỤC VIỆT NAM(VIETKINGS). <https://kyluc.vn/tin-tuc/de-xuat-ky-luc/tuong-phat-thich-ca-mau-ni-bang-be-tong-cot-thep-toa-dai-sen-lon-nhat-vuot-ky-luc>

15. Quang T. (2019, April 15). Chiêm ngưỡng độ “khùng” của pho tượng Phật xác IN. . . danviet.vn. <https://danviet.vn/chiem-nguoi-do-khung-cua-pho-tuong-phat-xac-lap-ky-luc-viet-nam-7777971439.htm>

16. Minh T. (2023, February 26). Tượng Quan Thế Âm Bồ Tát 4 mặt cao nhất xứ Thanh. <https://nld.com.vn/thoi-su/tuong-quan-the-am-bo-tat-4-mat-cao-nhat-xu-thanh-20230226110815669.htm>

17. Vũ D. (2018, March 9). Tượng Phật ngồi lớn nhất Đông Nam Á ở Bình Định. vnexpress.net. <https://vnexpress.net/tuong-phat-ngoi-lon-nhat-dong-nam-a-o-binh-dinh-3720234.html>

18. Huy Đ. (2023, March 8). Đặc sắc ngôi chùa nhiều kỷ lục nhất Việt Nam. thanhnien.vn. <https://thanhnien.vn/sac-ngoi-chua-nhieu-ky-luc-nhat-viet-nam-185230307184254056.htm>

19. Thái Thanh. (2021). Thống kê số tín đồ Phật giáo: Nhà nước nói giảm, giáo hội hù hăng | Luật Khoa tạp chí. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhao.com/2021/02/thong-ke-so-tin-do-phat-giao-nha-nuoc-noi-giam-giao-hoi-hut-hang/>

20. Thái Thanh. (2022, March 29). Làng Mai và ba bức rỗi khi hoạt động tại Việt Nam. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhao.com/2022/03/lang-mai-va-ba-rac-roi-khi-hoat-dong-tai-viet-nam/>

21. Lord, C. (2022, July 5). 5 Iconic Great Buddha Statues in Japan - GaijinPot. GaijinPot Blog. <https://blog.gaijinpot.com/5-iconic-great-buddha-statues-in-japan/>

22. Văn Tâm. (2023). Phật giáo Việt Nam có cấu trúc khác lạ so với các quốc gia. Chỉ trừ một nước. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhao.com/2022/12/phat-giao-viet-nam-co-cau-truc-khac-la-so-voi-cac-quoc-gia-chi-tru-mot-nuoc/>

23. Riley, E. (2020, October 24). A Complete Guide to Fo Guang Shan Monastery - Travels with Erica. Travels With Erica. <https://travelswithERICA.com/fo-guang-shan-monastery/>

24. Tourism, S. C. P. F. B. T. (2015, May 1). Look Out Through the Eyes of One of the World's Largest Buddha Statues. Smithsonian Magazine. <https://www.smithsonianmag.com/sponsored/look-out-through-eyes-one-worlds-largest-buddha-statues-180955100/>

25. City, B. M. (n.d.). When in Busan | Tourist Attractions | Tourist Attractions | Visit Busan. <https://tinyurl.com/3zsu2npk>

26. Thái Thanh. (2021b). 4/5 chức sắc đặc cử đại biểu Quốc hội Khóa XV là của Phật giáo | Luật Khoa tạp chí. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhao.com/2021/06/4-5-chuc-sac-dac-cu-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-xv-la-cua-phat-giao-2/>

27. Xem [26]

28. Văn Tâm. (2023b, March 2). Nhân sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam xoay quanh một vòng tròn. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhao.com/2023/02/nhan-su-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-xoay-quanh-mot-vong-tron/>

GAO TIẾP VỚI CỘI TÂM LINH: TỪ MÊ TIN ĐI ĐOAN TRỞ THÀNH SẢN PHẨM CỦA CHÍNH TRỊ

1. Ngô Đức Thịnh. (n.d.). Đạo Mẫu Tam Phủ: Nguồn gốc, đặc điểm và giá trị. https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/88558/1/VAN%20HOA%20THO%20NU%20THAN%20MAU%20O%20VIET%20NAM%20VA%20CHAU%20A%20BAN%20SAC%20VA%20GIA%20TRI_p544-555.pdf

VÌ SAO CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM LUÔN KHẮC NGHIỆT VỚI TÔN GIÁO?

1. Văn Tâm. (2022a). Mỹ đưa Việt Nam vào Danh sách Theo dõi Đặc biệt về tự do tôn giáo: 16 năm vẫn quanh quẩn. Luật Khoa Tạp Chí. In press. <https://www.luatkhao.com/2022/12/viet-nam-lot-vao-danh-sach-theo-doi-dac-biet-ve-tu-do-ton-giao-cua-my-16-nam-van-quanh-quan/>

2. Quỳnh Trang. (2023, March 9). Ra mắt Sách trắng “Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam.” VOV.VN. <https://vov.vn/chinh-tri/ramat-sach-trang-ton-giao-va-chinh-sach-ton-giao-o-viet-nam-post1006330.vov>

3. Hồ Đan. (2023). Tôn giáo tháng 4/2023: Bắt giữ tín đồ Tin Lành, cưỡng bức người H'mong ký cam kết bỏ đạo Dương Văn Minh. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhao.com/2023/05/ton-giao-thang-4-2023-bat-giu-tin-do-tin-lanh-cuong-buc-nguoi-hmong-ky-cam-ket-bo-dao-duong-van-minh/>

4. Meador, M. (2023). ADF International urges Biden Administration to address religious persecution in Vietnam. ADF International. <https://adfinternational.org/religious-persecution-vietnam/>

5. Hồ Đan. (2023b). Tôn giáo tháng 4/2023: Bắt giữ tín đồ Tin Lành, cưỡng bức người H'mong ký cam kết bỏ đạo Dương Văn Minh. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhao.com/2023/05/ton-giao-thang-4-2023-bat-giu-tin-do-tin-lanh-cuong-buc-nguoi-hmong-ky-cam-ket-bo-dao-duong-van-minh/>

THEO DÕI

Luật Khoa tạp chí
để cập nhật các
bài viết hữu ích về
Nhân quyền, Dân
chủ, Pháp quyền.

Website luatkhoa.com

Facebook www.fb.com/luatkhoa.org

Instagram www.instagram.com/luatkhoatapchi

Youtube bit.ly/LK-Youtube

Store store.luatkhoa.com

Spotify spotify/3vcQD5x

Tiktok www.tiktok.com/@luatkhoatapchi

Telegram t.me/s/luatkhoatc

